



ISSN: 1859 - 042X
Số 3
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

BỘ TRƯỞNG TRẦN HỒNG HÀ: HÃY XỬ LÝ AN TOÀN, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI ĐỂ BIẾN NƯỚC THẢI THÀNH TÀI NGUYÊN



**Hoàn thiện
quy định về cải tạo và
phục hồi môi trường
khu vực đất bị
ô nhiễm tồn lưu**

**Năm 2025,
ngành công nghiệp
môi trường Việt Nam
cơ bản đáp ứng nhu cầu
về bảo vệ môi trường**

**Một số vấn đề về
xử phạt hành chính
đối với hành vi vi phạm
bảo vệ môi trường
nơi công cộng**



CÔNG TY TNHH THÉP Kyoel Việt Nam (KSVC)

**Là doanh nghiệp FDI với
100% vốn đầu tư từ Nhật Bản**



KYOEI STEEL VIETNAM CO., LTD

*Là sự hợp tác chiến lược thành công của 3 Cổ đông lớn:
Công ty TNHH Thép Kyoel, Tập đoàn Metal One và Công ty
TNHH Thép Marubeni – Itochu.*

KSVC được thành lập vào tháng 9 năm 2011, là sự tiếp nối thành công của chương trình mở rộng đầu tư vào Việt Nam của Công ty TNHH Thép Kyoel Nhật Bản (sau thành công với Công ty TNHH thép Vina Kyoel - Bà Rịa, Vũng Tàu).

KSVC đi vào sản xuất từ tháng 3 năm 2012. Nhà máy có công suất 300.000 tấn/năm, hiện đang cung cấp cho thị trường các loại thép xây dựng chất lượng cao: Thép cuộn từ $\phi 6$ và $\phi 8$, thép thanh vằn từ D10 đến D43. Với nguyên tắc đầu tư nhất quán, chính sách kinh doanh linh hoạt, KSVC đang dẫn đầu định thương hiệu bằng cách tập trung đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để làm chủ công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm, đáp ứng mục tiêu duy trì sự phát triển bền vững, ổn định trong tương lai.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT HƯƠNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Việt Hương 2, Ấp 2, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Bình Dương

VHIP là thương hiệu được các nhà đầu tư nước ngoài vừa và nhỏ từ hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ chọn lựa là đối tác tin cậy trong việc cung cấp dịch vụ trọn gói 'Chìa khoá trao tay' bao gồm cung cấp dịch vụ từ khâu tư vấn thủ tục pháp lý, hải quan, dịch vụ xuất nhập khẩu, nhân sự... đến việc đăng ký các loại giấy phép liên quan, xây dựng nhà xưởng và văn phòng, hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải,...

Tại VHIP, chúng tôi luôn đồng hành cùng với nhà đầu tư của mình không chỉ từ những ngày đầu tiên họ đặt chân đến và đầu tư tại Việt Nam mà cả trong suốt thời gian hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp vì chúng tôi tin rằng sự phát triển và thịnh vượng của nhà đầu tư của chúng tôi như chính là mục tiêu của mình, là nền tảng giá trị mong muốn mà chúng tôi luôn xây dựng và hướng đến đó là "Đồng hành phát triển, Hướng đến thành công"

Hướng đến chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển KCN mới với các ngành phụ trợ may mặc.



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (04) 66569135
Phòng Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Việt Hưng**

Bìa: *Lễ Mít tình Quốc gia Hưởng ứng
Ngày Nước thế giới*

Ảnh: TCMT

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 3/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] ● Hưởng ứng Ngày Nước thế giới: Xử lý an toàn và tái sử dụng nước thải - Giải pháp bảo vệ tài nguyên nước bền vững
- [5] ● Giờ Trái đất 2017: Cả nước cùng hành động để tiết kiệm năng lượng
- [6] ● Hội thảo quốc tế lần thứ ba về ô nhiễm môi trường, biện pháp phục hồi và quản lý
- [7] ● Ngành TN&MT: Đẩy mạnh công tác thanh tra góp phần xây dựng Chính phủ liêm chính và kiến tạo



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [8] PHƯƠNG LINH: Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra việc bồi thường thiệt hại môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung
- [9] LƯU TRANG: Khẩn trương xử lý vụ vỡ đập khai thác thiếc ở Quỳnh Hợp, Nghệ An
- [10] NGUYỄN MẠNH HÙNG - NGUYỄN MẠNH HÙNG: Hoàn thiện quy định về cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu
- [12] NGUYỄN HUY HOÀN: Năm 2025, ngành công nghiệp môi trường Việt Nam cơ bản đáp ứng nhu cầu về BVMT
- [14] LÊ XUÂN THÁI: Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thu hồi xe máy cũ gây ô nhiễm môi trường
- [16] NGUYỄN HỒNG NGUYỄN: Bình Dương: Gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với BVMT
- [18] PHẠM MẠNH CƯỜNG: Vĩnh Phúc: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT
- [20] HUỖNH QUỐC KHÔI: Thực trạng nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh cải tiến tại Bạc Liêu và các tác động tới môi trường
- [22] LÊ THANH TUẤN: Ninh Thuận đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [25] VƯƠNG TIẾN MẠNH: Bắt cập trong công tác quản lý mẫu động, thực vật hoang dã tịch thu từ các vụ buôn bán trái pháp luật
- [26] ĐỖ XUÂN ĐỨC: Cần cân trọng quá trình cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm
- [28] NGUYỄN VĂN PHƯƠNG: Một số vấn đề về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm bảo vệ môi trường nơi công cộng
- [30] NGUYỄN NGỌC LÝ - ĐÀO THỊ THANH THỦY: Sự tham gia của phụ nữ trong đánh giá tác động môi trường
- [32] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG - NGUYỄN HẢI YẾN: Cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những khó khăn thách thức với Việt Nam

TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [34] NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG: Ứng dụng khoa học công nghệ nhân giống gừng núi đá góp phần bảo tồn nguồn gen bản địa
- [36] LÊ VŨ LINH SOA: Xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường làng nghề
- [38] LÊ THỊ HƯỜNG: Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển Quảng Nam - Đà Nẵng
- [40] ĐỖ TÁ HÒA - LÊ TẤT ĐẠT: Đánh giá nguy cơ ô nhiễm môi trường vịnh Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp BVMT và phát triển bền vững
- [42] TRỊNH VĂN TUYẾN - HOÀNG LƯƠNG: Giải pháp công nghệ mới cho xử lý nước thải phòng khám ở Việt Nam



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [43] PHẠM HỒNG DƯƠNG: HTX Môi trường và Dịch vụ Thương mại Thành Vinh: Mô hình xã hội hóa thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hiệu quả
- [45] NGUYỄN PHƯƠNG QUÝ: Nhà nước cần có chính sách ưu tiên, khuyến khích các nhà đầu tư trong lĩnh vực xử lý nước thải
- [47] GIÁNG HƯƠNG: Bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng ai



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [48] PHẠM TRUNG KIÊN: Lào Cai: Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và môi trường
- [50] PHẠM HỒNG LONG: Hướng tới phát triển du lịch sinh thái bền vững tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [53] MINH NGUYỆT: Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn Pá Khoang - Điện Biên
- [55] TẠ KIẾU ANH: Bảo tồn những giá trị đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn thiên nhiên sông Thanh
- [56] TẠ HÒA PHƯƠNG: Khám phá hang động Nhù Sang trên cao nguyên đá Đồng Văn



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [58] VŨ THỊ MAI LAN: Kinh nghiệm quản lý tổng hợp môi trường biển tại Hàn Quốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP NẶNG ANPHA

Địa chỉ: Lô D4 - D5, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước,
huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Chào mừng kỷ niệm 42 năm
Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)
và Ngày quốc tế Lao động (1/5/2017)

CÔNG TY TNHH HẢI YẾN

Địa chỉ: Khu Vĩnh Sinh, Thị trấn Mạo Khê, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

Chào mừng kỷ niệm 42 năm
Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)
và Ngày quốc tế Lao động (1/5)

BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 5 - Ngõ 12 - Đường Nguyễn Văn Cừ - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Chào mừng kỷ niệm 42 năm
Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)
và Ngày quốc tế Lao động (1/5)



HƯỚNG ỨNG NGÀY NƯỚC THẾ GIỚI 2017

Xử lý an toàn và tái sử dụng nước thải - Giải pháp bảo vệ tài nguyên nước bền vững



▲ Toàn cảnh Lễ mít tinh

Ngày 22/3/2017, tại TP. Bắc Ninh, Bộ TN&MT phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức Lễ mít tinh quốc gia hưởng ứng Ngày Nước thế giới năm 2017. Tham dự Lễ mít tinh có Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà; Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiển; Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Nhân Chiến; Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tử Quỳnh; Đại diện các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; Đại diện các tổ chức quốc tế; Lãnh đạo các Sở, ban, ngành và hơn 500 cán bộ, chiến sỹ, học sinh, người dân tỉnh Bắc Ninh.

Phát biểu khai mạc Lễ mít tinh, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nhấn mạnh, nước là nguồn tài nguyên chiến lược, đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và sản xuất. Vì vậy, Liên hợp quốc đã chọn “Nước thải” làm chủ đề cho Ngày Nước thế giới năm nay, nhằm tránh lãng phí, cải thiện nguồn nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bộ trưởng kêu gọi các cấp, ngành, địa phương và cộng đồng dân

cư hãy cùng nhau xử lý an toàn, tái sử dụng nước thải để biến nước thải thành tài nguyên; Xử lý an toàn, tái sử dụng nước thải nông nghiệp, nước thải đô thị, nhằm bảo vệ sức khỏe, thúc đẩy an ninh lương thực, tạo không gian xanh cho đô thị...

Theo đánh giá của Ngân hàng châu Á, Việt Nam thuộc diện quốc gia thiếu nước, tài nguyên nước nội địa chỉ đạt mức trung bình kém của thế giới (khoảng 3.600 m³/người/năm), thấp hơn mức bình quân toàn cầu (4.000 m³/người/năm). Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế, sức ép dân số và chất lượng cuộc sống liên tục gia tăng, dẫn đến tình trạng ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nguồn nước, đồng thời nảy sinh những mâu thuẫn, tranh chấp giữa các ngành sử dụng nước. Nhận thức rõ các thách thức đó, những

năm qua, Việt Nam đã nỗ lực trong đàm phán hợp tác quốc tế và ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng để quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước. Đặc biệt, với sự hỗ trợ trên 2 tỷ USD của Ngân hàng thế giới, Việt Nam đã phát triển và đầu tư nhiều dự án liên quan đến nước, vệ sinh môi trường, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bền vững cho khoảng 30 tỉnh, thành phố.

Nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm, tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tài nguyên nước, BVMT, trong năm 2017 và những năm tiếp theo, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đưa các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến quản lý tài nguyên nước vào cuộc sống; Thực hiện nghiêm quy định của Luật Tài nguyên nước, Luật BVMT, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: Tổng hợp, đề xuất sửa đổi một số quy định về BVMT trong các luật về môi trường, tài nguyên, thuế...; Tập trung thanh tra, kiểm tra các đối tượng có lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày, đếm trở lên và rà soát công tác đánh giá tác động môi trường, công trình, biện pháp BVMT của các dự án lớn, nguy cơ gây ô



nhằm môi trường cao; Xây dựng và triển khai Đề án về cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa BVMT; Thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Quản lý chặt chẽ các lưu vực sông, bảo vệ rừng và nguồn sinh thủy. Bên cạnh đó, đầu tư hệ thống giám sát hoạt động khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước theo hướng xã hội hóa việc quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thông tin về tài nguyên nước đến người dân, doanh nghiệp; Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề về khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước sông Hồng, sông Mê Công với các quốc gia thượng nguồn...

Nằm trong chuỗi các sự kiện kỷ niệm Ngày Nước thế giới năm 2017, ngày 21/3 đã diễn ra Hội thảo khoa học “Xử lý an toàn, tái sử dụng nước thải - Giải pháp bảo vệ tài nguyên nước bền vững”. Tại Hội thảo, các tham luận về: Pháp luật tài nguyên nước về bảo vệ nguồn nước và quản lý hoạt động xả nước thải; Công tác quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Hợp tác vùng trong quản lý, giám sát chất lượng nước xuyên biên giới tại Ủy hội sông Mê Công quốc tế; Nguy cơ ô nhiễm tài nguyên nước dưới đất ở các đô thị Việt Nam từ các nguồn thải và giải pháp bảo vệ; Kiểm soát nước thải công nghiệp - Xu hướng và tầm nhìn đã được trình bày. Trên cơ sở đó, các đại biểu, chuyên gia đã trao đổi, thảo luận về nguyên nhân, tác hại của vấn đề ô nhiễm môi trường nguồn nước cũng như những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý tài nguyên nước hiện nay, đồng thời, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu trong công tác quản lý và tái sử dụng nước thải an toàn.

BÙI HẰNG



Giờ Trái đất 2017: Cả nước cùng hành động để tiết kiệm năng lượng



▲ Hoạt động đạp xe hưởng ứng Giờ Trái đất tại TP. Hồ Chí Minh

Tối ngày 25/3/2017, tại Hà Nội, Lễ Tắt đèn hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất với thông điệp “Tắt đèn - Bật tương lai” đã diễn ra tại Quảng trường Cách mạng tháng Tám (Quận Hoàn Kiếm), với sự tham dự của Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh, lãnh đạo Tổng cục Năng lượng (Bộ Công Thương), lãnh đạo UBND TP. Hà Nội, các đại sứ của Chiến dịch cùng hàng nghìn học sinh, sinh viên và người dân đang sinh sống và làm việc tại Thủ đô.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh nhấn mạnh, hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất 2017, Việt Nam đã khẳng định nỗ lực của người dân trong các cam kết BVMT, tiết

kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng hiện tại và tương lai, đồng thời mong muốn xây dựng một nền kinh tế theo hướng xanh và phát triển bền vững. Bộ trưởng cũng kêu gọi mọi tổ chức, cá nhân, gia đình và doanh nghiệp hãy chủ động tiết kiệm năng lượng và góp sức trong ứng phó với biến đổi khí hậu bằng những hành động đơn giản là tắt đèn và các thiết bị điện khi không sử dụng.

Đúng 20h30', lãnh đạo Bộ Công Thương, UBND TP. Hà Nội, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đại sứ của Chiến dịch đã thực hiện nghi thức tắt đèn hưởng ứng Giờ Trái đất 2017. Lễ

(Xem tiếp trang 11)



Hội thảo quốc tế lần thứ ba về ô nhiễm môi trường, biện pháp phục hồi và quản lý

Ngày 8/3/2017, tại TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã diễn ra Hội thảo quốc tế lần thứ 3 về ô nhiễm môi trường, biện pháp phục hồi và quản lý do Hội Hóa học và Độc học môi trường khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Trường Đại học Loyola Chicago (Mỹ) và Trường Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

Hội thảo có sự tham dự của Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, Chủ tịch Hội Gặp gỡ Việt Nam GS. Trần Thanh Vân, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định Hồ Quốc Dũng cùng với khoảng 250 đại biểu, nhà khoa học, chuyên gia, sinh viên đến từ 35 quốc gia trên thế giới. Hội thảo là diễn đàn để các nhà khoa học trình bày kết quả nghiên cứu khoa học, thảo luận về các vấn đề môi trường và chia sẻ kinh nghiệm quản lý môi trường nhằm tăng cường hợp tác nghiên cứu và đào tạo giữa các nước phát triển và đang phát triển.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, cùng với quá trình phát triển, Việt Nam đang phải đối mặt với

các thách thức như ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường ngày càng gia tăng, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm; biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; trong khi công tác quản lý môi trường còn nhiều hạn chế... Để giải quyết các thách thức về môi trường, Việt Nam đã đưa ra những quyết sách mạnh mẽ, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế. Chỉ thị số 25/2016/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT đã đề cập đến các hoạt động cụ thể để tập trung giải quyết một số vấn đề môi trường bức xúc trước mắt; đồng thời định hướng cho việc BVMT và phát triển bền vững lâu dài. Để thực hiện thành công các chủ trương, chính sách quan trọng nêu trên, Bộ trưởng mong muốn nhận được sự hỗ trợ hiệu quả của các nhà khoa học trong và ngoài nước để đưa ra các biện pháp có tính đột phá, tiếp cận với trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Tại Hội thảo đã có 150 báo cáo và tham luận về thực trạng môi trường, giải pháp và quản lý được trình bày, trong đó có 3 thuyết



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu khai mạc Hội thảo

trình quan trọng về “Đánh giá mức tác hại nguồn tài nguyên thiên nhiên và khả năng phục hồi của những vụ tràn dầu và tai nạn hóa chất” của Tiến sĩ Li Sa Dipinto, Chuyên gia cao cấp Văn phòng về các vấn đề ứng phó, phục hồi môi trường NOAA (Mỹ); “Phải chăng sự nở hoa tảo độc (HABS) đang ảnh hưởng đến chất lượng nước lục địa, đe dọa sức khỏe cộng đồng và hệ sinh thái thủy quyển” của Giáo sư Bryan W. Brooks, Đại học Bay Lor - Texas (Mỹ); “Ô nhiễm chất dẻo từ cái nhìn hệ thống nguồn kết nối, vận chuyển, phân phối và ảnh hưởng” của Tiến sĩ Chris Wi Lcox, chuyên gia về ô nhiễm môi trường biển và không khí thuộc Cơ quan BVMT Ôxtrâyli.

Trong khuôn khổ Hội thảo đã diễn ra Hội nghị bàn tròn giữa lãnh đạo Bộ TN&MT và các nhà khoa học nhằm trao đổi thông tin và thiết lập mạng lưới liên kết, hợp tác. Theo đó, hầu hết các nhà khoa học đều thống nhất nên thành lập một mạng lưới liên kết các nhà khoa học quốc tế trong lĩnh vực môi trường, để thường xuyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, cách thức giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu, từ đó hình thành nên những nhóm nhà khoa học chuyên biệt cho từng lĩnh vực để nghiên cứu, đề ra các giải pháp cụ thể.

N.HÀNG



▲ Các đại biểu tham dự Hội thảo



Ngành TN&MT: Đẩy mạnh công tác thanh tra góp phần xây dựng Chính phủ liêm chính và kiến tạo

Trong hai ngày 9 - 10/3/2017, tại tỉnh Khánh Hòa, Bộ TN&MT tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ thanh tra và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ngành TN&MT năm 2017.

Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành TN&MT đã nêu: Năm 2016, toàn ngành đã thực hiện 2.017 cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó có 44 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và 1.973 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 7.975 tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra đã phát hiện và xử lý 2.896 tổ chức, cá nhân có vi phạm, trong đó xử phạt vi phạm hành chính đối với 1.497 tổ chức, cá nhân với số tiền hơn 93 tỷ đồng, kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước trên 15 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi 5.948 ha đất, 37 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đối với 3 tổ chức...

Trong lĩnh vực môi trường có 17% số tỉnh, thành phố chưa lập, phê duyệt quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn 2015 - 2020; 33% số tỉnh, thành phố chưa tiến hành điều tra tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn; 50% số tỉnh, thành phố việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cam kết



▲ Quang cảnh Hội nghị

BVMT chưa đúng quy định. Qua thanh tra, kiểm tra cho thấy, các vi phạm chủ yếu tập trung vào các nội dung: Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung báo cáo ĐTM hoặc cam kết BVMT (chiếm 68%); quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng theo quy định (chiếm 12%); xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép (chiếm 5%)...

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đánh giá, trong những năm qua, ngành TN&MT nói chung và công tác thanh tra của ngành nói riêng đã đạt được nhiều kết quả rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức đặt ra cũng không ít đòi hỏi toàn ngành phải quyết tâm có sự đổi mới cơ bản từ tư duy đến hành động, đặc biệt trong công tác thanh tra. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, phải xác định rõ đối tượng, mục tiêu và yêu cầu thanh tra, kiểm tra; đồng thời phải bảo đảm tính đồng bộ, phối hợp xuyên suốt trong toàn ngành. Về nhiệm vụ năm 2017 và những năm tiếp theo, ngành TN&MT nói chung và đội ngũ thanh tra nói riêng phải hết sức quyết liệt, đồng hành cùng Chính phủ trong việc xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, lấy dân làm gốc. Do vậy công tác thanh tra của ngành phải “hành động hơn”, “quyết liệt

hơn” và “kịp thời hơn”, Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh.

Theo kế hoạch thanh tra năm 2017 sẽ thanh tra trách nhiệm tại 7 tỉnh gồm: Bắc Giang, Lào Cai, Phú Thọ, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, An Giang. Các nội dung thanh tra tập trung vào việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai; việc chấp hành pháp luật trong quản lý đất đai của UBND các cấp; Việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong công tác quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường; tăng cường kiểm tra việc thu hồi cát từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng, lạch tại các địa phương trên cả nước, nhất là ở các huyện giáp ranh khiến môi trường ô nhiễm, sạt lở nghiêm trọng bờ sông, gây bức xúc trong dư luận; Thanh tra công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước và hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng, xả thải vào nguồn nước của một số tổ chức, cá nhân; Thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT tại các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (dệt nhuộm, hóa chất, luyện kim, giấy, bột giấy, tinh bột sắn, cao su, mía đường, xi măng, thuốc da, nhiệt điện...); các cơ sở có nguồn thải lớn từ 200 m³/ngày đêm trở lên (trừ các đối tượng đã được Bộ TN&MT thanh tra trong năm 2016)■

NAM VIỆT

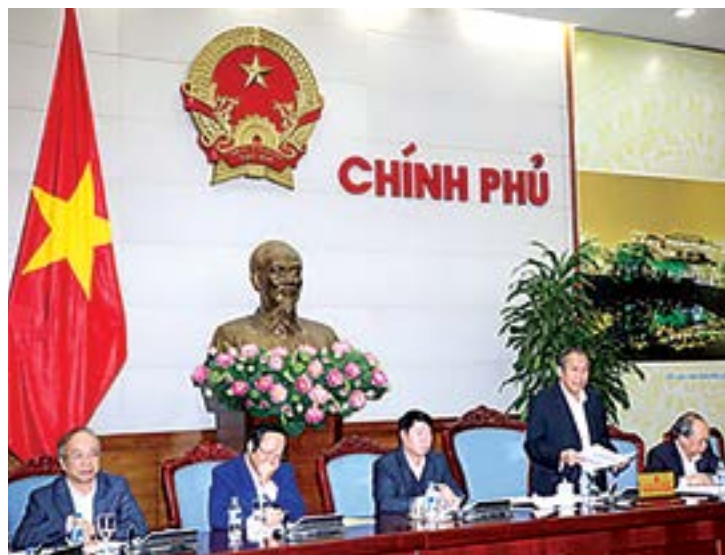


Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra việc bồi thường thiệt hại môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung

Ngày 8/3/2017, tại trụ sở của Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng Ban Chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường tại 4 tỉnh miền Trung đã chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo.

Theo Báo cáo của Bộ NN&PTNT, tính đến ngày 31/12/2016, cơ quan chức năng đã thực hiện chính sách hỗ trợ khẩn cấp gạo theo chỉ đạo của Chính phủ là 15.027 tấn và 59 tỷ đồng cho ngư dân; chi trả bồi thường và xử lý hàng tồn kho, tạm cấp kinh phí đợt 1 với 3.000 tỷ đồng, đợt 2 là 1.680 tỷ đồng cho 4 tỉnh miền Trung. Đến ngày 6/3/2017, cả 4 tỉnh đã giải ngân được 3.595,1 tỷ đồng trong tổng số 4.680 tỷ đồng được tạm cấp, đạt 76,8%. Nhìn chung công tác xác định và kê khai thiệt hại được tiến hành khẩn trương, đúng đối tượng, định mức, công khai, minh bạch; tình hình sản xuất và đời sống của người dân dần được khôi phục; việc xây dựng đề án giám sát môi trường, phục hồi và tái tạo các hệ sinh thái thủy sinh, nguồn lợi thủy sản, chính sách khôi phục và phát triển sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm đang được xây dựng.

Sau khi nghe ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện việc bồi thường thiệt hại sự cố môi trường, Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình đã chỉ đạo thành lập 4 đoàn kiểm tra, thanh tra việc bồi thường thiệt hại môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung. Tại các địa phương cũng sẽ thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra nhằm giải quyết các vướng mắc, ghi nhận ý kiến của địa phương và nhân dân để có biện pháp tháo gỡ kịp thời. Về phương hướng trong thời gian tới, Phó Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt quyết định bổ sung định mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho



▲ Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp về khắc phục sự cố môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung

các đối tượng thuộc Quyết định số 1880/QĐ-TTg; triển khai nhanh Quyết định số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo nhiệm vụ được giao; Các địa phương sớm hoàn thành chi trả tiền tạm cấp đợt 2; tiếp tục điều kiểm ngư để giám sát, vận động người dân không khai thác hải sản tầng đáy ở vùng biển 20 hải lý trở vào từ bờ biển Hà Tĩnh đến Thừa Thiên-Huế; Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì xử lý hải sản tồn kho; Các cơ quan chức năng tiếp tục giám sát Công ty Formosa Hà Tĩnh thực hiện đúng các cam kết, có trách nhiệm xã hội với bà con trên địa bàn. Chỉ khi nào bảo đảm an toàn tuyệt đối về môi trường mới cho xả thải. Đồng thời theo dõi chặt chẽ các hiện tượng về môi trường để có giải pháp khắc phục, không để lo lắng trong nhân dân.

Đặc biệt, Phó Thủ tướng lưu ý, cần đẩy mạnh công tác truyền thông gắn với dân vận về quá trình bồi thường thiệt hại cho người dân. Báo chí phản ánh đúng tình hình một cách khách quan, trung thực, chính xác, không được kích động, suy diễn, đưa tin trên cơ sở các kết luận khoa học của cấp có thẩm quyền về tình trạng khắc phục sự cố. Hiện nay, Bộ TN&MT khẳng định tình hình đã ổn định, biển đã sạch đáp ứng các hoạt động du lịch, dịch vụ, đánh bắt thủy sản của người dân. Chính phủ kiên quyết xử lý không để xảy ra gian dối, tiêu cực, tham nhũng trong quá trình bồi thường, hỗ trợ thiệt hại. Đồng thời, các địa phương cũng phải bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn■

PHƯƠNG LINH



Khẩn trương xử lý vụ vỡ đập khai thác thiếc ở Quỳnh Hợp, Nghệ An

Rạng sáng ngày 9/3/2017, đập chứa bùn thải khai thác thiếc trên đỉnh núi Lan Toong, xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An của Xí nghiệp thiếc Suối Bắc (thuộc Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh) đã bị vỡ dẫn đến một lượng lớn bùn thải xả thẳng ra môi trường và chảy vào các ao hồ làm cá nuôi của một số hộ dân ở xã Châu Thành và cá tự nhiên ở các con suối thuộc các xã hạ du Châu Quang, Châu Cường (Quỳnh Hợp) bị chết, nhiều diện tích đất nông nghiệp bị bồi lấp. Vụ việc làm cho người dân hoang mang, lo lắng và gây bức xúc trong dư luận.

Ngay sau khi sự cố xảy ra, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 2499/VPCP-KGVX truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng yêu cầu UBND tỉnh Nghệ An chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương xử lý vụ việc, khắc phục hậu quả xảy ra đối với môi trường; thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường của doanh nghiệp khai thác thiếc để xảy ra sự cố vỡ đập bùn thải, xử lý nghiêm nếu có sai phạm.

Ngày 15/3/2017, Đoàn kiểm tra của Bộ TN&MT đã làm việc với Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh với những nội dung: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT và khoáng sản; kiểm tra việc khắc phục sự cố vỡ đập hồ chứa bùn thải từ hoạt động tuyển quặng của dự án khai thác, chế biến quặng thiếc phía Đông suối Bắc tại xã Châu Hồng và xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Qua kiểm tra hiện trường, Đoàn đã ghi nhận một số vấn đề như đơn vị không sử dụng nước tuần hoàn trong quá trình sản xuất như trong đánh giá tác động

môi trường (ĐTM); một số hồ chứa chất thải không nằm trong ĐTM mà đơn vị đã tự ý xây dựng; việc thoát nước mặt, nước mưa chưa thực hiện tốt, còn để nước tự nhiên chảy vào trong khu vực sản xuất và hồ chứa thải... Đồng thời, Đoàn cũng tiến hành lấy mẫu ở nhiều điểm khác nhau để phân tích các chỉ số môi trường.

Liên quan sự việc này, Đoàn công tác của Bộ Công Thương đã làm việc với Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh, UBND huyện Quỳnh Hợp, Sở Công thương tỉnh Nghệ An để thu thập thông tin, xác minh nguyên nhân sự cố, đồng thời phối hợp với các đơn vị chức năng có biện pháp khắc phục sự cố triệt để trong thời gian tới, nhất là khi mùa mưa bão đang đến gần. Quá trình kiểm tra cho thấy, Công ty chưa được cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT; thiết kế kỹ thuật của đập thải do chủ doanh nghiệp tự thiết kế và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Công ty vẫn chưa trình được cho Đoàn công tác hồ sơ thi công và vận hành hồ thải.

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra hiện trường, Đoàn công tác Bộ Công Thương đã kết luận, một trong những nguyên nhân gây nên sự cố vỡ đập thải là do chủ doanh nghiệp chưa tuân thủ các

quy định của pháp lý hiện hành về quản lý sản xuất an toàn và BVMT. Đoàn công tác yêu cầu Công ty dừng hoạt động của bãi thải, tập trung nguồn lực, khắc phục sự cố. Tuyệt đối không để tràn bùn thải ra môi trường, đặc biệt có các biện pháp phòng ngừa khi điều kiện mưa, lũ xảy ra. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị chức năng của tỉnh Nghệ An để hỗ trợ cho người dân ổn định cuộc sống theo yêu cầu của UBND huyện Quỳnh Hợp. Ngoài ra, Công ty phải lập biện pháp khắc phục sự cố, xây dựng, gia cố đập thải đảm bảo an toàn lâu dài, không để xảy ra sự cố tương tự, ảnh hưởng đến môi trường và chỉ đưa bãi thải vào hoạt động khi có xác nhận đã hoàn thành công trình BVMT của cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh Nghệ An). Đoàn công tác yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam chỉ đạo Tổng Công ty khoáng sản kiểm điểm và làm rõ nguyên nhân sự cố, trách nhiệm của đơn vị và các cá nhân có liên quan đến sự cố vỡ đập. Sở Công Thương tỉnh Nghệ An thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện khắc phục sự cố của Công ty và việc thực hiện các yêu cầu của Đoàn công tác■

LƯU TRANG



Hoàn thiện quy định về cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu

NGUYỄN MẠNH HÙNG - Phó Cục trưởng
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
Tổng cục Môi trường

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, ô nhiễm môi trường đang có xu hướng gia tăng, trong đó tình trạng ô nhiễm đất ngày càng nghiêm trọng, nhất là tại các kho chứa, nơi chôn lấp hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu; khu khai thác và chế biến khoáng sản; khu, cụm công nghiệp, làng nghề...

Trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách quan trọng như Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 về Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu trên phạm vi cả nước; Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 2/9/2012 về Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường. Tuy nhiên, để những giải pháp và kế hoạch trên phát huy hiệu quả, cần phải có những quy định, hướng dẫn chi tiết về cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu. Chính vì vậy, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT quy định về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu (Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT) nhằm hướng dẫn quy trình quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu cho phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2014.

Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT gồm 3 Chương, 18 Điều, 10 Phụ lục, quy định về các nội dung: Tiêu chí phân loại khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu; Hướng dẫn thực hiện hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu; Kiểm tra, xác nhận hoàn thành việc cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.

Trong đó, các khu vực bị ô nhiễm được phân loại dựa trên các tiêu chí: nguồn ô nhiễm tồn lưu, khả năng lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động. Các tiêu chí được đánh giá thông qua điểm trọng số và việc xác định mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm căn cứ vào tổng điểm trọng số của các tiêu chí. Khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phân loại theo 3 mức độ rủi ro: thấp, trung bình và cao.



▲ Khu vực kho thuốc BVTV núi Voi, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi có mức độ ô nhiễm vượt quy chuẩn cần được xử lý

Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý. Việc điều tra, đánh giá sơ bộ nhằm xác định khu vực bị ô nhiễm tồn lưu, có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường để cảnh báo, công bố thông tin cho cộng đồng dân cư và làm cơ sở để tiến hành điều tra, đánh giá chi tiết. Quy trình điều tra, đánh giá khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được chia làm 2 giai đoạn: điều tra, đánh giá sơ bộ và điều tra, đánh giá chi tiết. Việc điều tra, đánh giá sơ bộ nhằm xác định khu vực có, hoặc không có chất gây ô nhiễm tồn lưu có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Việc điều tra, đánh giá chi tiết khu vực bị ô nhiễm nhằm xác định rõ các chất ô nhiễm tồn lưu; nguồn ô nhiễm tồn lưu; mức độ, quy mô, phạm vi ô nhiễm; khả năng lan truyền; các đối tượng bị tác động và trách nhiệm cải tạo và phục hồi môi trường.

Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết là căn cứ để xác định trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm và kinh phí thực hiện điều tra, đánh giá được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường.

Căn cứ vào kết quả điều tra, đánh giá chi tiết và phân loại khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu để đưa ra các giải pháp xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường phù hợp. Đối với khu vực bị ô nhiễm có mức độ rủi ro thấp tiến hành lập dự án cải tạo và phục hồi môi trường theo phương án kiểm soát khu vực bị ô nhiễm. Đối với khu vực bị ô nhiễm có mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro cao tiến hành lập dự án xử lý ô nhiễm theo phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường. Ưu tiên thực hiện xử lý các khu vực bị ô nhiễm tồn lưu có mức độ rủi ro cao.

Theo quy định tại Điều 10 của Thông tư, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm lập phương án xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm liên tỉnh quy định tại khoản 1, Điều 13,



Nghị định số 19/2015/NĐ-CP (gồm các khu vực ô nhiễm môi trường đất do hóa chất độc hại sử dụng trong chiến tranh; hóa chất BVTV tồn lưu; khu vực ô nhiễm môi trường đất nhưng không xác định được đối tượng gây ô nhiễm); UBND tỉnh lập phương án xử lý ô nhiễm đối với khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý quy định tại khoản 1, Điều 13, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, trình Bộ TN&MT thẩm định, phê duyệt. Các tổ chức, cá nhân phải lập lại phương án xử lý ô nhiễm trong các trường hợp: Thay đổi quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm triển khai thực hiện phương án xử lý ô nhiễm; Thay đổi quy mô, phương thức, biện pháp kỹ thuật và công nghệ xử lý so với phương án xử lý ô nhiễm đã được phê duyệt. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án xử lý ô nhiễm cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Việc thẩm định, phê duyệt phương án xử lý được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tư vấn cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án xử lý ô nhiễm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt về kết quả thẩm định. Sau khi được phê duyệt phương án xử lý, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm huy động, tìm kiếm nguồn vốn và thực hiện dự án xử lý ô nhiễm khu vực bị ô nhiễm theo phương án xử lý ô nhiễm đã được phê duyệt.

Sau khi hoàn thành cải tạo và phục hồi môi trường, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện dự án xử lý ô nhiễm có trách nhiệm lấy mẫu hoặc hợp đồng với 3 đơn vị có chức năng lấy mẫu và phân tích mẫu có đủ năng lực, đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và phương án xử lý ô nhiễm đã được phê duyệt; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư bị tác động; lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án kiểm tra, xác nhận hoàn thành cải tạo và phục hồi môi trường. Việc xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường được tiến hành thông qua tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá thực tế.

Việc ban hành Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý cho việc điều tra, đánh giá, phân loại và xử lý khu vực môi trường đất bị ô nhiễm tồn lưu, góp phần giải quyết những điểm nóng về ô nhiễm môi trường trên phạm vi cả nước. Đồng thời, thúc đẩy việc xã hội hóa hoạt động xử lý khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu, tăng cường nguồn lực BVMT, đem lại môi trường sống trong lành và an toàn cho người dân■

GIỜ TRÁI ĐẤT 2017: CẢ NƯỚC CÙNG HÀNH ĐỘNG ...

(Tiếp theo trang 5)

Tắt đèn là sự kiện chính, kết nối thông điệp xuyên suốt về Giờ Trái đất 2017 nhằm tuyên truyền sâu rộng đến hơn 90 triệu dân về Chiến dịch ý nghĩa này. Cùng với thủ đô Hà Nội, 62 tỉnh, thành phố trong cả nước đã đồng loạt tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết từ 20h30' - 21h30', kết quả là hệ thống điện quốc gia đã tiết kiệm được 471.000 kWh, tương đương với giá trị khoảng 764 triệu đồng. Đây là sự kiện vì môi trường có ý nghĩa quan trọng với mục tiêu tiết kiệm năng lượng, hành động vì khí hậu.

Việt Nam tham gia Giờ Trái đất từ năm 2009, đây là một trong những hành động của Chính phủ và người dân Việt Nam thể hiện cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030, chung tay cùng thế giới trong cuộc chiến ứng phó biến đổi khí hậu. Theo thống kê của EVN, năm 2009 sau 1 giờ tắt đèn, cả nước đã tiết kiệm được 140.000 kWh; năm 2010 tiết kiệm được 500.000 kWh; năm 2011 tiết kiệm được 400.000 kWh; năm 2012 lượng điện tiết kiệm lên tới 546.000 kWh; năm 2013 tiết kiệm được 401.000 kWh; năm 2014 tiết kiệm được 431.000 kWh; năm 2015, tiết kiệm được 520.000 kWh; năm 2016 tiết kiệm được 451.000 kWh.

Cả nước hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất

Từ ngày 5 - 25/3/2017, trên cả nước đã diễn ra nhiều hoạt động tuyên truyền, kêu gọi cộng đồng hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất

2017. Cụ thể, tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã triển khai chiến dịch “Kết nối doanh nghiệp và Giờ Trái đất 2017”, nhằm kêu gọi và vận động khoảng 2.000 doanh nghiệp hưởng ứng bằng cách cam kết tiết kiệm điện năng tại các nhà máy, xí nghiệp cam kết hạn chế sử dụng điện lưới trong giờ cao điểm... Ngoài ra, tại TP Hồ Chí Minh cũng đã triển khai thực hiện các dự án như: Khu phố xanh; 20s cho Giờ Trái đất (thiết lập các đội, nhóm chốt tại những nút giao thông để tuyên truyền vận động người dân tham gia giao thông bằng xe máy tắt máy khi dừng đèn đỏ hơn 20 giây và ưu tiên sử dụng xăng sinh học (E5); Kết nối xanh (xây dựng chương trình giáo dục kiến thức BVMT trong học đường)...

Tại 63 tỉnh, thành phố, các tình nguyện viên đã phát hành cẩm nang tiết kiệm điện đến các hộ gia đình nhằm vận động người dân thực hiện tiết kiệm điện trong 1 giờ của Chiến dịch và cung cấp kiến thức cơ bản để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời, các hoạt động giao lưu ở các trường học cũng đã được tuyên truyền sâu rộng và nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với việc tiết kiệm điện và BVMT, trong đó lực lượng học sinh, sinh viên là nòng cốt. Ngoài ra, là hoạt động đạp xe; treo băng-rôn, poster, khẩu hiệu tuyên truyền về Giờ Trái đất cũng đã được các địa phương tích cực hưởng ứng■



Năm 2025, ngành công nghiệp môi trường Việt Nam cơ bản đáp ứng nhu cầu về bảo vệ môi trường

Ngày 13/2/2017, “Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường (CNMT) Việt Nam đến năm 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 192/QĐ-TTg với mục tiêu “đến năm 2025, ngành CNMT Việt Nam cơ bản đáp ứng nhu cầu về BVMT” cùng nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Để hiểu rõ hơn về nội dung này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với ông Nguyễn Huy Hoàn - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.

***Xin ông cho biết, một số mục tiêu chính của Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam đến năm 2025 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng như khả năng hiện thực hóa các mục tiêu này?**

Ông Nguyễn Huy Hoàn: Năm 2015 là thời điểm kết thúc giai đoạn I thực hiện Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009. Trước yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp phục vụ sự nghiệp BVMT, trong năm 2016, Thủ tướng đã giao Bộ Công Thương tiếp tục xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam đến năm 2025, với những mục tiêu trong từng lĩnh vực: phát triển các công nghệ xử lý, tái chế chất thải, phân tích, quan trắc, giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường; công nghệ sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển sản xuất thiết bị và sản phẩm đáp ứng cơ bản nhu cầu BVMT... Phấn đấu đến năm 2025 ngành CNMT Việt Nam cơ bản đáp ứng nhu cầu về BVMT. Có thể nói, đây là một mục tiêu khá kỳ vọng so với hiện trạng phát triển ngành CNMT hiện tại của Việt Nam. Theo số liệu khảo sát, đánh giá của Bộ Công Thương, đến nay ngành CNMT Việt Nam mới đáp ứng 2-3% nhu cầu xử lý nước thải đô thị; 15% nhu cầu xử lý chất thải rắn, 14% nhu cầu xử lý



▲ Ông Nguyễn Huy Hoàn - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương

chất thải nguy hại. Các doanh nghiệp CNMT còn hạn chế về số lượng lẫn quy mô, vốn điều lệ ít (52,6% doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn dưới 5 tỷ đồng, số lượng doanh nghiệp quy mô lớn, vốn trên 500 tỷ đồng chỉ chiếm khoảng 2,84%). Các doanh nghiệp CNMT chủ yếu tập trung ở lĩnh vực dịch vụ, trong khi rất thiếu các doanh nghiệp mạnh để giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng của đất nước. Các sản phẩm, thiết bị cung cấp ra thị trường chủ yếu là các sản phẩm cơ khí, chế tạo đơn giản, trình độ thấp, doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư cho nghiên cứu phát triển, hoàn thiện sản phẩm, sáng tạo công nghệ.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Đề án cũng đã chỉ ra

những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, tổ chức về CNMT; Phát triển công nghệ BVMT, sử dụng bền vững, tài nguyên và phục hồi môi trường; Sản xuất, chế tạo, cung cấp các thiết bị, phương tiện, dụng cụ, sản phẩm BVMT; Phát triển dịch vụ môi trường; Triển khai thị trường và thu hút đầu tư phát triển ngành CNMT; Đào tạo nhân lực, nâng cao nhận thức, năng lực phát triển ngành CNMT.

***Theo ông, đâu là những khó khăn, trở ngại chính cho việc thúc đẩy phát triển CNMT thời gian qua?**

Ông Nguyễn Huy Hoàn: Tôi cho rằng, phát triển ngành CNMT có nhiều yếu tố thuận lợi về mặt thị trường, khi vấn đề BVMT đang ngày càng



được quan tâm cùng với hệ thống quy định về BVMT từng bước được hoàn thiện. Bên cạnh đó, thống kê về kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ môi trường của Việt Nam (theo danh mục phân loại hàng hóa và dịch vụ môi trường của APEC) giai đoạn 2010 - 2015 cho thấy, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 20%/năm và doanh số tăng từ 2,7 tỷ USD vào năm 2010 lên đến 5,3 tỷ USD vào năm 2015, đây là những con số rất ấn tượng. Vấn đề ở đây là “Tại sao doanh nghiệp của Việt Nam chưa tận dụng được cơ hội này?”. Số liệu thực tế cho thấy, thị phần của các hàng hóa và dịch vụ môi trường của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 10-15%, phần lớn là các sản phẩm đơn giản, thiếu chiều sâu về công nghệ. Tôi cho rằng, nguyên nhân chính nằm ở năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp CNMT của Việt Nam và khả năng kết nối với các nhà cung ứng trên thị trường còn hạn chế. Để giải quyết được việc này, cần sự vận động của doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ với chất lượng, dịch vụ sau bán hàng tốt, giá thành cạnh tranh. Tuy nhiên, để thực sự tạo ra “cú hích” đối với doanh nghiệp CNMT của Việt Nam, cần có vai trò của Nhà nước. Do đó, Nhà nước cần xác định rõ những lĩnh vực, sản phẩm, dịch vụ tiềm năng và doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cạnh tranh từ đó có các giải pháp về mặt chính sách, khoa học công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ngoài ra, về phương diện quản lý nhà nước, cần có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành có liên quan do CNMT là một lĩnh vực đa ngành. Trước mắt, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về phát triển ngành CNMT, ban hành Nghị định về phát triển ngành CNMT cũng như các văn bản hướng dẫn để thống nhất mục tiêu quản lý cũng như thúc đẩy phát triển ngành.

★Các giải pháp về khoa học công nghệ trong việc thực hiện Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam thời gian tới là gì, thưa ông?

Ông Nguyễn Huy Hoàn: Để thúc đẩy phát triển ngành CNMT trong thời gian tới, cần có các giải pháp mang tính toàn diện, đặc biệt về khoa học và công nghệ.

Theo đánh giá của các chuyên gia, các sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp Việt Nam cung cấp phần lớn còn đơn giản, hàm lượng khoa học công nghệ chưa cao. Trong khi đó, các công nghệ, sản phẩm hiện đang được nhập khẩu, tiêu thụ trong nước có giá bán và chi phí cao. Chính vì vậy, giải pháp khoa học và công nghệ được đặt ra, một mặt nhằm nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ, từ đó nâng cao giá trị, chất lượng của các sản phẩm trong nước, một mặt nhằm thúc đẩy nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao các công nghệ xử lý, công nghệ chế tạo thiết bị, sản phẩm từ nước ngoài vào Việt Nam. Trong Đề án phát triển ngành CNMT Việt Nam đến năm 2025, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về phát triển ngành CNMT nhằm phát huy và nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển các công nghệ xử lý, thiết bị và sản phẩm BVMT có chất lượng tốt, giá thành và chi phí vận hành hợp lý, phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam; đồng thời, đẩy mạnh liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, có sự điều phối, hỗ trợ của Nhà nước trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ BVMT. Bên cạnh đó, Nhà nước nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp như: Khuyến khích nhập, nghiên cứu, giải mã, làm chủ và phát triển các công nghệ và thiết bị xử lý ô nhiễm đòi hỏi hàm lượng công nghệ cao; hình thành các quỹ mạo hiểm hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng công nghệ môi trường;

cho phép các tổ chức nghiên cứu sử dụng kết quả nghiên cứu công nghệ để góp vốn thành lập công ty kinh doanh về môi trường...

★Xin ông cho biết một số kinh nghiệm phát triển ngành CNMT ở các nước trên thế giới?

Ông Nguyễn Huy Hoàn: Hiện nay trên thế giới, các nước công nghiệp hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và một số nước Tây Âu có thị phần ngành CNMT khá cao, tới 85%, trong khi các nước đang phát triển chỉ chiếm khoảng 13-14% thị phần. Để thúc đẩy phát triển ngành CNMT, Chính phủ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc ban hành các chính sách, quy định, chương trình, dự án phát triển ngành CNMT cũng như quyết định trong việc xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất, mạng lưới thông tin nhằm thúc đẩy phát triển ngành CNMT. Nhìn chung, nhiều nước đã áp dụng các biện pháp như: Xây dựng và củng cố thực thi các đạo luật về BVMT; xây dựng các chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm dịch vụ ngành CNMT; khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong phát triển ngành công nghiệp môi trường; tuyên truyền, tổ chức các hội thảo, triển lãm, hội chợ quốc tế để quảng bá sản phẩm, dịch vụ CNMT... Tôi cho rằng, đây đều là những kinh nghiệm tốt, tuy nhiên, trong quá trình vận dụng của chúng ta cần lưu ý đến sự khác biệt về các điều kiện, trình độ phát triển của mỗi quốc gia.

★Xin cảm ơn ông!

PHẠM TUYỀN (Thực hiện)



Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thu hồi xe máy cũ gây ô nhiễm môi trường

LÊ XUÂN THÁI

Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Thu hồi xe máy cũ là vấn đề đang được các Bộ, ngành quan tâm vì xe máy cũ gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường. Theo Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ, từ ngày 1/1/2018, mô tô, xe gắn máy khi hết niên hạn sử dụng sẽ bị thu hồi và thải bỏ. Thời hạn thu hồi xe máy sắp đến gần nhưng cho đến nay, vẫn chưa có căn cứ để xây dựng quy định về niên hạn cho xe máy cũ để làm cơ sở thu hồi.

XE MÁY CŨ LÀ TÁC NHÂN CHÍNH GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ trước, “xe Nhật bãi” là một khái niệm rất quen thuộc ở Việt Nam. Đây là những chiếc xe đã hết niên hạn sử dụng, không được phép lưu hành ở Nhật, xuất sang Việt Nam và tiếp tục được sử dụng sau khi đã chỉnh sửa lại một số bộ phận. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, lượng xe ít nên chưa gây ô nhiễm không

khí và do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên “xe Nhật bãi” trở thành một phương tiện được ưa chuộng. Theo thống kê của Bộ Giao thông vận tải (GTVT), cả nước hiện có khoảng 40 triệu xe máy. Riêng TP. Hà Nội hiện có khoảng 2,5 xe máy cũ/6 triệu xe máy các loại đang lưu hành. Trong đó, nhiều xe sản xuất từ những năm 90 của thế kỷ trước, nhưng hiện vẫn tham gia giao thông, thậm chí nhiều loại xe chỉ còn khung và máy, nhiều xe không đèn, còi, gương, thải khói đen xì... Những chiếc xe này không được bảo dưỡng định kỳ nên phát thải cao, là tác nhân chính gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Báo cáo của Cục Đăng kiểm Việt Nam năm 2016 cho thấy, ô nhiễm không khí ngày càng trở nên trầm trọng tại các TP lớn, với hàm lượng bụi lơ lửng ven đường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần. Đặc biệt, mức độ phơi nhiễm của

người tham gia giao thông, nhất là người đi xe máy cũng vượt giới hạn cho phép 2 - 3 lần. Các hoạt động giao thông vận tải gây ô nhiễm không khí nhiều nhất chiếm tới 70 - 90%, trong đó xe máy chiếm tỷ trọng lớn trong phát thải chất ô nhiễm. Theo tính toán, tại 2 TP lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, xe máy chiếm 95% về số lượng, chỉ tiêu thụ 56% xăng nhưng lại thải ra 94% hydrocacbon (HC); 87% cacbon ô xít (CO); 57% ô xít nitơ (NOx)... trong tổng lượng phát thải của các loại xe cơ giới.

Về lượng tiêu hao nhiên liệu, kết quả khảo sát của Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh cũng cho thấy, xe máy có mức tiêu hao (tính theo hành khách/km) cao hơn 92 lần xe buýt. Lượng chất thải trung bình của xe máy cũng cao hơn xe ô tô con gần 4 lần và cao hơn xe buýt tới gần 40 lần. Một số nghiên cứu khoa học khác cũng chỉ ra rằng, một chiếc xe máy động cơ 100 cc, tiêu chuẩn Euro 2 thải ra lượng khí thải độc hại cao gấp hàng trăm lần so với khí thải của một chiếc ô tô có động cơ 1.800 cc, tiêu chuẩn Euro 5. Nguyên nhân là xe máy sử dụng công nghệ thấp nên đốt cháy nhiên liệu không hết, thải ra môi trường gấp nhiều lần ô tô. Phần lớn khí thải độc hại là các hydrocacbon, tác động xấu tới sức khỏe con người. Thành phần khí thải phụ thuộc nhiều vào chất lượng động cơ, động cơ càng cũ, công nghệ càng lạc hậu, thì việc đốt cháy triệt để nhiên liệu sẽ bị giảm đi, khí



▲ Những chiếc xe cũ lưu thông trên đường phố Hà Nội



thải độc hại rất nhiều. Việc hít khí thải động cơ khi tham gia giao thông có thể dẫn đến những nguy cơ gây ung thư cho con người.

Bên cạnh đó, xe máy cũ cũng là nguyên nhân gây ra nhiều tai nạn giao thông. Kết quả nghiên cứu năm 2015 của Ủy ban An toàn Giao thông cho thấy, có mối liên hệ giữa số vụ tai nạn và tuổi đời phương tiện. Xe mới từ 1 - 5 năm, có mức độ tai nạn ít nghiêm trọng hơn, so với xe sử dụng từ 6 - 10 năm.

KIỂM SOÁT KHÍ THẢI MÔ TÔ, XE GẮN MÁY

Để xây dựng quy định niên hạn cho xe máy cũ, cần phải kiểm soát khí thải xe máy. Từ năm 2010, Bộ GTVT đã triển khai thực hiện Đề án Kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy nhưng đến nay, hầu hết các mục tiêu trong Đề án đều không đạt được. Theo Bộ GTVT, nguyên nhân chậm triển khai Đề án về mặt khách quan là do việc kiểm tra khí thải mô tô, xe gắn máy là vấn đề phức tạp, liên quan đến đa số người dân ở các TP lớn và người dân có nhận thức rất khác nhau về vấn đề kiểm soát khí thải. Trong khi đó, mô tô, xe gắn máy vẫn là phương tiện giao thông chủ yếu trong những năm tới, đáp ứng gần 90% nhu cầu đi lại trong TP. Hơn nữa, đa số người sử dụng chưa nhận thức rõ mức độ ảnh hưởng, tác hại của khí thải mô tô, xe gắn máy,

sự cần thiết phải kiểm tra khí thải, bảo dưỡng xe để bảo đảm độ bền, hiệu quả hoạt động, giảm khí thải độc hại, tiết kiệm nhiên liệu. Hiện vẫn còn nhiều ý kiến chưa đồng thuận với chủ trương thu phí kiểm tra khí thải trực tiếp từ người sử dụng mô tô, xe gắn máy. Mặc dù, mức giá kiểm tra khí thải theo đánh giá của Bộ GTVT là rất nhỏ so với chi phí nhiên liệu.

Mặt khác, giao thông công cộng chưa đáp ứng được nền số lượng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tiếp tục tăng lên, càng gây khó khăn cho công tác triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, việc quy định kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy cũng chưa được quy định bắt buộc trong Luật Giao thông đường bộ. Vì thế, cần tiếp tục nghiên cứu quy định về áp dụng tiêu chuẩn khí thải và kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy trong quá trình xây dựng Luật Giao

thông đường bộ (sửa đổi) trong thời gian tới.

Theo các chuyên gia trong ngành GTVT, trong điều kiện chưa có quy định niên hạn xe máy, thì việc cần phải làm ngay lúc này là ban hành quy định về kiểm định kỹ thuật phương tiện mô tô, xe gắn máy để có cơ sở pháp lý thu hồi xe máy cũ. Cùng với đó, việc thực hiện Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg là không thể trì hoãn vì lợi ích chung của cộng đồng. Tuy nhiên, để thu hồi được các phương tiện quá đắt, hơn nữa, đây là tài sản của người dân cần phải có giải pháp và lộ trình để đảm bảo cuộc sống của những người dân.

Ở các nước phát triển, việc trả góp mua phương tiện rất dễ dàng và các nhà sản xuất phương tiện cũng hỗ trợ Chính phủ, nên việc thu hồi xe cũ không gây xáo trộn cho cuộc sống của người dân. Vì thế, giải pháp trước mắt là chính quyền phải trích ngân sách, mua lại những chiếc xe cũ, với giá hợp lý hoặc kết hợp với các doanh nghiệp sản xuất xe máy, thực hiện chương trình đổi xe cũ lấy xe mới, trong đó có hỗ trợ tài chính cho người dân. Đây là giải pháp khá tốn kém, nếu không quản lý chặt, dễ bị lợi dụng để trục lợi.

Ngoài ra, cũng cần phân cấp cho địa phương quy định điều kiện hoạt động của mô tô, xe gắn máy tùy theo đặc thù của từng địa phương, thay vì quy định chung cho cả nước. Số lượng xe máy ở Hà Nội nhiều hơn so với các tỉnh miền núi, nên TP cần phải sớm xây dựng quy định về điều kiện hoạt động của xe máy■



▲ Xe máy cần phải bảo dưỡng định kỳ nhằm giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường



Bình Dương: Gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường

Là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thời gian qua cùng với quá trình phát kinh tế - xã hội, môi trường tỉnh Bình Dương đang chịu nhiều áp lực. Do vậy, tỉnh đã đề ra các giải pháp nhằm giải quyết bài toán về môi trường đang đặt ra hiện nay. Để hiểu rõ về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Hồng Nguyên - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Bình Dương.



▲ Ông Nguyễn Hồng Nguyên - Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Bình Dương

***Xin ông cho biết, việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua?**

Ông Nguyễn Hồng Nguyên: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 28 KCN với tổng diện tích là 9509,81 ha, trong đó có 27 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 9307,41 ha và 1 KCN đang đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tất cả các KCN đã đi vào hoạt động và xây dựng trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung, trong đó, hệ thống thoát nước mưa, nước thải được tách riêng biệt. Theo đó, nước thải từ các doanh nghiệp (DN) được đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN. Trong số 27 KCN đi vào hoạt động, có 26 KCN đã tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và truyền dữ liệu về Sở TN&MT.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 8 CCN với tổng diện tích 592,08 ha, trong đó có 7/8 CCN đi vào hoạt động với tỷ lệ lắp đầy trung bình đạt 71,95%. Do hình thành trước khi Quy chế quản lý CCN và có hiệu lực thi hành từ ngày 5/10/2009 theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên có 3 CCN (Bình Chuẩn, An Thạnh và Tân Đông Hiệp) không lập hồ sơ môi trường và không xây dựng hệ thống XLNT tập trung, tuy nhiên các DN trong CCN đều tự đầu tư xây dựng hệ thống XLNT đạt quy chuẩn xả thải theo quy định. Đối với 4 CCN mới thành lập, đều đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đã đầu tư xây dựng hệ

thống XLNT tập trung; các cơ sở trong các CCN này đều đã tiến hành đầu nối về hệ thống XLNT tập trung. Hiện nay, CCN Uyên Hưng đã tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và truyền dữ liệu về trạm điều hành Sở TN&MT.

***Là một trong những địa phương có trữ lượng khoáng sản vật liệu xây dựng (VLXD) lớn, vậy tỉnh đã có những biện pháp gì để sử dụng bền vững tài nguyên, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, thưa ông?**

Ông Nguyễn Hồng Nguyên: Nhằm đánh giá tiềm năng khoáng sản phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng khoáng sản một cách hợp lý hiệu quả, tiết kiệm, tỉnh đã thực hiện Đề án “Điều tra địa chất về khoáng sản, đánh giá hiện trạng và xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Bình Dương đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”; phê duyệt Quy hoạch phát triển VLXD

tỉnh Bình Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu phát triển ngành VLXD bền vững, sử dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại, ít tiêu tốn nguyên nhiên liệu và hạn chế ô nhiễm môi trường, gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp...; đồng thời thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05/2013/CT-UBND ban hành ngày 29/8/2013 của tỉnh nhằm tăng cường sử dụng vật liệu không nung và hạn chế sử dụng gạch sét nung trên địa bàn. Hiện nay, tỉnh đã chấm dứt toàn bộ lò hofman, hạn chế việc xây dựng lò tuynel, hướng đến năm 2020 không cấp phép xây dựng lò tuynel để tập trung vào sản xuất VLXD không nung.

Mặt khác, tỉnh cũng quan tâm, chỉ đạo việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép, nhất là tại các địa phương có tiềm năng khoáng sản lớn như Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên và thị xã Tân Uyên. Việc cấp phép hoạt động



khoáng sản đúng quy trình và phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. Để tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, mà vẫn đảm bảo công tác BVMT, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án nghiên cứu đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với hoạt động khai thác đá xây dựng thuộc thị xã Dĩ An và huyện Bắc Tân Uyên; đề xuất các biện pháp quản lý, khai thác sử dụng hợp lý khoáng sản, nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về BVMT. Ngoài ra, hàng năm, tỉnh đều tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao nhận thức về khai thác khoáng sản và BVMT cho các DN, đồng thời tăng cường kiểm tra việc tuân thủ các quy định theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

★Để công tác BVMT tại địa phương đạt hiệu quả, ông có những đề xuất, kiến nghị gì?

Ông Nguyễn Hồng Nguyên: Nhìn chung, công tác quản lý môi trường tại địa phương cơ bản đã đi vào nề nếp và luôn được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND. Tuy nhiên, về cơ chế chính sách, pháp luật còn một số khó khăn, bất cập kiến nghị Bộ TN&MT xem xét, cụ thể như:

Quy định cụ thể về thời điểm lập báo cáo ĐTM và đề nghị thực hiện theo 2 bước (ĐTM sơ bộ và ĐTM chi tiết); Lồng ghép với các quy định của Luật Đầu tư và lập danh mục các dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường phải thực hiện ĐTM trong giai đoạn xem xét, lựa chọn địa điểm đầu tư... Đồng thời, cần quy định công tác ĐTM trong giai đoạn xem xét, thẩm định cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Việc kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình BVMT theo ĐTM cần đơn giản hóa để khuyến khích DN thực hiện.

Điều chỉnh một số quy định còn chưa thống nhất, chồng chéo, dẫn đến khó khăn trong triển khai nhiệm

vụ như quan trắc môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; quy định việc lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động; thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản; kiểm soát chất lượng nước thải giữa Luật Tài nguyên nước và Luật BVMT...

Quy định chặt chẽ trong việc đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung, nghiêm cấm chủ đầu tư KCN, CCN thỏa thuận cho phép đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước mưa... để thuận lợi trong kiểm tra, quản lý.

★Xin cảm ơn ông!

ĐÌNH HƯƠNG (Thực hiện)



▲ Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy giấy tại Bình Dương



Vĩnh Phúc: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

PHẠM MẠNH CƯỜNG

Chi cục BVMT Vĩnh Phúc

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường, thời gian qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 1/6/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chương trình hành động số 53-CTr/TU ngày 31/7/2013 của Ban Chấp hành (BCH) Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị Quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của BCH Trung ương Đảng về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nghị Quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 về cơ chế hỗ trợ BVMT nông thôn giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 17/01/2012 về phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 25/1/2014 về việc phê duyệt Đề án BVMT tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012 - 2020, hướng tới mục tiêu “Thành phố Xanh”...

Ngoài ra, UBND tỉnh đã giao cho Sở TN&MT rà soát, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh quy định phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải trên địa bàn tỉnh

phê duyệt tại Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 10/1/2012 cho phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Đồng thời, theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 6 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT), đến tháng 6/2011, các cơ sở này đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để. Từ năm 2012 đến nay, trên địa bàn tỉnh không phát sinh cơ sở ÔNMTNT và không có cơ sở gây ÔNMTNT thuộc danh mục tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 1/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMTNT đến năm 2020.

Bên cạnh đó, công tác quản lý môi trường tại các khu, cụm công nghiệp (CCN) cũng được tỉnh đặc biệt quan

tâm. Theo thống kê, hiện nay, trên địa bàn tỉnh, có 6 KCN đã đi vào hoạt động và xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổng công suất thiết kế khoảng 18.800 m³/ngày đêm, bao gồm: KCN Kim Hoa - công suất là 1.000 m³/ngày đêm; KCN Khai Quang - 5.800 m³/ngày, đêm; KCN Bình Xuyên - 3.000 m³/ngày, đêm; KCN Bá Thiện - 5.000 m³/ngày, đêm; KCN Bình Xuyên II - 1.000 m³/ngày, đêm và KCN Bá Thiện II - 3.000 m³/ngày, đêm. Đến nay, đã có 2 KCN được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động là KCN Khai Quang và KCN Bình Xuyên II, 1 cơ sở (Công ty Honda Việt Nam) đang triển khai lắp đặt. Đối với các CCN, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, thực trạng đầu tư cơ sở hạ tầng còn manh mún, thiếu đồng bộ. Hiện chưa có CCN, làng nghề nào có hệ thống xử lý nước thải tập trung đáp ứng quy định về BVMT.

Nhằm kiểm soát môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, tỉnh đã đầu tư xây dựng 6 hệ thống quan trắc tự động, cảnh báo về môi trường tại các khu đô thị, các khu vực tập trung nguồn thải lớn, gồm 3 hệ thống quan trắc khí thải, 3 hệ thống quan trắc nước thải. Để chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý rác thải, vệ sinh môi trường nông thôn, tháng 4/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/4/2016, Kế hoạch số 2903/KH-UBND ngày 12/5/2016.



▲ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Sở TN&MT Vĩnh Phúc ra quân trồng cây xanh, BVMT



▲ Nhà máy xử lý nước thải xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Đồng thời, tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn thể lãnh đạo các Sở, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp.

Cùng với đó, để tăng cường công tác quản lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, Vĩnh Phúc đã phê duyệt Quy hoạch quản lý CTR đến năm 2020. Trên địa bàn đã có 1 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tập trung, công suất 150 tấn/ngày tại thị trấn Hợp Hòa - huyện Tam Dương và lắp đặt 33 lò đốt rác quy mô cấp xã, thị trấn để xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn, góp phần giải quyết những khó khăn, bức xúc ở các địa phương. Để chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý rác thải, vệ sinh môi trường nông thôn, tháng 4/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/4/2016, Kế hoạch số 2903/KH-UBND ngày 12/5/2016, đồng thời, tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn thể lãnh đạo các Sở, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp.

Để đánh giá, khoanh vùng và xử lý các khu vực ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, Vĩnh Phúc đã hoàn thành việc khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm và đang xin ý kiến Bộ TN&MT về phương án xử lý để triển khai thực hiện. Trong công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT, Sở xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường, ngăn chặn vi phạm và xử lý nghiêm minh đối với những hành vi hủy hoại môi trường. Định kỳ hàng năm, Sở tổ chức

thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh về chấp hành các quy định pháp luật về BVMT. Tính riêng năm 2016, Sở TN&MT đã tiến hành thanh, kiểm tra 165 cơ sở sản xuất, kinh doanh, qua đó phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 19 cơ sở, với số tiền nộp phạt là 557 triệu đồng. Ngoài ra, trong năm 2016, Sở cũng phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức thanh tra 24 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Vĩnh Phúc đã phổ biến, quán triệt và triển khai các nội dung của Chỉ thị đến tất cả các cấp, ngành. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 729/KH-UBND ngày 8/2/2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn

tỉnh; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời tình trạng gia tăng ô nhiễm, giải quyết dứt điểm các điểm nóng về ô nhiễm môi trường. Theo đó, Kế hoạch tập trung vào 4 nội dung: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT cho cộng đồng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, tăng tần suất, thời lượng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Đồng thời, tổ chức tập huấn, nâng cao trình độ cho các cán bộ làm công tác quản lý, BVMT của các Sở, ngành, UBND các cấp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật BVMT, cụ thể là rà soát, ban hành các quy định về BVMT theo hướng không đầu tư đối với những dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, hoặc loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường; Tăng cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm, rà soát các nguồn thải để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn thải trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, tổ chức rà soát các báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch BVMT, đề án BVMT đã được phê duyệt và đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường tự động; Nâng cao năng lực hiệu quả quản lý và huy động nguồn lực cho BVMT, tăng kinh phí sự nghiệp môi trường không dưới 1,0% tổng chi ngân sách nhà nước theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Kế hoạch cũng đã phân công cụ thể các ngành, các cấp thực hiện từng nội dung trên■



Thực trạng nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh cải tiến tại Bạc Liêu và các tác động đến môi trường

Thời gian qua, ngành nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi tôm nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn do hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường và dịch bệnh. Trước tình hình trên, một số hộ nông dân Bạc Liêu trước đây nuôi tôm sú đã chuyển sang nuôi tôm thẻ chân trắng. Để tìm hiểu về thực trạng, cũng như đặc tính sinh trưởng của loài tôm thẻ chân trắng, từ đó có những đánh giá về tác động của quá trình nuôi tôm đến môi trường tự nhiên, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Huỳnh Quốc Khởi - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bạc Liêu về vấn đề này.



▲ Ông Huỳnh Quốc Khởi - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Bạc Liêu

***Xin ông cho biết thực trạng nuôi tôm thẻ chân trắng quảng canh cải tiến (QCCT) của Bạc Liêu trong những năm gần đây?**

Ông Huỳnh Quốc Khởi: Trong những năm gần đây, do tình hình nuôi tôm sú gặp nhiều rủi ro, đặc biệt là thời điểm năm 2011, Bạc Liêu bị hạn hán và xâm nhập mặn, các hộ nuôi tôm ở các huyện Hồng Dân, Phước Long và thị xã Giá Rai (Bạc Liêu) đã chuyển sang nuôi loài tôm thẻ chân trắng bằng hình thức QCCT. Loài tôm thẻ chân trắng được đưa vào Việt Nam từ năm 2001, nuôi ở mức độ thử nghiệm, đến năm 2006, Bộ NN&PTNT cho phép nuôi tôm thẻ chân trắng từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Đến năm 2008, Bộ cho phép nuôi tôm thẻ chân trắng ở các tỉnh phía Nam. Trước đây, người dân thường nuôi tôm theo loại hình nuôi quảng canh truyền thống là chọn các đầm nước lớn để nuôi tôm, sau đó, lấy dấy nước khi thủy triều lên, nên thức ăn và con giống hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên nên cho năng suất thấp. Hiện nay, người dân cải tiến phương pháp nuôi theo mô hình QCCT loại hình chọn các ao nuôi có diện tích nhỏ, mật độ thả giống từ 1 - 5 con trở lên, bổ sung thức ăn công nghiệp hoặc tự tạo, do các hộ nuôi chủ động được

nguồn thức ăn và con giống, nên năng suất cao hơn.

Từ khi các hộ dân ở địa phương đưa loài tôm thẻ chân trắng vào nuôi, diện tích nuôi loài tôm này đã tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2016, tổng diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 25.020 ha, tăng 68 lần so với năm 2013 (368 ha), trong đó nuôi QCCT chuyên tôm thẻ chân trắng 11.220 ha, nuôi kết hợp với tôm sú hoặc tôm càng xanh là 13.800 ha. Tính đến tháng 2/2017, tổng diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 16.095 ha, trong đó nuôi chuyên tôm thẻ chân trắng 8.525 ha; nuôi kết hợp với tôm sú, tôm càng xanh là 7.595 ha. Hiện nay, diện tích tôm thẻ chân trắng thả được 1 - 2 tháng tuổi, đang phát triển tốt.

Về năng suất và mùa vụ thả giống tôm thẻ chân trắng, tùy vào điều kiện cụ thể của từng tiểu vùng mà người dân thả giống nuôi chuyên tôm thẻ chân trắng theo hình

thức QCCT thường kéo dài từ 2 - 3 vụ/năm. Riêng hình thức nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp tôm sú, tôm càng xanh thì thả nuôi từ 1 - 2 vụ/năm. Với năng suất thu hoạch trung bình từ 130 - 250 kg/ha/vụ, cao nhất năng suất đạt 300 - 400kg/ha/vụ. Cỡ tôm thẻ chân trắng thu hoạch từ 60 - 100 con/kg (giá bán từ 70.000 - 120.000 đồng/kg tùy kích cỡ). Theo ghi nhận thực tế của các hộ nuôi tôm cho thấy, có 70% hộ nuôi tôm có lãi từ 10 - 20 triệu đồng/ha/vụ (có hộ lãi từ 30 - 40 triệu đồng/ha/vụ); 20% số hộ hòa vốn và 10% bị thua lỗ.

Nhìn chung, hình thức nuôi QCCT chuyên tôm thẻ chân trắng ở Bạc Liêu cho thấy hiệu quả cao hơn so với hình thức nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp với các loài tôm khác như tôm sú, tôm càng xanh, cua và cá nên Trung tâm cũng khuyến khích bà con nên chọn nuôi chuyên tôm thẻ chân trắng.



Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất trong thời gian qua là do người dân chưa chú trọng đến cải tạo và xử lý nước ban đầu (đặc biệt là không chú trọng đến khâu diệt cá tạp, ảnh hưởng đến tỷ lệ sống). Người dân chọn mua tôm giống trôi nổi, rẻ tiền, không rõ nguồn gốc nên tiềm ẩn nhiều mầm bệnh có khả năng gây chết tôm. Đồng thời, thả giống nhiều để trừ hao tôm, không đạt tỷ lệ sống (nhiều trường hợp thả dầy, tỷ lệ sống cao thì gặp sự cố thiếu oxy cục bộ gây chết hàng loạt); cơ sở hạ tầng vùng nuôi chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, thu hoạch nhỏ lẻ, chưa có sự liên kết trong sản xuất nên tôm nguyên liệu thường bị thương lái ép giá.

★ Ông có thể cho biết, đặc điểm sinh học của loài tôm thẻ chân trắng và những đánh giá về tác động tới môi trường, dịch bệnh của loài này?

Ông Huỳnh Quốc Khởi:

Loài tôm thẻ chân trắng là loài tôm nhiệt đới, phân bố dọc vùng duyên hải Đông Thái Bình Dương, kéo dài từ Bắc Mêhicô, qua Trung và Nam Mỹ đến Bắc Pêru, nơi có nhiệt độ nước quanh năm trên 20°C. Hiện tôm thẻ chân trắng được nuôi ở nhiều nước Đông Nam Á như Trung Quốc, Thái Lan, Philipin, Malaixia và Việt Nam. Về đặc điểm sinh học, tôm thẻ chân trắng có màu trắng đục, trên thân không có đốm vằn, chân bò có màu trắng ngà, chân bơi có màu vàng, các vành chân đuôi có màu đỏ nhạt và xanh. Râu tôm có màu đỏ gạch và dài

gấp rưỡi lần chiều dài thân, chủy tôm có 8 - 9 răng cửa ở gờ phía trên, có 2 - 4 (đôi khi có 5 - 6) răng cửa ở phía bụng. Đây là loài tôm có khả năng thích nghi và có giới hạn rộng về nhiệt độ và độ mặn. Trong tự nhiên, tôm thẻ chân trắng sống nơi đáy cát bùn, tôm trưởng thành sống ở vùng biển ven bờ, tôm con phân bố ở vùng cửa sông - nơi giàu chất dinh dưỡng. Tôm thẻ chân trắng là loài ăn tạp thiên về động vật, phổ thức ăn rộng, khả năng bắt mồi khỏe, tôm sử dụng được nhiều loại thức ăn tự nhiên có kích cỡ phù hợp từ bùn bã hữu cơ đến các động vật, thực vật thủy sinh. Nhu cầu prôtein trong khẩu phần thức ăn cho tôm thẻ chân trắng từ 20 - 35%, thấp hơn so với các loài tôm khác cùng họ. Loài tôm này có tốc độ tăng trưởng nhanh trong thời gian 60 ngày nuôi, sau đó mức tăng trọng giảm dần theo thời gian. Thời điểm thả nuôi tôm thẻ chân trắng đạt hiệu quả cao nhất là từ tháng 2 - 6 dương lịch hàng năm. Mật độ thả nuôi: Từ 4 - 10 con/m²/vụ (phổ biến nhất là từ 4 - 7 con/m², có một số trường hợp cá biệt người dân thả giống >10 con/m²).

Mặc dù, tôm thẻ chân trắng có thời gian nuôi ngắn, tốc độ tăng trưởng nhanh, tuy nhiên, khuyến cáo của các nhà chuyên môn, không nên thả loài tôm này vào các đầm nước lớn vì loài tôm ăn tạp nên sẽ cạnh tranh với loài thủy sinh trong đầm. Bên cạnh đó, cũng giống như các loài tôm khác, khi nuôi tôm trong môi trường ao nuôi công nghiệp thường phát sinh lượng chất thải lớn như bùn thải, ước tính, lượng bùn thải trên 1 ha khoảng 200



▲ Hệ thống ao nuôi tôm cần phải xử lý môi trường nước đúng quy trình



▲ Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân



m³/ha/năm. Nếu thải trực tiếp ra các kênh, rạch sẽ gây ô nhiễm nguồn nước. Lượng thức ăn công nghiệp cung cấp để nuôi tôm nếu dư thừa sẽ gây độ đục cho nước, lượng oxy giảm, nguồn hữu cơ trong nước tăng cao làm ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh... Thêm vào đó, lượng hóa chất, thuốc để phòng trừ bệnh cho tôm cũng gây tồn dư một lượng độc hại trong nước. Theo tính toán, sau mỗi vụ nuôi tôm, lượng nước thải ra trung bình khoảng 9.000 - 12.000 m³/ha có chứa chất ô nhiễm như BOD, COD, H₂S cao, tùy vào hệ số thức ăn và quy trình nuôi.

Về dịch bệnh, thực tế cho thấy, tôm thẻ chân trắng đều chịu mối nguy từ dịch bệnh nguy hiểm như virút đốm trắng, bệnh đầu vàng, bệnh hoại tử gan tụy, bệnh vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng nên về cơ bản hệ thống ao nuôi cần phải được xử lý triệt để các mầm bệnh trước khi nuôi.

Việc chuyển dịch nhanh chóng từ nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng là xu thế tất yếu để phát triển kinh tế của người dân, tuy nhiên, hình thức chuyển đổi này là tự phát. Sự phát triển quá nhanh sẽ dẫn đến hậu quả như không kiểm soát giống đầu vào tốt làm chất lượng tôm kém, việc nuôi ở ạt sẽ làm giá trên thị trường giảm... Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu đánh giá toàn diện về loài tôm này để có quy hoạch về diện tích nuôi tôm.

***Ông có đề xuất, kiến nghị gì để phát triển loài tôm thẻ chân trắng ở địa phương trong thời gian tới?**

Ông Huỳnh Quốc Khởi: Đề nghị Bộ NN&PTNT ban hành quy định quản lý, hướng dẫn cụ thể về quy trình nuôi trồng, sản xuất, chế biến loài tôm thẻ chân trắng;

Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các Bộ, ngành quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào, đầu ra các loại vật tư nông nghiệp, cũng như về giá, chất lượng con giống... để hạn chế tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông, bày bán tràn ngập trên thị trường, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và thu nhập của nông dân nuôi tôm; Hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh có diện tích nuôi tôm QCCT lớn đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, xây dựng các trạm quan trắc tự động (đặc biệt là tại vùng phía bắc Quốc lộ 1A), nhằm chủ động hơn nữa trong công tác dự báo, cảnh báo môi trường, phục vụ sản xuất trong nuôi trồng thủy sản;

Sở NN&PTNT tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kết hợp các đơn vị có liên quan tăng cường công tác theo dõi, quản lý vùng nuôi tôm thẻ chân trắng; Tăng cường công tác quan trắc cảnh báo môi trường, phòng, chống dịch bệnh cho tôm để giúp người dân giảm thiểu rủi ro trong sản xuất;

Chính phủ ban hành chủ trương thực hiện liên kết chuỗi khâu thu mua và tiêu thụ sản phẩm để hạn chế tối đa hiện tượng tư thương ép giá đối với sản phẩm làm ra từ loại hình nuôi trên.

***Xin cảm ơn ông!**

CHÂU LOAN (Thực hiện)

Ninh Thuận đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường

LÊ THANH TUẤN

Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT Ninh Thuận

Để tích cực chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm và tạo bước chuyển căn bản trong công tác BVMT, ngày 13/2/2017, Tỉnh ủy Ninh Thuận ban hành Chỉ thị số 32- CT/TU về đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách BVMT trên địa bàn.

Theo đó, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh tiếp tục quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật BVMT năm 2014; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 30 -KH/TU ngày 25/7/2016 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 12/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 28/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng thực hiện chủ trương xây dựng và phát triển Ninh Thuận Xanh - Sạch - Đẹp giai đoạn 2012 - 2015 và những năm tiếp theo. Đồng thời, yêu cầu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh, các Sở, ngành, địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về công tác BVMT, nhất là nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Thu hút các dự án đầu tư phải bảo đảm các yêu cầu về BVMT; ưu tiên các dự án đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường; từng bước hoàn thiện quy trình xử lý, phục hồi môi trường



▲ Tận dụng diện tích đồi núi, Ninh Thuận thu hút các dự án đầu tư nông nghiệp xanh

theo quy chuẩn; bảo đảm chủ động ứng phó với BĐKH, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính...

Thứ hai, rà soát, ban hành hoặc kiến nghị các Bộ/ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về BVMT, nhất là các quy định về công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, biện pháp kỹ thuật kiểm soát các hoạt động xả thải. Tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các nguồn nước xả thải và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất có nguồn nước thải lớn theo quy định. Làm tốt công tác phối hợp từ khâu xét duyệt, thẩm định đến triển khai thực hiện và vận hành dự án. Chủ đầu tư, cơ quan quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thẩm định công nghệ sản xuất và xác nhận kế hoạch BVMT, phải chịu trách nhiệm về vấn đề môi trường của dự án. Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường trên địa bàn mình phụ trách. Xác định trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân trong thẩm định dự án đầu tư, công nghệ sản xuất và phê duyệt ĐTM, nhất là các dự án lớn có nguy cơ tác động đến môi trường. Đẩy mạnh công tác chuyển giao ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học về BVMT, nhất là các đề tài xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu, cụm công nghiệp và các làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo về môi trường tại các dự án có nguồn nước thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các khu vực tập trung nguồn nước thải và khu vực nhạy cảm về môi trường. Tham mưu xử lý dứt điểm và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư; thực hiện tốt việc lắp đặt các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả

thải đối với các cơ sở sản xuất có quy mô xả thải lớn theo quy định; bảo đảm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung khi đi vào hoạt động đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Bố trí đủ vốn đầu tư cho các chương trình, dự án xử lý chất thải, nước thải và cải thiện, BVMT đã được duyệt; tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước gắn với hàng năm cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động BVMT. Nghiên cứu xây dựng cơ chế tạo đột phá để huy động nguồn lực, thu hút đầu tư theo hướng xã hội hóa cho công tác BVMT.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện BVMT, nhất là thanh tra, kiểm tra sau thẩm định đánh giá tác động và xác nhận đăng ký kế hoạch BVMT; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm. Có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời, cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT...

Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên

môn nghiệp vụ, đạo đức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến BVMT.

Thứ ba, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện; đẩy mạnh công tác giám sát việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về công tác BVMT trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với các ngành chức năng, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tự giác chấp hành pháp luật về BVMT; đồng thời tham gia giám sát, phản biện các hoạt động BVMT trên địa bàn.

Thứ năm, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác BVMT trong thời gian tới của địa phương, đơn vị mình.

Thứ sáu, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về công tác BVMT để nhân dân biết và thực hiện.

Thứ bảy, định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và kịp thời đề xuất giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung của Chỉ thị■



● Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường

Ngày 7/3/2017, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 02/2007/TT - BTNMT về Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường (HTMT). Theo đó, đối tượng áp dụng là cơ quan quản lý nhà nước về BVMT, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến lập báo cáo HTMT.

Thông tư quy định kỹ thuật lập báo cáo HTMT gồm các bước: Xây dựng khung báo cáo và đề cương chi tiết của báo cáo; Thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin, số liệu; Tổng hợp các báo cáo thành phần, xây dựng dự thảo báo cáo HTMT; Tham vấn các bên liên quan cho dự thảo báo cáo HTMT; Trình báo cáo lên các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Công khai báo cáo HTMT (tổ chức công bố báo cáo, đăng tải toàn văn báo cáo trên cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT đối với báo cáo HTMT cấp quốc gia và cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh đối với báo cáo HTMT cấp tỉnh).

● Bộ TN&MT yêu cầu các Sở TN&MT kịp thời xử lý thông tin phản ánh về ô nhiễm môi trường

Ngày 23/3/2017, Bộ TN&MT ban hành Công văn số 1311/ BTNMT-TCMT về việc tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của báo chí, tổ chức và người dân về các hành vi gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT).

Trong thời gian vừa qua, Bộ TN&MT nhận được phản ánh của một số cơ quan báo chí và truyền thông liên quan đến việc phóng viên liên hệ với các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương về tình hình gây ÔNMT trên địa bàn quản lý nhưng không nhận được sự phối

hợp tích cực và xử lý kịp thời. Theo đó, Bộ TN&MT yêu cầu các Sở TN&MT chấn chỉnh việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân, báo chí và truyền thông về tình hình ÔNMT trên địa bàn quản lý; xây dựng, ban hành quy chế và lập đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh về tình hình gây ÔNMT tại địa phương, bảo đảm thường xuyên tiếp nhận và xử lý thông tin thông suốt.

Bên cạnh đó, Bộ TN&MT cũng yêu cầu các Sở TN&MT ngay sau khi nhận được thông tin của người dân, cơ quan báo chí và truyền thông phản ánh về tình hình ÔNMT trên địa bàn cần khẩn trương tổ chức kiểm tra, xác minh, xử lý nghiêm (nếu có vi phạm pháp luật về BVMT) và có ý kiến phản hồi kịp thời.

● Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, quan trắc phân tích môi trường trên địa bàn TP. Hà Nội

Ngày 2/3/2017, UBND TP. Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1495/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật (ĐMKTKT) và đơn giá, quan trắc phân tích môi trường trên địa bàn TP. Hà Nội. Theo đó, Quyết định ban hành Bộ quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường (QTMT) về không khí, tiếng ồn, môi trường nước mặt, môi trường đất; Định mức nhân công cho các hoạt động lấy mẫu tại hiện trường, khí thải công nghiệp, hoạt động QTMT phóng xạ, thông số quan trắc...

Quyết định cũng quy định, Sở TN&MT chịu trách nhiệm công khai Bộ quy trình, ĐMKTKT và đơn giá theo quy định; Thường xuyên cập nhật các quy định có liên quan của Nhà nước và TP để báo cáo UBND TP xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cho

phù hợp. Quyết định có hiệu lực thi hành vào ngày 1/1/2017.

● Kế hoạch sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020

UBND tỉnh Sơn La vừa ban hành Quyết định số 3182/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch sản xuất sạch hơn (SXSH) trong công nghiệp (CN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, tỉnh Sơn La phấn đấu đến năm 2020, 90% cơ sở sản xuất CN, tiểu thủ CN có tiềm năng áp dụng SXSH được tuyên truyền, phổ biến và nhận thức được lợi ích của việc áp dụng SXSH trong CN; Có ít nhất 15 doanh nghiệp CN, tiểu thủ CN thực hiện đánh giá nhanh về SXSH, trong đó có 7 doanh nghiệp thực hiện đánh giá chi tiết và triển khai áp dụng SXSH; 100% cán bộ khuyến công, cán bộ theo dõi CN, cộng tác viên các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh được tập huấn và có đủ năng lực hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ áp dụng SXSH.

Để đạt mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các giải pháp: Tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SXSH, giới thiệu các mô hình trình diễn, kết hợp nhân rộng các mô hình áp dụng công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng; Xây dựng, phổ biến và hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng SXSH cho các ngành nghề sản xuất, ưu tiên các ngành CN chủ lực và các ngành nghề sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm cao trên địa bàn tỉnh như chế biến tinh bột sắn, chế biến cà phê, sản xuất mía đường...; Hỗ trợ các cơ sở sản xuất CN áp dụng các giải pháp SXSH như đầu tư máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, ứng dụng công nghệ SXSH và xử lý ô nhiễm môi trường...■



Bắt cập trong công tác quản lý mẫu động, thực vật hoang dã tịch thu từ các vụ buôn bán trái pháp luật

VƯƠNG TIẾN MẠNH

Phó Giám đốc, Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam

Những năm gần đây, buôn bán trái pháp luật động, thực vật hoang dã (ĐTVHD) nguy cấp, quý, hiếm trên thế giới đang diễn ra phức tạp. Việt Nam nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, là cửa ngõ thông thương giữa ASEAN, Nam Mỹ, châu Phi với các thị trường tiêu thụ tại châu Á và các khu vực khác trên thế giới, vì vậy, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng lớn của các hoạt động buôn bán ĐTVHD. Mẫu vật loài ĐTVHD được buôn bán trái phép chủ yếu gồm các loài bò sát (rắn, rùa các loài); mẫu vật các loài thú như ngà voi, xương hổ, sừng tê giác, tê tê...; các loài gỗ quý, hiếm.

Thống kê từ các lực lượng chức năng cho thấy, từ năm 2003 đến nay, các cơ quan thực thi luật pháp đã bắt giữ hàng chục vụ nhập khẩu, quá cảnh trái phép ngà voi có nguồn gốc châu Phi; hàng chục vụ vận chuyển sừng tê giác trái pháp luật. Chỉ từ đầu năm 2016 đến nay, lực lượng liên ngành đã bắt giữ trên 6 tấn ngà voi, hàng tấn vẩy tê tê và một số mẫu vật sừng tê giác được vận chuyển trái phép từ châu Phi. Bên cạnh đó, nhiều vụ buôn bán trái pháp luật mẫu vật các loài ĐTVHD khác cũng được các cơ quan chức năng điều tra, bắt giữ. Điển hình như vụ bắt giữ trên 2 tấn ngà voi giấu trong lô gỗ nhập khẩu trái phép vào Việt Nam tại cảng Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, ngày 7/10/2016.

Để quản lý các mẫu ĐTVHD tịch thu, nhiều văn bản, chính sách trong nước và quốc tế đã được ban hành như Thông tư số 90/2008/TT-BNN ngày 28/8/2008 của Bộ NN&PTNT về hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu, trong đó có quy định về mẫu vật động vật thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc nước ngoài: Mẫu vật các loài ĐTVHD thuộc Phụ lục CITES tịch thu từ các vụ án buôn bán trái phép, theo quy định của Nghị định 82/2006/NĐ-CP thì do Giám đốc Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam quyết định việc trả lại quốc gia xuất xứ; Trả lại nước xuất khẩu, hoặc nước tái xuất khẩu theo quy định của Công



▲ Mẫu vật ngà voi chuẩn bị đem đi tiêu hủy

ước CITES; Chuyển giao cho cơ quan khoa học, cơ sở đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, cơ quan quản lý chuyên ngành, trung tâm cứu hộ loài đó để làm tiêu bản; Tiêu hủy trong trường hợp tang vật mang bệnh, hoặc không xử lý được bằng các biện pháp trên.

Ngoài ra, tại Hội nghị các nước thành viên CITES lần thứ 16 (gọi tắt là CoP 16) đã ban hành Nghị quyết 10.10 về “Buôn bán mẫu vật voi” quy định, các nước thành viên cần duy trì danh sách thống kê kho dự trữ của Chính phủ về các sản phẩm ngà voi (có thể bao gồm lượng ngà voi thuộc sở hữu tư nhân) và gửi báo cáo cho Ban Thư ký trước ngày 28/2 hàng năm. Cũng tại Hội nghị trên, Nghị quyết 16.38 (thuộc CoP 16) được thông qua đã chỉ rõ các nước thành viên CITES nên thu thập các mẫu ĐTVHD từ các vụ bắt giữ khối lượng lớn (ví dụ từ 500 kg trở lên) diễn ra trong lãnh thổ quốc gia và cung cấp các mẫu này cho các viện

nghiên cứu và giám định liên quan để hỗ trợ công tác thực thi luật và truy tố...

Căn cứ vào các quy định trên, các mẫu vật ĐTVHD tịch thu hiện được lưu giữ bởi các cơ quan khác nhau như Kiểm lâm, Hải quan, Công an, Cơ quan nghiên cứu khoa học Trung ương và địa phương. Các mẫu vật sống được giao cho các cơ sở cứu hộ nuôi dưỡng, quản lý, tái thả trong tự nhiên. Các mẫu ĐTVHD đã chết được Bộ NN&PTNT thực hiện tiêu hủy. Tuy nhiên, hiện công tác quản lý các mẫu vật ĐTVHD đang gặp một số khó khăn, thách thức:

Một lượng lớn mẫu vật ĐTVHD đã được các cơ quan chuyển giao cho các cơ sở nghiên cứu khoa học như Bảo tàng tự nhiên Việt Nam, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật..., nhưng trong những năm gần đây, số lượng các mẫu vật tịch thu lớn, vượt quá nhu cầu và sức chứa của các cơ sở nghiên cứu khoa học. Trong khi đó, một số loại mẫu vật như ngà voi, sừng tê giác là



▲ Lực lượng chức năng bảo vệ, vận chuyển mẫu vật rừng tế giác đến nơi tiêu hủy

các mẫu vật có giá trị, việc tiếp nhận, lưu giữ bảo vệ là một thách thức lớn đối với các cơ sở nghiên cứu khoa học.

Mặt khác, nhiều mẫu vật hiện là tang vật của các vụ án đang trong quá trình điều tra, xử lý nên không thể bàn giao đã gây nên tình trạng thất thoát. Thực tế, những năm gần đây ghi nhận một số vụ thất thoát ngà voi, sừng tê giác như vụ mất trên 200 kg ngà voi tại Phòng Thi hành án TP. Vinh, tỉnh Nghệ An vào năm 2013.

Ngoài ra, việc bảo quản mẫu vật ĐTVHD đòi hỏi có các kho chuyên dùng (thực tế đa phần các mẫu vật động vật được bảo quản chung với các loại hàng hóa khác), thiếu các trang thiết bị bảo đảm an ninh, duy trì độ ẩm, ánh sáng, thiếu phương tiện thống kê, cập nhật số liệu. Hiện nay, việc quản lý, tiêu hủy mẫu vật ĐTVHD đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, trong khi Nhà nước chưa bố trí nguồn cho hoạt động này mà phụ thuộc vào nguồn kinh phí hỗ trợ của quốc tế... Để quản lý các mẫu vật ĐTVHD quý hiếm, cần thực hiện các giải pháp:

Thứ nhất, cần xem xét, sửa đổi quy định pháp luật, trong đó giao cho một cơ quan thống

nhất quản lý, giám sát mẫu vật ĐTVHD tịch thu; Đối với các mẫu vật sống, cần sửa đổi Luật Tổ tụng hình sự, trong đó cho phép tái thả tang vật là động vật sống ngay sau cứu hộ.

Thứ hai, xây dựng Kho lưu trữ quốc gia bảo quản mẫu ĐTVHD quý, hiếm tịch thu từ các vụ buôn bán trái phép. Đồng thời, thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý mẫu vật ĐTVHD quý, hiếm, thực hiện theo quy định của Công ước CITES.

Thứ ba, tổ chức tập huấn, đào tạo nhân lực, nâng cao nghiệp vụ trong công tác quản lý mẫu vật; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về quy định pháp luật của Việt Nam và quốc tế trong việc quản lý các mẫu vật ĐTVHD tịch thu.

Thứ tư, Nhà nước cần bố trí kinh phí cơ bản cho quản lý, tiêu hủy mẫu vật ĐTVHD nguy cấp, quý, hiếm tịch thu và được quy định mức cụ thể.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo quản mẫu vật. Một phần mẫu vật cần được chuyển giao, thực hiện nghiên cứu khoa học, giám định ADN phục vụ giáo dục, bảo tồn và hợp tác quốc tế trong điều tra tội phạm thế giới■

Cần cẩn trọng trong quá trình cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm

ĐỖ XUÂN ĐỨC

Đại học Quốc gia Hà Nội

Hồ Hoàn Kiếm là hồ nước ngọt tự nhiên của TP. Hà Nội có diện tích 12 ha. Hồ không chỉ gắn liền với đời sống, văn hóa, tâm linh của người dân thủ đô mà còn là một biểu tượng văn hóa của đất nước. Không chỉ vậy, hồ còn là một hệ sinh thái đặc trưng với hơn 100 loài tảo và nhiều loài thủy sinh vật khác, đặc biệt từng là nơi sinh sống của “Cụ rùa”.

GIÁ TRỊ ĐA DẠNG SINH HỌC HỒ HOÀN KIẾM

Hồ Hoàn Kiếm có mối liên hệ nguyên thủy với hệ thống sông Hồng với giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, điển hình cho các hồ, đầm của đồng bằng Bắc bộ, trong đó, thành phần thực vật phù du rất phong phú với sự xuất hiện của trên 60 loài thuộc 4 ngành tảo: tảo lam, tảo lục, tảo silic và tảo mắt. Trong khu hệ tảo của hồ có một số loài được coi là đặc hữu như một số loài thuộc chi Scenedesmus.

Theo kết quả nghiên cứu về hồ Hoàn Kiếm của Viện Công nghệ Môi trường (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) vào năm 2009 đã xác định được 20 loài động vật nổi thuộc 8 họ của các nhóm giáp xác chân chèo gồm 4 loài (chiếm 20% tổng số loài), giáp xác râu ngành 7 loài (chiếm 35%), trùng bánh xe 5 loài (chiếm 25%) và các nhóm khác chiếm 20%; 21 loài động vật đáy thuộc 15 họ, trong đó chiếm ưu thế là nhóm thân mềm có 12 loài (chiếm 57%), tiếp đến là nhóm côn trùng có 4 loài (chiếm 19%), nhóm giáp xác có 3 loài (chiếm 14%) và cuối cùng là nhóm giun có 2 loài (chiếm 10%). Trong thành phần loài động vật đáy thu được đáng chú ý là sự xuất hiện của các loài như ấu trùng muỗi lác và giun ít tơ, đây



▲ Cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm cần thận trọng để đảm bảo những giá trị ĐDSH của hồ

là nhóm sinh vật chỉ thị cho môi trường bị ô nhiễm hữu cơ nặng.

ĐDSH của hồ còn được nói đến là loài rùa quý hiếm hay còn được gọi là “Cụ rùa”. Đây là loài rùa mai mềm nước ngọt lớn và là loài đặc hữu ở Việt Nam và Trung Quốc, được liệt kê ở cấp cực kỳ nguy cấp trong Sách đỏ của IUCN năm 2006... Theo các nhà khoa học, trên thế giới chỉ còn 4 cá thể rùa giống như rùa hồ Hoàn Kiếm, trong đó một cá thể sống ở hồ Hoàn Kiếm (hiện đã bị chết) và một cá thể sống tại hồ Đồng Mô (Sơn Tây, Hà Nội), hai cá thể còn lại được nuôi nhốt tại Trung Quốc. Ngoài ra, hồ còn có 21 loài cá thuộc 9 họ và 4 bộ, trong đó họ cá chép có số loài chiếm ưu thế nhất và 37 loài thực vật bậc cao, chủ yếu là tập đoàn cây cảnh, hoa, cây xanh bóng mát như tường vi, lộc vừng, trôm, liễu, đại phong tử, gạo, vông, tểch, phượng, si, sấu... Như vậy, có thể khẳng định, với những giá trị ĐDSH tiêu biểu, hồ Hoàn Kiếm cần được bảo vệ và quản lý ở mức cao nhất.

CẦN CÂN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH CẢI TẠO HỒ HOÀN KIẾM

Hồ Hoàn Kiếm lâu nay vẫn được biết đến như trái tim, biểu tượng lịch sử, văn hóa của Thủ đô Hà Nội. Ngoài những giá trị về tâm linh, văn hóa, hồ còn giữ chức năng điều hòa vi khí hậu cho khu vực, trữ nước mưa. Hồ có diện tích 12 ha được kè đá xung quanh và tách hoàn toàn khỏi nước thải sinh hoạt, sản xuất từ khu vực xung quanh. Hồ có độ sâu

mức nước trung bình là 1,2 m. Mức nước hồ dao động theo mùa, vào mùa mưa, nước hồ đầy; mùa khô thì cạn, nên phải bổ sung nước để cấp cho hồ.

Hiện nay, nước hồ đang có dấu hiệu chuyển dần sang màu đỏ do mật độ tảo lớn, xuất hiện nhiều tảo độc; phạm vi nền đáy từ chân kè ra ngoài 5 m là nền cứng với nhiều gạch, đá; ngoài phạm vi trên là bùn nhão. Kết quả phân tích chất lượng nước hồ Hoàn Kiếm do Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội thực hiện vào tháng 8/2016 cho thấy, chất lượng nước hồ ngày càng suy giảm, độ pH ở mức cao từ 9,05 - 9,46; cận lơ lửng trong hồ cao với TSS cao hơn tiêu chuẩn cho phép; hồ đang bị ô nhiễm hữu cơ với BOD, COD gấp 2 lần so với quy chuẩn cho phép...

Do vậy, việc cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm là cần thiết và cấp bách. Gần đây, Hà Nội đã đưa ra một phương án tổng thể làm sạch lòng hồ và xử lý ô nhiễm

nước. Phương án do Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội xây dựng và đưa ra tham vấn ý kiến của các nhà khoa học gồm 3 giải pháp chính là nạo vét bùn, thanh thải phế liệu dưới đáy hồ; bổ sung nguồn nước, xả đáy định kỳ để đảm bảo môi trường nước trong sạch, nâng cao khả năng tự làm sạch của hồ; sử dụng chất Redoxy-3C xử lý ô nhiễm nước.

Tuy nhiên, trong quá trình cải tạo cần phải thực hiện “bài bản”, thận trọng và có sự giám sát chặt chẽ để vẫn giữ được những giá trị ĐDSH của hồ Hoàn Kiếm. Do vậy, trước khi thực hiện việc cải tạo môi trường hồ Hoàn Kiếm cần phân tích chất lượng nước và điều tra, xây dựng dữ liệu về ĐDSH để xem xét có những loài sinh vật nào hiện đang sinh sống và loài nào cần bảo tồn để có biện pháp can thiệp. Quá trình nạo vét cần thực hiện từ từ, từng bước để không gây ảnh hưởng lớn đến ĐDSH vốn có của hồ■



Một số vấn đề về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm bảo vệ môi trường nơi công cộng

TS. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Trường Đại học Luật Hà Nội

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực BVMT (Nghị định số 155/2016/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 1/2/2017, thay thế cho Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành năm 2013. Việc ban hành Nghị định số 155/2016/NĐ-CP là đòi hỏi cấp thiết, góp phần thực hiện công tác thanh, kiểm tra và xử lý VPHC trong lĩnh vực môi trường được thống nhất, hiệu quả có tính răn đe cao. Với các chế tài xử phạt nghiêm khắc, Nghị định sẽ là công cụ hữu hiệu, đáp ứng yêu cầu của công tác BVMT trong tình hình mới, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

Tại Điều 20 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định mức xử phạt về hành vi gây mất vệ sinh nơi công cộng tăng từ 10 - 25 lần so với Nghị định số 179/2013/NĐ-CP. Việc tăng mức phạt được kỳ vọng sẽ là “liều thuốc” hữu hiệu trị “bệnh” xả rác bừa bãi, tạo chuyển biến mạnh về ý thức nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống.

Theo đó, đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng thì bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Để triển khai có hiệu quả các quy định mới về xử phạt VPHC trong BVMT nơi công cộng,



▲ Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân có thói quen vứt rác đúng nơi quy định

cần bảo đảm các yếu tố tác động tới việc thực thi pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc thực hiện pháp luật của công dân.

Ý THỨC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN

Trước hết, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân phụ thuộc vào sự hiểu biết của cá nhân, cộng đồng về các quy định BVMT nơi công cộng. Sự hiểu biết và tôn trọng pháp luật là cơ sở để mỗi cá nhân hình thành ý thức tuân theo pháp luật. Do đó, các cơ quan nhà nước cần thực hiện tốt các biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức tôn trọng các quy định về BVMT nơi công cộng để từ đó nâng cao ý thức của người dân.

Ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật BVMT nơi công cộng còn phụ thuộc vào niềm tin của người dân vào

pháp luật. Niềm tin vào pháp luật của người dân phụ thuộc vào thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nếu việc áp dụng, xử lý vi phạm không nghiêm minh, không kịp thời và đúng đắn sẽ làm cho người dân mất niềm tin vào pháp luật. Như vậy, khi triển khai các quy định về BVMT nơi công cộng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện thường xuyên, liên tục và cương quyết thì mới có thể tác động vào ý thức tuân thủ pháp luật của người dân. Trong trường hợp việc thực thi pháp luật BVMT nơi công cộng chỉ được thực hiện theo “phong trào”, “làm điểm” hoặc theo kiểu “đầu voi đuôi chuột” thì sẽ không thể tác động vào ý thức của người dân.

Trên thực tế, việc xử lý vi phạm pháp luật BVMT nơi công cộng trong thời gian qua



cho thấy, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương chưa thực thi pháp luật một cách thường xuyên, liên tục và cương quyết. Ngay sau khi Nghị định số 155/2016/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1/2/2017, thì tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đã triển khai rất tích cực nhưng cũng có một số địa phương còn chưa quan tâm đến vấn đề này.

Để pháp luật về BVMT nơi công cộng được thực thi có hiệu quả thì vấn đề quan trọng là phải làm cho người dân hiểu được ý nghĩa xã hội, giá trị xã hội của các quy định BVMT nói chung, BVMT nơi công cộng nói riêng để từ đó họ tuân thủ các quy định này một cách tự nguyện. Bên cạnh đó, cần tạo dư luận xã hội thông qua việc các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp lên tiếng, phản đối những hành vi vi phạm pháp luật như hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẫu và tàn thuốc lá; vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt; hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định. Sự bất bình của dư luận xã hội đối với các hành vi trên sẽ có tác động mạnh mẽ đến việc thay đổi hành vi của các cá nhân.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC THỰC THI VÀ NGƯỜI DÂN TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BVMT NƠI CÔNG CỘNG

Một trong những điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể thực thi pháp luật xử lý VPHC trong lĩnh vực BVMT nói chung và xử lý VPHC trong BVMT nơi công cộng nói riêng là các điều kiện về cơ sở vật chất và các yếu tố khác như nhân lực, trình độ chuyên môn... Theo nguyên tắc về xử lý VPHC, cơ quan nhà nước thi hành pháp luật phải có nghĩa vụ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của công dân. Do đó, để có thể xử phạt VPHC đối với công dân vi phạm pháp luật BVMT nơi công cộng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chứng minh được hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân. Việc thu thập chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm pháp luật phải được thực hiện một cách hợp pháp, với các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại như máy ghi âm, ghi hình...

Bên cạnh ý thức tuân thủ pháp luật của người dân thì cơ quan nhà nước, các chủ thể quản lý khu chung cư, thương mại, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện cần thiết như thùng rác, địa điểm tập kết rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh công cộng (VSCC) để người dân có thể thực



▲ Cần xây dựng, lắp đặt đủ các nhà VSCC để người dân có thể thực hiện các yêu cầu của quy định về BVMT nơi công cộng

hiện đầy đủ các yêu cầu của quy định về BVMT nơi công cộng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí để trang bị cơ sở vật chất còn hạn chế. Hiện TP. Hà Nội chỉ có khoảng 170 nhà VSCC trên địa bàn, trong khi phần lớn các nhà VSCC này được xây dựng trên 20 năm nên đã xuống cấp. Sắp tới, TP sẽ lắp đặt thêm các nhà VSCC và quy hoạch thống nhất vị trí lắp đặt nhà vệ sinh, có biển chỉ dẫn rõ ràng để đảm bảo mỹ quan đô thị.

CÁC QUY ĐỊNH XỬ LÝ VPHC VỀ BVMT NƠI CÔNG CỘNG CẦN ĐƯỢC THỰC THI CÔNG BẰNG, NGHIÊM MINH

Có thể thấy rằng, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP đã bổ sung nhiều quy định mới và mức phạt của những hành vi vi phạm đã được nâng lên. Hành vi vi phạm pháp luật BVMT nơi công cộng chỉ là một nhóm hành vi vi phạm pháp luật BVMT bị xử lý theo Nghị định số 155/2016/NĐ-CP. Do vậy, khi triển khai thực thi các quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần triển khai một cách đồng bộ, nghiêm minh và công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng vi phạm và giữa các

hành vi vi phạm. Nếu việc áp dụng, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước không nghiêm minh, không kịp thời, đúng đắn và công bằng thì sẽ làm mất niềm tin vào pháp luật và dẫn tới tình trạng các tổ chức, cá nhân vi phạm “không phục” với quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các tổ chức, cá nhân sẽ có những so sánh và từ đó có thể cho rằng những hành vi vi phạm các quy định BVMT nơi công cộng thì bị xử lý, còn những hành vi vi phạm nghiêm trọng xả nước thải, chất thải ra môi trường lại không bị xử lý hoặc mức xử phạt chưa thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật.

Như vậy, để thực thi các quy định xử lý VPHC trong BVMT nơi công cộng, các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra và xử lý thường xuyên, khi xử phạt cần đảm bảo tính công bằng, minh bạch để người dân nghiêm túc chấp hành. Bên cạnh đó, xử phạt phải mang tính văn hóa (ra văn bản khiển trách về khu dân cư hoặc cơ quan nơi công tác, viết cam kết không vi phạm, công khai danh tính cá nhân của người vi phạm...). Đồng thời, vận động, tuyên truyền để người dân cùng vào cuộc, nâng cao ý thức BVMT■



Sự tham gia của phụ nữ trong đánh giá tác động môi trường

NGUYỄN NGỌC LÝ - ĐÀO THỊ THANH THỦY

Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR)

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là một quy trình nhằm xác định, dự đoán, đánh giá và giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm năng từ các dự án phát triển đối với môi trường trước khi đưa ra những quyết định và cam kết quan trọng. Về pháp lý, ĐTM là công cụ pháp lý đảm bảo việc tuân thủ của các nhà đầu tư trong BVMT. Quy trình xây dựng báo cáo ĐTM phải tuân thủ nhiều giai đoạn với các bước cụ thể, trong đó tham vấn cộng đồng người dân ở địa phương và các bên liên quan là một điều kiện bắt buộc. Tham vấn cộng đồng với mục tiêu là đảm bảo người dân có hiểu biết đầy đủ thông tin về dự án và được quyền tham gia các ý kiến cho dự án.

Việt Nam là một trong những nước có Luật Bình đẳng Giới (ban hành năm 2006). Luật quy định những nguyên tắc và biện pháp thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, bao gồm cả lĩnh vực BVMT. Điều 19 của Luật yêu cầu thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, trong đó có biện pháp quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia và thụ hưởng. Với nền tảng pháp luật rõ ràng như vậy, một số câu hỏi được đặt ra: Phụ nữ có được tham gia vào tất cả các bước của quá trình đánh giá tác động môi trường (ĐTM) không? Những khó khăn và thách thức mà phụ nữ phải đối mặt khi tham gia vào quá trình ĐTM là gì? Những lợi ích của việc phụ nữ tham gia vào quá trình ĐTM?

Để trả lời các câu hỏi này, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng đã tiến hành nghiên cứu “Đánh giá sự tham gia của phụ nữ trong ĐTM

tại Việt Nam: Những khuyến nghị về chính sách và sự tham gia của cộng đồng trong ĐTM” do Chương trình Đối tác Mê Công về môi trường tài trợ. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2015 tại Dự án Thủy điện Trung Sơn (thực hiện ở các tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình và Sơn La) và Dự án Bãi chôn lấp rác đô thị Hòa Phú (TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TRONG ĐTM TẠI DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN VÀ DỰ ÁN BÃI CHÔN LẤP RÁC ĐÔ THỊ HÒA PHÚ

Tham vấn cộng đồng, công khai thông tin, lập kế hoạch có sự tham gia, thực hiện, giám sát và đánh giá các kế hoạch quản lý môi trường và tái định cư là các bước bắt buộc trong quá trình ĐTM giúp tạo ra một môi trường thuận lợi cho phụ nữ tham gia. Tuy nhiên, sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn cộng đồng ở cả hai dự án khảo sát trên đều mới ở mức sơ khai, thiếu sâu sắc và chưa phát huy tiềm năng đóng góp của người phụ nữ.

Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cuộc họp tham vấn ở Dự án thủy điện Trung Sơn là 40%. Mặc dù số lượng các đại diện nữ tương đối lớn, nhưng hầu hết họ không đưa ra ý kiến của mình. Trong quan niệm của cộng đồng miền núi phía Bắc, như những cộng

đồng bị ảnh hưởng bởi Nhà máy thủy điện Trung Sơn, tham dự các cuộc họp là công việc của người đàn ông. Vì vậy, phụ nữ không tự tin đưa ra tiếng nói của mình. Đối với Dự án bãi chôn lấp chất thải rắn và biện pháp giảm thiểu có 112 người tham gia họp tham vấn, bao gồm đại diện của UBND tỉnh Thanh Hóa, các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ và các tổ chức khác, trong đó có khoảng 30% là phụ nữ, tuy nhiên các đại biểu nữ đã không bày tỏ ý kiến cá nhân, do đó họ có rất ít ảnh hưởng trong các thỏa thuận chính thức.

Mặt khác, trong quá trình tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng, phụ nữ thường có mối quan tâm đến vấn đề sinh kế và môi trường như nước uống, ô nhiễm nguồn nước, không khí và các tác động tới sức khỏe. Đây là những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò sinh sản và chăm sóc gia đình của người phụ nữ. Phụ nữ ở các cộng đồng chịu ảnh hưởng của Dự án bãi chôn lấp chất thải rắn tại TP. Buôn Ma Thuột phàn nàn về bụi, ô nhiễm nước, mùi hôi phát thải từ bãi chôn lấp và sự ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc kinh doanh nhỏ. Đối với Dự án Thủy điện Trung Sơn, phụ nữ đã tham gia tham vấn cộng đồng và góp phần quan trọng để xác định các khu tái định cư phụ



hợp hơn những khu ban đầu do chủ dự án đề xuất. Trong khi đó, đàn ông lại có các mối quan tâm khác như giao thông, bồi thường và nhà ở. Do đó, số lượng tham gia của nam giới trong cuộc họp về đất đai và bồi thường cao hơn so với phụ nữ.

CÁC RÀO CẢN ĐỐI VỚI VIỆC PHỤ NỮ THAM GIA TRONG QUÁ TRÌNH ĐTM Ở VIỆT NAM

Tiếp cận thông tin: Phụ nữ và nam giới tiếp cận thông tin qua các kênh khác nhau do họ có vai trò giới và không gian xã hội khác nhau. Người phụ nữ thường ít có cơ hội tiếp cận với thông tin chính thống hơn của nam giới.

Chủ đầu tư và nhóm tư vấn thiếu kiến thức về phong tục địa phương: Am hiểu các yếu tố văn hóa của từng dân tộc là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự tham gia hiệu quả của phụ nữ. Trong một số dân tộc chưa có sự bình đẳng giữa nam và nữ, vì vậy phụ nữ được xem là thấp kém hơn nam giới như đồng bào dân tộc H'Mông, Kinh, Hoa so với một số dân tộc khác như Thái, Tày. Cụ thể, đối với dân tộc Thái trắng (Tây Thanh Hóa, gần Sơn La), phụ nữ tham gia tích cực vào các cuộc tham vấn và thể hiện ý kiến của mình trong các cuộc họp, mặc dù, trình độ học vấn của họ không cao. Trong khi đó ở một số nhóm dân tộc H'Mông, hầu hết phụ nữ không tham gia và họ giao tiếp ít hơn. Ngoài ra, trong một số nhóm dân tộc, đàn ông và phụ nữ thường ngại giao tiếp và chia sẻ ý kiến với người lạ đến từ bên ngoài cộng đồng, đặc biệt khi họ chưa xây dựng được niềm tin. Như vậy, sự hiểu biết về kiến thức và văn hóa địa phương sẽ cho phép chủ dự án và tư vấn khai thác và thu nhận ý kiến của người dân một cách hiệu quả mà không làm họ cảm thấy e ngại.

Các định kiến đối với vị thế và kiến thức của phụ nữ: Phụ nữ thường ngại chia sẻ ý kiến của mình tại các cuộc tham vấn, vì cho rằng có vị trí xã hội thấp hơn so với nam giới. Ngoài các rào cản về vai trò và vị thế truyền thống của phụ nữ, thì trình độ học vấn và các mối quan tâm ưu tiên của phụ nữ (chăm sóc con cái, làm ruộng, sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, trồng sản và măng tre) cũng là một trong những lý do tại sao phụ nữ không được mời tham gia vào quá trình ra quyết định của cộng đồng. Hơn nữa, phụ nữ từ các nhóm dân tộc thiểu số thường nghĩ rằng, sau khi kết hôn, họ không có nhu cầu tiếp tục tham gia vào các hoạt động học tập chính thức. Với thành kiến



▲ Phụ nữ tham gia tham vấn cộng đồng tại Dự án chôn lấp chất thải rắn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

như vậy, phụ nữ thường bị bỏ quên trong các cuộc tham vấn.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Điều chỉnh khung pháp lý quốc gia về ĐTM và sự tham gia của cộng đồng dựa trên Luật Bình đẳng giới: Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định đánh giá tác động xã hội và giới trong phạm vi của ĐTM và đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC). Hiện nay, Luật chỉ mới tập trung vào việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng mà bỏ qua các tác động của biến đổi môi trường lên an sinh, văn hóa và sinh kế của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Do đó, Luật cần xem xét đến các tác động về giới trong ĐTM và Kế hoạch quản lý môi trường cũng như các biện pháp để giải quyết những tác động đó.

Mặt khác, cần xây dựng hướng dẫn chi tiết về quá trình ĐTM để đảm bảo phụ nữ và người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận đầy đủ thông tin của dự án và các tác động tiềm năng đối với cộng đồng và an sinh xã hội, giúp người dân thảo luận một cách hiệu quả. Hướng dẫn cần quy định tỷ lệ phần trăm tối thiểu số

lượng phụ nữ tham gia; các phương thức tiến hành tham vấn với phụ nữ và dân tộc thiểu số cần chú ý sự nhạy cảm về văn hóa.

Nâng cao vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong ĐTM và tham vấn cộng đồng: Là cơ quan đại diện của phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nên phát huy vai trò trong việc rà soát và cung cấp thông tin phản hồi về dự thảo báo cáo ĐTM cũng như giám sát việc thực hiện các kế hoạch quản lý môi trường. Hội phải chủ động trong việc đảm bảo phụ nữ được tiếp cận đầy đủ với thông tin của dự án, tập hợp và đại diện cho tiếng nói của phụ nữ trong các cuộc tham vấn.

Xây dựng các công cụ kỹ thuật giúp các chuyên gia và các bên liên quan thúc đẩy sự tham vấn cộng đồng. Để đưa ra hướng dẫn lồng ghép giới trong tham vấn cộng đồng ĐTM ở Việt Nam, năm 2016, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng đã xây dựng Sổ tay Hướng dẫn sự Tham gia của phụ nữ trong ĐTM như một công cụ kỹ thuật nhằm giúp các chuyên gia về ĐTM, giới và xã hội, các nhà quản lý, các nhà đầu tư... từng bước triển khai đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trong tham vấn ĐTM■



Cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những khó khăn, thách thức đối với Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG - TS. NGUYỄN HẢI YẾN

Viện Khoa học môi trường, Tổng cục Môi trường

ThS. HOÀNG XUÂN HUY

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Trong những năm gần đây, thế giới được chứng kiến sự tham gia ký kết của các hiệp định thương mại tự do (FTA). Trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng được quan tâm, thì vấn đề về chính sách giữa thương mại và môi trường có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Theo đó, những chính sách thương mại phù hợp có thể hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu môi trường và ngược lại. Vì vậy, các FTA gần đây đã đề cập nhiều hơn tới các vấn đề môi trường liên quan đến thương mại.

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI VÀ CÁC CAM KẾT VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian gần đây, đàm phán và ký kết các FTA song phương và đa phương có xu hướng đưa các nội dung môi trường hay phát triển bền vững vào thành một chương trong các FTA. Với quan điểm cho rằng, các hoạt động kinh doanh thương mại và BVMT, phát triển bền vững có tính chất tương hỗ không thể tách rời nên xuất hiện một dạng FTA “thế hệ mới”, trong đó có môi trường và phát triển bền vững.

Nội dung môi trường hay phát triển bền vững đề cập trong các FTA được xây dựng dựa trên mối quan tâm, lợi ích cũng như điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia tham gia đàm phán và ký kết. Trong một số FTA, mục tiêu của các nội dung môi trường hay phát triển bền vững nhằm thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực cụ thể về thương mại, có liên quan đến môi trường của các nước thành viên. Một số FTA khác, nội dung về môi trường và phát triển bền vững có yêu cầu và tiêu chuẩn cao hơn thể hiện qua mức độ cam kết và các nghĩa vụ, thậm chí còn sử dụng công cụ kinh tế như áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp có trừng phạt hoặc bồi thường về thương mại nếu xảy ra tranh chấp thương mại có liên quan đến môi trường.

Đối với các FTA thế hệ mới, Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán WTO, FTA Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), FTA Việt Nam Liên minh hải quan Belarus, Kazakhstan và Nga (VCUFTA) và FTA Việt Nam - Khối thương mại tự do (EFTA). Nhìn chung, các lĩnh vực liên quan đến môi trường hay phát triển bền vững được đề cập trong các FTA này tương đối giống nhau, chỉ khác nhau ở mức độ chi tiết hay mức độ ràng buộc. Trong WTO, nội dung/chủ đề liên quan đến “môi trường” chỉ bao gồm một nội dung duy nhất đó là dịch vụ môi trường, cụ thể là cam kết mở cửa thị trường đối với 5 loại dịch vụ môi trường. Đối với Hiệp định TPP, các nội dung/chủ đề liên quan đến “môi trường” được đưa vào thành những cam kết cụ thể bao gồm: Hiệp định đa phương về môi trường (MEAs), đa dạng sinh học và sinh vật ngoại lai, bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-zôn, bảo vệ (ngăn ngừa ô nhiễm) môi

trường biển từ tàu biển, đánh bắt hải sản, hàng hóa và dịch vụ môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cơ chế tự nguyện BVMT. Hiệp định EVFTA, các nội dung/chủ đề liên quan đến “phát triển bền vững” được đưa vào thành những cam kết cụ thể bao gồm: MEAs, đa dạng sinh học, bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, biến đổi khí hậu, lâm nghiệp và các sản phẩm lâm nghiệp, tài nguyên biển và sản phẩm nuôi trồng thủy sản, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và nhân sinh thái. Hiệp định VCUFTA và Hiệp định EFTA, các nội dung/chủ đề liên quan đến “phát triển bền vững” được đưa vào thành những cam kết cụ thể bao gồm: MEAs, quản lý và bảo vệ rừng (lâm nghiệp), bảo tồn đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu (năng lượng sạch, công nghệ ít phát thải, năng lượng tái tạo...).

Về mức độ cam kết, các nội dung về môi trường hay phát triển bền vững được đưa vào các FTA ở mức độ cam kết hay ràng buộc khác nhau. Mức độ cam kết hay ràng buộc về môi trường trong các



▲ Năng lượng tái tạo được ưu tiên trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

FTA tùy thuộc vào sự quan tâm của nhóm (đôi khi là một nhóm nhỏ hoặc chỉ một nước) nước thành viên Hiệp định. Một số nội dung có mức độ cam kết hay ràng buộc cao hơn các nội dung khác. Hai Hiệp định điển hình có mức độ ràng buộc cao là Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA. Đối với hai FTA này, các nội dung về bảo tồn, thủy sản và lâm nghiệp có sự quan tâm nhiều hơn và kèm theo đó là mức độ cam kết, ràng buộc cao hơn.

Ngoài ra, các FTA thế hệ mới cũng yêu cầu, đòi hỏi cao hơn so với các FTA truyền thống về sự minh bạch trong việc tuân thủ và thực hiện. Do vậy, tương tự như các nội dung nêu trên, mức độ cam kết, ràng buộc của các nghĩa vụ này khá cao so với các FTA truyền thống. Bên cạnh các nội dung có mức độ cam kết, ràng buộc cao, những nội dung khác còn lại đều có mức độ cam kết, ràng buộc ở mức trung bình hoặc thấp, một số ít chỉ mang tính chất khuyến nghị hoặc khuyến khích việc hợp tác giữa các bên. Những nội dung này bao gồm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, hàng hóa và dịch vụ môi trường.

Trong các FTA thế hệ mới có nội dung môi trường hay phát triển bền vững gần đây như Hiệp định TPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định VCUFTA và Hiệp định EFTA đều sử dụng cơ chế tham vấn, riêng Hiệp định TPP có sử dụng thêm cơ chế giải quyết tranh chấp (có áp dụng biện pháp trừng phạt thương mại).

Với các Hiệp định VCUFTA và EFTA, quy trình thủ tục giải quyết vấn đề phát sinh sử dụng cơ chế tham vấn được thiết lập đơn giản hơn so với Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA với mục tiêu tìm ra các giải pháp hợp tác và đồng thuận để giải quyết vấn đề phát sinh.

NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Việc tham gia, ký kết các FTA thế hệ mới trong thời gian vừa qua hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cũng như thách thức cho Việt Nam trong thời gian tới. Đối với các Hiệp định như Hiệp định TPP và Hiệp định EVFTA, trong điều kiện hiện nay, các nghĩa vụ về môi trường mà Việt Nam cam kết đã nảy sinh một số vấn đề cần phải chuẩn bị và giải quyết trước khi các Hiệp định này có hiệu lực. Đây cũng là những vấn đề có tính rủi ro cao, dễ dẫn đến phát sinh

tranh chấp thương mại trong quá trình thực thi.

Việc thực thi các nghĩa vụ đã cam kết trong các thỏa thuận quốc tế và pháp luật quy định trong nước về môi trường không phải là vấn đề mới, tuy nhiên, trong khuôn khổ các FTA, các nghĩa vụ này trở thành rào cản lớn đối với các ràng buộc và điều chỉnh về thương mại. Cho đến nay, Việt Nam chưa có, thậm chí không có kinh nghiệm trong vấn đề này. Đặc biệt là một quốc gia đang phát triển, với điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, nguồn lực dành cho hoạt động BVMT còn hạn chế, việc thực thi một cách nghiêm túc các nghĩa vụ liên quan đến môi trường cam kết trong các FTA đặt ra những thách thức và khó khăn không nhỏ cho Việt Nam.

Hệ thống chính sách và pháp luật về môi trường của Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục được hoàn thiện. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách, pháp luật về môi trường được ban hành, song khuôn khổ pháp lý cho lĩnh vực môi trường còn chưa đầy đủ và thậm chí còn chồng chéo trong một số lĩnh vực cụ thể, gây khó khăn cho việc thực thi các cam kết quốc tế.

Hơn thế, việc thực thi pháp luật về môi trường chưa thực sự hiệu quả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là nhận thức và ý thức BVMT của các cán bộ quản lý, doanh nghiệp và người dân còn chưa cao; kinh tế còn nhiều khó khăn; năng lực của đội ngũ cán bộ trong việc xử lý các vấn đề thương mại quốc tế có liên quan đến môi trường chưa



đáp ứng được yêu cầu; nguồn lực về tài chính dành cho hoạt động BVMT còn hạn chế. Có thể thấy, khó khăn về tài chính sẽ dẫn đến việc không có sự đầu tư thỏa đáng cho các công nghệ hiện đại và các đầu tư khác cho hoạt động BVMT. Điều này sẽ dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng, tuân thủ các nghĩa vụ và tiêu chuẩn đã cam kết trong các FTA, đặc biệt là trong Hiệp định TPP.

Trong bối cảnh việc xóa bỏ dần các rào cản thương mại và nhập khẩu hàng hóa, vật tư, công nghệ trong điều kiện quy định tiêu chuẩn về môi trường còn thấp và năng lực kiểm soát tuân thủ còn chưa chặt chẽ sẽ dẫn đến nguy cơ Việt Nam trở thành bãi chứa các thiết bị, dây chuyền lạc hậu, là nơi tiêu thụ các loại hàng hóa kém chất lượng. Các hiệp định FTA nói chung và TPP nói riêng sẽ thúc đẩy tăng trưởng đối với một số ngành công nghiệp như dệt nhuộm, da giày, thủy sản, chế biến gỗ, sản xuất linh kiện điện tử, tuy nhiên những ngành này có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã áp dụng các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư FDI, dẫn đến việc xem nhẹ các vấn đề liên quan đến môi trường.

Để giải quyết các vấn đề đó, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật. Tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường, đội ngũ cán bộ tham gia giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế về thương mại liên quan đến môi trường. Tăng cường kinh nghiệm trong giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế liên quan đến môi trường; Tham gia hoạt động hợp tác khu vực, quốc tế về bảo tồn và các hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có báo cáo và không được quản lý (IUU). Nâng cao nhận thức và ý thức BVMT của các cấp quản lý, cộng đồng và doanh nghiệp, tránh những rủi ro liên quan đến tranh chấp thương mại về môi trường■

Ứng dụng khoa học công nghệ nhân giống gừng núi đá, góp phần bảo tồn nguồn gen bản địa

Gừng núi đá (gingiber zerumbet) là một trong những cây trồng truyền thống ở vùng núi cao của một số huyện như Bắc Sơn, Bình Gia (Lạng Sơn). Gừng núi đá có mùi thơm đặc trưng, dùng làm gia vị và dược liệu. Những năm gần đây, gừng núi đá mọc trong tự nhiên bị người dân khai thác ồ ạt nên ngày càng khan hiếm và có nguy cơ biến mất, do đó cần phải bảo tồn và nhân giống gừng núi đá.

Để bảo tồn và nhân giống gừng quý, từ năm 2014, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ (KH&CN), Sở KH&CN Lạng Sơn đã triển khai thực hiện Đề tài “Ứng dụng KH&CN nhân giống gừng núi đá bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào”.

Cây gừng núi đá trồng tự nhiên có chiều cao khoảng 1 m, do số chồi nằm ở củ không nhiều nên cây thường ít ra hoa. Trước đây, đã có một số gia đình đưa cây gừng núi đá về trồng trong vườn nhà theo kinh nghiệm truyền thống nhưng cây bị sâu bệnh, nhất là bệnh thối củ do nấm *Pythium* sp và vi khuẩn *Ervina* sp gây ra, làm thiệt hại lớn cho gừng giống, cũng như gừng thương phẩm. Xuất phát từ nhu cầu tạo ra một lượng lớn cây giống sạch bệnh, năng suất cao, nhóm nghiên cứu đã phối hợp với Viện Di truyền (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) để nhân giống gừng núi đá bằng phương pháp nuôi

cấy mô tế bào phục vụ sản xuất. Sau 6 tháng thử nghiệm, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được quy trình nhân giống. Nhóm đã chọn những củ gừng khỏe, sạch bệnh, mầm phát triển tốt, để nghiên cứu về khả năng sinh trưởng các chồi gừng và khả năng ra rễ. Từ đó, cấy phôi tạo cây giống hoàn chỉnh có chiều cao 2 - 3 cm và cho trồng thích nghi ngoài vườn ươm. Kết quả trong đợt nghiên cứu đầu tiên, họ thu được 3.200 cây gừng núi đá giống đạt tiêu chuẩn.

Sau khi có giống tốt, nhóm đã đưa vào trồng tại 100 m² diện tích đất vườn của gia đình ông Vy Văn Can (thôn Bó Luông, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn). Sau 2 năm trồng cây gừng núi đá cấy mô, đến nay, gia đình ông đã nắm vững quy trình, cách thức trồng để mang lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình. Ông cho biết, với 100 m² đất vườn, ông trồng được 1.200 cây gừng núi đá cấy mô. Chi phí mua giống là 50 triệu đồng, tổng chi phí chăm sóc khoảng 30 triệu, sản phẩm thu hoạch đem lại lợi nhuận hơn 195 triệu đồng, đây là mức thu nhập đáng kể đối với bà con vùng núi. Với ưu điểm, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào sẽ tạo ra được một quần thể cây gừng con đồng đều giữ nguyên đặc tính của cây mẹ, tạo cây mẹ đầu dòng giữ được gen ban đầu. Nhân giống được số lượng cây lớn trong một diện tích nhỏ, đảm bảo các cây giống



▲ Gừng núi đá được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào không nhiễm sâu bệnh, tỷ lệ nảy mầm cao

sạch bệnh. Hàng năm, có thể sản xuất hàng chục vạn cây giống mà không cần phụ thuộc vào thời gian hay mùa vụ, rút ngắn thời gian đưa giống vào sản xuất và phát huy được hiệu quả kinh tế. Theo tính toán, năng suất của cây gừng cấy mô có thể đạt 56,15 tạ/ha mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp đôi so với trồng lúa.

Từ mô hình điển hình trồng gừng núi đá cấy mô cho kết quả tốt, năm 2016, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Lạng Sơn đã mở rộng quy mô trồng ra một số địa phương trên địa bàn tỉnh có thổ nhưỡng phù hợp, giúp bà con có thêm giống cây để lựa chọn trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Đồng thời, Trung tâm đã tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng gừng núi đá cấy mô theo hướng thâm canh tăng năng suất cho từng hộ gia đình.

Việc ứng dụng nhân giống gừng núi đá bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào đã giúp thúc đẩy sản xuất và góp phần bảo tồn nguồn gen bản

địa của tỉnh Lạng Sơn nói riêng và bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật của quốc gia nói chung, góp phần khai thác các thể mạnh tự nhiên của khu vực, tạo ra nguồn sản phẩm hàng hóa có năng suất cao, giúp nhân dân các dân tộc trong huyện xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên, giá thành sản xuất cây giống hiện tại vẫn còn khá cao, công tác chọn giống chưa được người dân quan tâm đúng mức, nên việc tận dụng ưu thế của cây gừng sản xuất bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Ngoài ra, người dân còn thiếu thông tin, định hướng về các địa chỉ sản xuất giống bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào.

Trong thời gian tới, để tăng cường diện tích rừng

trồng cây gừng núi đá cấy mô trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN sẽ triển khai một số giải pháp như tăng cường đội ngũ cán bộ đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây gừng núi đá cấy mô cho các hộ dân, nhất là bà con dân tộc, thiểu số. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, các thành phần kinh tế tham gia trồng cây gừng núi đá cấy mô. Cùng với đó, xây dựng hệ thống vườn ươm nuôi cấy mô tế bào; Thiết lập hệ thống quản lý, kiểm nghiệm, bảo quản giống cây gừng núi đá cấy mô; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các dự án sản xuất nguồn dược liệu từ cây gừng núi đá cấy mô...■

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG



Xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường làng nghề

LÊ VŨ LINH SOA

Tổng cục Môi trường

Trong nhiều năm qua, sự phát triển của làng nghề trên cả nước đã tạo động lực to lớn góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương. Tuy nhiên, sự phát triển đó cũng tạo nên những sức ép không nhỏ đối với môi trường và sức khỏe con người. Để thực hiện hiệu quả công tác quản lý môi trường làng nghề, đòi hỏi hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) phải được cập nhật chính xác về thực trạng môi trường tại các làng nghề ở Việt Nam, từ đó có các chính sách phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững hiện nay.



▲ Hình 1. Trang chủ

Những năm qua, trong quá trình thực hiện Dự án kiểm soát ô nhiễm (KSON) môi trường làng nghề, Cục KSON (Tổng cục Môi trường) đã phối hợp với các địa phương thu thập, tổng hợp, phân tích và đánh giá các thông tin về môi trường làng nghề để phục vụ yêu cầu công tác quản lý. Thực tế cho thấy, các thông tin, dữ liệu liên quan đến môi trường làng nghề còn thiếu, rời rạc, phân tán ở nhiều Bộ, ngành (Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương, Bộ TN&MT, Hiệp hội làng nghề Việt Nam...) và địa phương. Việc báo cáo, trao đổi thông tin, dữ liệu về môi trường làng nghề giữa các cơ quan ở Trung ương, cũng như giữa Trung ương với địa phương còn chậm, chưa đầy đủ.

Xuất phát từ thực tế đó, trong giai đoạn 2013 - 2016, Cục KSON đã được giao chủ trì xây dựng, hoàn thiện CSDL về BVMT làng nghề nhằm tổng hợp, xử lý và chia sẻ các thông tin về môi trường làng nghề từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu quản lý và nhu cầu tra cứu thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng dân cư. Từ đó, đưa ra đề xuất phương thức quản lý phù hợp nhằm duy trì, cập nhật, quản lý hiệu quả thông tin, dữ liệu liên quan đến môi trường làng nghề của các cơ

quan Trung ương và các địa phương.

Việc xây dựng phần mềm CSDL về BVMT làng nghề được triển khai dựa trên nhu cầu quản lý của các cơ quan liên quan về làng nghề, công tác BVMT làng nghề. Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ các nhiệm vụ, dự án, đề tài nghiên cứu liên quan tới BVMT làng nghề đã thực hiện, Cục KSON đã tổng hợp, xác định các thông tin cần quản lý và bước đầu cập nhật vào CSDL. Đồng thời, thực hiện điều tra, phỏng vấn, thu thập thông tin cần thiết phục vụ xây dựng CSDL và tổng hợp thông tin, kết hợp với khảo sát thực địa, lấy mẫu, phân tích để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề.

Để phục vụ thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, số liệu về môi trường tại

các làng nghề ở Việt Nam, CSDL được xây dựng theo 2 nhóm đối tượng chính là làng nghề và cơ sở sản xuất tại làng nghề.

Việc quản lý, chia sẻ thông tin trên CSDL thông qua phần mềm có thiết lập hệ thống thư mục và các tệp dữ liệu trên trang chủ; khai báo và thay đổi người sử dụng; gán mật khẩu ban đầu và phân quyền thích hợp. Trên cơ sở đó, các đối tượng sử dụng phải chịu trách nhiệm về các thông tin, dữ liệu do mình cập nhật. Phần mềm quản lý CSDL có 5 chức năng chính, bao gồm chức năng tra cứu, thống kê, cập nhật dữ liệu, bản đồ và văn bản.

Với chức năng tra cứu thông tin, phần mềm trên sẽ giúp người sử dụng có thể tìm kiếm nhanh các thông tin về làng nghề và kết xuất ra bảng excel. Người sử dụng có thể tra cứu làng nghề theo các tiêu chí lọc khác nhau như tìm kiếm theo tỉnh, loại hình sản xuất, lượng chất thải phát sinh...

Chức năng thống kê là chức năng cơ bản hỗ trợ cho nhu cầu quản lý nhà nước về BVMT làng nghề bao gồm các nội dung như số lượng làng nghề, số lượng làng nghề được



▲ Hình 2. Tìm kiếm theo tỉnh, loại hình sản xuất

công nhận, số lượng làng nghề theo loại hình sản xuất, số lượng làng nghề theo mức độ ô nhiễm...

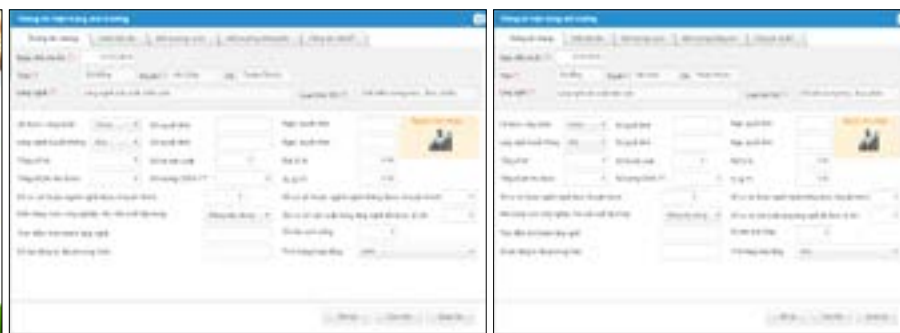
Chức năng cập nhật dữ liệu là chức năng quan trọng quyết định số lượng và chất lượng dữ liệu quản lý trên phần mềm. Các

thông tin, dữ liệu cập nhật được thu thập, tổng hợp theo nhu cầu quản lý của các đơn vị liên quan trên cơ sở các quy định về BVMT làng nghề hiện hành. Để thuận

lợi cho người sử dụng và cập nhật, dữ liệu được chia thành 5 tab bao gồm thông tin chung, thông tin về chất thải rắn, môi trường nước, môi trường không khí và công tác quản lý môi trường làng nghề. Người cập nhật có thể thêm mới, xóa hay chỉnh sửa thông tin cần cập nhật theo phân quyền sử dụng và các thông tin này sẽ được lưu theo mốc thời gian thực hiện.



▲ Hình 3. Thống kê các thông tin liên quan



▲ Hình 4. Các dữ liệu cần cập nhật và các bản ghi đối với môi trường làng nghề



▲ Hình 5. Chức năng bản đồ

Bên cạnh các chức năng trên, phần mềm còn có chức năng bản đồ. Đây là chức năng giúp các cơ quan quản lý nhà nước hình ảnh hóa bức tranh về làng nghề và môi trường làng nghề trên nền bản đồ Việt Nam. Các thông tin cần xem trên bản đồ được lựa chọn theo đơn vị hành chính, loại hình làng nghề, được công nhận hay chưa và mức độ ô nhiễm. Giữa chức năng bản đồ và các dữ liệu trong

CSDL có sự liên kết trực tiếp với nhau.

Trong thời gian tới, Cục KSON sẽ tiếp tục phối hợp với cơ quan liên quan, các địa phương có làng nghề phổ biến, hướng dẫn sử dụng CSDL và phần mềm hỗ trợ, điều chỉnh cho phù hợp

với yêu cầu thực tiễn nhằm thống nhất thông tin, phục vụ công tác quản lý nhà về BVMT làng nghề. Để đạt được mục tiêu đó, cần sự quyết tâm thực hiện của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương và các cấp chính quyền địa phương■



Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển Quảng Nam - Đà Nẵng

LÊ THỊ HƯỜNG

Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam



▲ Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

Lưu vực sông (LVS) Vu Gia - Thu Bồn là hệ thống sông lớn ở vùng duyên hải Trung Bộ, có diện tích 10.350 km², trong đó diện tích nằm ở tỉnh Kon Tum là 301,7 km², còn lại chủ yếu thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng. LVS Vu Gia - Thu Bồn là nguồn nước cung cấp quan trọng nhất cho nhu cầu phát triển dân sinh, kinh tế của tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng. Đồng thời với lợi thế địa hình dốc, có nhiều ghềnh thác, lại nằm trong vùng có mưa lớn, LVS Vu Gia - Thu Bồn được đánh giá là lưu vực có tiềm năng phát triển thủy điện.

CÁC TÁC ĐỘNG TỚI LVS VU GIA - THU BỒN

Những năm gần đây, kinh tế - xã hội trong vùng LVS Vu Gia - Thu Bồn có những bước phát triển mạnh. Để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng, các địa phương đã tiến hành lập quy hoạch và xây dựng các nhà máy thủy điện trên LVS. Sự phát triển thiếu bền vững các nhà máy

thủy điện với mật độ dày trên thượng nguồn LVS Vu Gia - Thu Bồn đã phát sinh nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, phá hủy hệ sinh thái, sinh cảnh của khu vực thượng và trung LVS, giảm phần lớn lượng phù sa và dinh dưỡng đưa xuống hạ lưu, làm mất cân bằng sinh thái và động lực dòng sông và vùng cửa sông. Điều này gây ra những thay đổi, làm tăng khả năng lũ lụt vào mùa mưa và thiếu nước mùa khô. Ngoài ra, còn làm giảm phù du và thức ăn cho cá, cũng như cản trở sự di cư của cá ra sông và biển, tăng nguy cơ xói lở bờ biển, nghẽn bùn ở cửa sông, cửa biển...

Cùng với đó, nạn phá rừng đầu nguồn, khai thác vàng sa khoáng và cát sỏi trái phép trên LVS cũng là những tác nhân gây nên sự suy thoái và cạn kiệt nguồn nước, gây biến đổi dòng chảy, xói lở bờ

sông. Do phá rừng, rừng bị suy giảm chất lượng nên mùa lũ nước về nhanh hơn, thay đổi chế độ thủy văn, dẫn đến việc mất đi những hệ sinh thái giàu có trên lưu vực...

Ngoài tác động trên lưu vực, TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn liên quan đến phát triển bền vững vùng bờ biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Với quy mô dân số và tốc độ phát triển kinh tế ngày càng gia tăng trên LVS nói trên, các tác động cấp diễn và tiềm tàng từ LVS Vu Gia - Thu Bồn xuống vùng bờ biển và biển ven bờ Đà Nẵng - Quảng Nam sẽ lớn hơn, như: gia tăng ngập lụt vùng ven biển, lũ bùn đá và gia tăng tác động ô nhiễm biển - ven biển từ nguồn đất liền, bao gồm chất thải đô thị và sinh hoạt. Vào mùa mưa, lũ về gây ô nhiễm môi



trường nghiêm trọng, gây mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Bên cạnh đó, việc khai thác, sử dụng không hợp lý nguồn tài nguyên ở chính vùng bờ biển cũng làm mất dần và suy thoái các hệ sinh thái quan trọng - nguồn vốn tự nhiên của khu vực, như: hệ sinh thái rừng dừa nước, các thảm thực vật ven sông Thu Bồn; thảm cỏ biển, rạn san hô ở vùng biển gần bờ, làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản và các giá trị dịch vụ du lịch ở đây. Hiện tượng sạt lở vùng cửa biển, bờ sông, cát bay, cát lấp cũng là những vấn đề đáng lo ngại ở vùng ven biển này.

TIẾN TỚI CÁCH TIẾP CẬN TỪ ĐẦU NGUỒN XUỐNG BIỂN

LVS, vùng bờ biển và biển có mối quan hệ tương tác với nhau, trong đó vùng bờ biển là không gian nằm chuyển tiếp giữa LVS và biển, có tầm quan trọng đặc biệt. Vì vậy, cần có các cách tiếp cận tổng hợp để gắn kết quản lý LVS với vùng bờ biển dựa trên mối liên kết sinh thái, thủy văn và kinh tế - xã hội. Đó là cách tiếp cận từ đầu nguồn xuống biển (R-R) trong quản lý tổng hợp LVS và vùng bờ biển.

Cách tiếp cận quản lý này gắn quản lý tổng hợp tài nguyên nước với quản lý tổng hợp vùng bờ nhằm tăng cường khả năng chia sẻ tài nguyên nước ngọt và tài nguyên biển vì tương lai của một nền kinh tế ổn định và hiệu quả lâu dài thông qua các thể chế quản trị thích ứng. Theo đó, chức năng “sống” của một LVS cần được nhìn nhận toàn diện và rõ ràng trong quá trình phát triển LVS từ đầu nguồn xuống vùng bờ biển. Tài nguyên nước của một con sông là nguồn sống của tất cả cộng đồng sống trên lưu vực, nước sử dụng cho sinh hoạt của con người là ưu tiên hàng đầu và việc sử dụng phải được thực hiện theo nguyên tắc công bằng và hợp lý giữa các nhu cầu sử dụng khác nhau của các ngành, giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các địa phương có chung lưu vực. Cách tiếp cận này được thực hiện cho trường hợp nghiên cứu ở LVS Vu Gia - Thu Bồn nhằm làm rõ mối quan hệ của LVS quan trọng này với vùng bờ biển Đà Nẵng - Quảng Nam và vùng biển bên ngoài. Từ đó có thể lồng ghép các chiến lược, kế hoạch phát triển, dự án đầu tư và các giải pháp ứng phó phù hợp nhất giữa LVS và vùng bờ biển.

Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, hệ thống quản lý tài nguyên nước và các tài nguyên

liên quan trong LVS Vu Gia - Thu Bồn vẫn được thực hiện theo cách tiếp cận truyền thống - theo địa giới hành chính, mang tính đơn ngành, đơn vùng. Theo đó, Sở TN&MT chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên nước, khoáng sản và đất đai; Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm quản lý công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, cấp nước nông thôn, phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; Sở Công Thương quản lý phát triển và quản lý các công trình thủy điện thuộc chức năng của tỉnh (thủy điện nhỏ dưới 30 MW). Đây chính là các yếu tố làm suy giảm chức năng và sự sống của lưu vực, gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam đã ký kết thỏa thuận phối hợp quản lý LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng. Mục đích của việc ký kết thỏa thuận phối hợp này nhằm tăng cường phối hợp giữa hai địa phương, giữa các ban, ngành và các bên liên quan để quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng, tiến tới hài hòa giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và an toàn sinh thái, môi trường; chia sẻ thông tin, khuyến khích hợp tác giữa các bên liên quan; thiết lập thử nghiệm một thể chế liên tỉnh - thành phố để quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng

Nam - Đà Nẵng. Theo đó, hai địa phương sẽ cùng xây dựng một kế hoạch, quy hoạch quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển, trong đó, vấn đề tài nguyên nước phải được đặt trong mối quan hệ với các hoạt động phát triển khác trong cùng lưu vực và vùng bờ, trong mối liên kết giữa LVS từ thượng lưu đến hạ lưu và vùng ven biển của hai địa phương.

Với việc ký thỏa thuận, hai bên sẽ thành lập Ban Điều phối chung, gồm lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam, UBND TP. Đà Nẵng và các cơ quan chủ chốt có liên quan đến quản lý LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ để giải quyết các vấn đề liên tỉnh, liên vùng. Cơ quan đầu mối của Ban Điều phối là Sở TN&MT của hai địa phương. Sở TN&MT tổ chức nghiên cứu, đề xuất cụ thể về kế hoạch, quy chế làm việc của Ban Điều phối, lập Tổ Tư vấn và tổ chức tham vấn với các bên liên quan. Trong giai đoạn thử nghiệm kéo dài trong ba năm (2017 - 2020), hai bên thực hiện các nguyên tắc cơ bản của quản lý tổng hợp LVS và vùng bờ biển.

Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển là bước khởi đầu quan trọng để tăng cường sự phối hợp giữa hai địa phương trong việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững LVS Vu Gia - Thu Bồn. ■



Đánh giá nguy cơ ô nhiễm môi trường vịnh Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

ĐỖ TÁ HÒA - LÊ ĐỨC ĐẠT

Viện Nghiên cứu Biển và Hải đảo



▲ Đoạn cửa sông Phú Lộc chảy ra vịnh Đà Nẵng gây ô nhiễm

Vịnh Đà Nẵng được bao bọc bởi hai dãy núi Hải Vân và Sơn Trà, thuộc địa phận các quận Liên Chiểu, Thanh Khê, Hải Châu và Sơn Trà (TP. Đà Nẵng). Vùng biển vịnh Đà Nẵng có những đặc trưng riêng về điều kiện tự nhiên, có vị thế đặc biệt quan trọng với tài nguyên biển và an ninh quốc phòng trong khu vực. Đó là những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cảng biển và các ngành kinh tế khác như nuôi trồng, đánh bắt hải sản, du lịch, dịch vụ... Tuy nhiên, các hoạt động này cũng phát sinh các chất thải gây ô nhiễm môi trường nước, suy thoái cảnh quan và tài nguyên trong vịnh.

ĐÁNH GIÁ SỨC TẢI MÔI TRƯỜNG VỊNH ĐÀ NẴNG

Theo Báo cáo quan trắc chất lượng nước của vịnh Đà Nẵng năm 2016, nước của vịnh có độ mặn cao và ổn định, dao động từ 16 - 32‰, độ đục thấp, hàm lượng chất rắn lơ lửng thấp, nồng độ oxy hòa tan cao. So với các quy chuẩn QCVN 10:2008/BTNMT đối với nước biển ven bờ và các tiêu chuẩn ASEAN thì nước tại vịnh Đà Nẵng có nồng độ muối phốt phát cao hơn giới hạn cho phép (GHCP) theo tiêu chuẩn ASEAN (15µg/l

đối với nước ven bờ), nhưng thấp hơn GHCP đối với nước cửa sông (45µg/l). Nước biển ô nhiễm một số chất hữu cơ, dầu mỡ, Asen vượt 2,3 - 20,8 lần và Cu vượt 3,75 lần. Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) cơ clo (Lindan, Endrin) nằm trong GHCP nhưng dư lượng các hóa chất như DDE vượt 1,16 lần; DDD vượt 3,48 lần.

Trầm tích trong vịnh chủ yếu là bùn bột nhỏ, hàm lượng trung bình các chất dinh dưỡng và hữu cơ trong trầm tích: N-T -772,91 mg/kg khô; hàm lượng P-T -105,45 mg/kg



khô; hàm lượng Ch/c -511,08 mg/kg khô. Kim loại nặng trong trầm tích nhìn chung khá cao. Như vậy, chất lượng nước và trầm tích trong vịnh hiện có nguy cơ ô nhiễm xảy ra trên diện rộng, tập trung chủ yếu ở các cảng, xí nghiệp đóng tàu và ở các vùng cửa sông đổ vào vịnh. Quá trình tích lũy độc tố này từ môi trường trầm tích diễn ra chậm hơn so với môi trường nước vào cơ thể con người, nhưng cũng là một thực trạng đáng lo ngại. Trong các nguồn nước thải ô nhiễm từ cửa sông chảy vào vịnh có sông Phú Lộc bắt nguồn từ Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam (quận Liên Chiểu), chảy qua phường Hòa Minh đổ ra vịnh Đà Nẵng. Sông Phú Lộc là nơi tiếp nhận nước thải của các hệ thống kênh nhánh đổ vào B12, B18, B24, Yên Thế - Bắc Sơn, mương Khe Cạn. Hầu hết các kênh mương này chưa có hệ thống thu gom nên lượng nước thải vẫn được xả trực tiếp vào các kênh và từ đó, đổ vào vịnh gây ô nhiễm môi trường vịnh.

Bên cạnh đó, các nguồn thải từ các khu dân cư, cụm công nghiệp cũng thải ra lượng chất ô nhiễm lớn nhất là vào mùa mưa. Số liệu kiểm kê các nguồn nước thải phát sinh hàng năm cho thấy, lượng các chất ô nhiễm trong vịnh trung bình/năm lớn: khoảng 19 nghìn tấn COD; 2,8 nghìn tấn BOD₅; hơn 5,9 nghìn tấn N-T; 2,5 nghìn tấn P-T và gần 58 nghìn tấn chất rắn lơ lửng. Dự báo đến năm 2025, lượng chất ô nhiễm vào vịnh Đà Nẵng sẽ phát sinh khoảng 69,2 nghìn tấn COD; 37,7 nghìn tấn BOD₅; 11,4 nghìn tấn N-T; 3,9 nghìn tấn P-T; 138,5 nghìn tấn TSS.

Vào mùa khô, quá trình trao đổi nước kém làm khả năng tự làm sạch của vịnh giảm, lượng ôxy trong nước giảm, phát sinh nhiều loài tảo độc, gây ô nhiễm nước.

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BVMT VỊNH

Chính sách, quản lý, quy hoạch vùng vịnh: Thực hiện quy hoạch không gian vịnh, vùng bờ, thiết lập hồ sơ; xây dựng tiêu chuẩn, ngưỡng môi trường sinh thái cho vịnh, xây dựng quy định cấp hạn ngạch nước thải, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, sinh thái và đa dạng sinh học. Đồng thời, rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế. dịch vụ; Triển khai mô hình quản lý TN&MT các cấp (Trung ương, tỉnh, địa phương) cho vịnh; Thiết lập hồ sơ vùng vịnh, xây dựng bộ tiêu chí vùng vịnh đẹp quốc gia...

Kiểm soát nguồn phát thải đưa xuống thủy vực: Có giải pháp xử lý hiệu quả chất thải rắn và nước thải; hạn chế cấp phép sản xuất, dịch vụ cho những lĩnh vực phát thải các chất gây ô nhiễm (nitrat, Cu, As); Thực hiện phân ngạch phát thải ô nhiễm cho các địa phương và các ngành kinh tế, cụm kinh tế, thúc đẩy kinh tế dịch vụ môi trường; Kiểm soát nguồn thải xuyên biên giới thông qua cảng biển.

Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát môi trường: Đầu tư cho hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tại vịnh tập trung vào các hợp phần sau: Quan trắc chất lượng không khí, chất lượng nước mặt (sông, suối, ao hồ...), chất lượng nước dưới đất, chất lượng nước biển ven bờ và xa bờ, chất lượng đất, các hệ sinh thái biển.

Duy trì, tăng cường hoàn lưu và ổn định nền đáy thủy vực: Theo quy hoạch, cấu trúc vực nước vịnh sẽ bị thay đổi nhiều do các công trình cảng. Do vậy, cần phải có các biện pháp ổn định duy trì dòng chảy có tốc độ đảm bảo, giữ độ sâu, hạn chế khả năng phân tầng nước. Đồng thời, có quy định chặt chẽ về chỗ neo đậu và tuyến đường đi lại của tàu thuyền để tránh khuấy đục đáy và hủy hoại trực tiếp thảm rong, tảo và cỏ nước, những thành phần tham gia ổn định nền đáy; Cần giám sát các hoạt động, công trình cản trở lưu thông và trao đổi nước trong vịnh Đà Nẵng; giám sát tàu thuyền neo đậu và đi lại đúng tuyến trên vịnh.

Tăng cường khả năng làm sạch thủy vực của thủy sinh vật: Giữ cho nước vịnh trong (cũng là chống vượt tải TSS) là giải pháp quan trọng để phát triển sinh khối thực vật phù du, đóng góp cho quá trình tự làm sạch và giảm tải thủy vực vịnh Đà

Nẵng. Ngoài ra, ổn định nền đáy để phát huy vai trò của động vật đáy tiêu thụ sản phẩm chất hữu cơ lắng đọng cũng góp phần hỗ trợ tự làm sạch thủy vực; việc tăng cường khả năng làm sạch thủy vực của thủy sinh vật cần được kết hợp với bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô và thảm cỏ biển khu vực vịnh Đà Nẵng.

Hạn chế suy giảm diện tích và thể tích thủy vực: Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh trong mấy chục năm qua, diện tích vùng bờ vịnh Đà Nẵng đã thu hẹp đáng kể. Để ngăn ngừa và khắc phục các tác động nhân sinh gây thay đổi hình thái thủy vực vịnh, cần thực hiện tổ chức giám sát đánh giá, giám sát quá trình bồi lắng đáy vịnh và bồi tụ - xói lở bờ vịnh; quy hoạch phát triển không gian vịnh hợp lý; quản lý, thu gom và xử lý triệt để chất thải rắn; phòng ngừa, hạn chế xói mòn và sạt lở đất trên lưu vực; bảo vệ các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển và đất ngập nước ven vịnh; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và dâng cao mực nước biển.

Xây dựng các chương trình, đề án, dự án nghiên cứu khoa học vịnh phục vụ phát triển bền vững: Nghiên cứu, điều tra tổng hợp về TN&MT vùng vịnh, mô hình quản lý vịnh, mô hình khai thác sử dụng, xã hội học, kinh tế học vùng vịnh, cấp phép thải; thuế và phí môi trường; ký quỹ môi trường; trợ cấp môi trường; nhân sinh thái...

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng: Đưa các nội dung BVMT và bảo tồn hệ sinh thái vào trường học, các hội đoàn thể, các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới, Ngày Đa dạng sinh học...■



Giải pháp công nghệ mới cho xử lý nước thải phòng khám ở Việt Nam

TRỊNH VĂN TUYỀN - HOÀNG LƯƠNG

Viện Công nghệ Môi trường - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Khi đời sống, kinh tế - xã hội (KT-XH) phát triển khiến nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng ngày càng gia tăng. Ở Việt Nam, các phòng khám đa khoa tư nhân cũng đã góp phần vào việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân. Bên cạnh đó, các phòng khám này phát sinh một lượng nước thải y tế không nhỏ gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, hầu hết các bệnh viện lớn từ tuyến huyện đến Trung ương đều được đầu tư, trang bị những hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế của từng vùng và địa phương. Tuy nhiên, vấn đề quản lý nước thải y tế tại các phòng khám tư nhân hầu như vẫn còn bỏ ngỏ.

Chưa có một thống kê điều tra cụ thể nào về các cơ sở khám chữa bệnh của tư nhân có sử dụng hệ thống xử lý môi trường. Theo kết quả tổng điều tra 2012 cho thấy, tính đến ngày 1/7/2012 cả nước có 1.065 bệnh viện, 1.081 trung tâm y tế, 998 phòng khám đa khoa, 11.121 trạm y tế cấp xã/phường và 20.961 cơ sở khám, chữa bệnh. Trên địa bàn TP. Hà Nội có 102 phòng khám đa khoa và chuyên khoa với khoảng 808 giường bệnh. Mặc dù đại đa số phòng khám này có quy mô khám, chữa trị khá lớn với lượng nước thải ra môi trường không nhỏ nhưng hầu hết chưa có thiết bị XLNT và chủ yếu chỉ xử lý đơn giản qua bể tự hoại, khử trùng và thải ra hệ thống cống rãnh khu vực xung quanh.

Theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT - Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định "... cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT...". Tuy nhiên, vấn đề về XLNT y tế cho các phòng khám tư nhân của Hà Nội cũng như cả nước, đặc biệt là các thành phố lớn đang là một vấn đề nan giải đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Đa số các phòng khám ở nước ta hiện nay đều nằm trong khu dân cư nên diện tích rất nhỏ hẹp, địa hình lắp đặt khó khăn và hệ thống thu gom nước thải khá phức tạp.

Để giải quyết bài toán trên, Viện Công nghệ

Môi trường - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu và chế tạo thành công hệ thống thiết bị XLNT phòng khám với hình thức nhỏ gọn, tải trọng xử lý cao, tiết kiệm năng lượng, chi phí đầu tư thấp, thao tác vận hành đơn giản, phù hợp địa hình lắp đặt là hướng tiếp cận cần thiết và góp phần cho sự

ngành phát triển KT-XH của đất nước.

GIỚI THIỆU KỸ THUẬT

- Sử dụng công nghệ truyền thống Anoxic - Oxic (AO) kết hợp vật liệu Eco-bio-block cải tiến làm giá thể vi sinh.

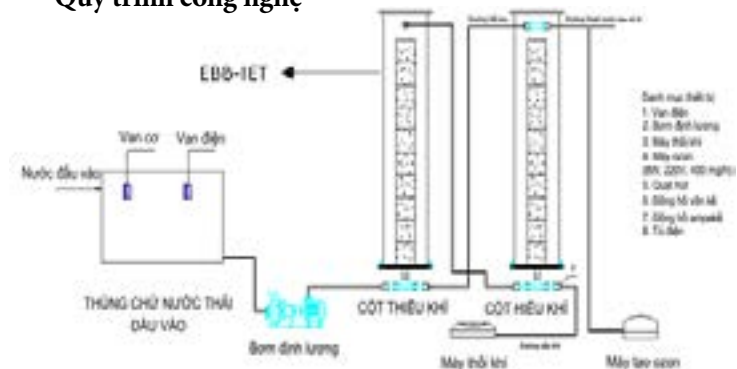
- Thông số kỹ thuật giá thể EBB - IET

	Hạng mục	Đv	TCKT
	Định dạng	Khối	Tròn, trụ
	Kích thước (Dxđxh)	mm	82 x 42 x 80
	Độ bền nén	kg/cm ³	2,3
	Diện tích bề mặt riêng	m ² /g	≥ 200
	Tỷ khối	g/cm ³	0,3
	Độ hong/thể tích	%	≥ 27,2
	Mật độ bám dính của VSV	CFU/g	10 ⁷ -10 ⁹

Thành phần đặc trưng của nước thải phòng khám

Thông số	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 28:2010/BTNMT Loại B
BOD ₅	mg/L	69-295	50
COD	mg/L	103-442	100
NO ₃ ⁻	mg/L	41-75	50
PO ₄ ⁻³	mg/L	9-20	10
TSS	mg/L	60-110	100
Coliform	MPN/100ml	5000-28000	5000

Quy trình công nghệ



Nước thải phòng khám được dẫn vào thùng chứa nước thải đầu vào, sau khi lắng sơ bộ cặn hữu cơ và TSS được bơm lưu lượng (2) bơm vào cột thiếu khí (Anoxic) - EBB-

IET (3), tại đây các chủng VSV yếm khí và thiếu khí bám trên vật liệu EBB cải tiến đã được tạo màng trước đó sẽ phân hủy một phần chất ô nhiễm có trong nước thải, với điều kiện



thiếu oxy (anoxic), quá trình khử NO_3^- thành Nitơ tự do được thực hiện. Nước thải sau quá trình thiếu khí dâng lên trong cột và tự chảy tràn sang cột hiếu khí (oxic) - EBB-IET (4) có gắn máy thổi khí (5) lưu lượng cấp khí 30 L/phút duy trì điều kiện hiếu khí. Trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO_2 và nước. Bên cạnh đó, trong cột được lắp đặt các giá thể vi sinh đặt ngập trong nước, dính bám (EBB-IET) có chức năng xử lý các hợp chất hữu cơ, Nitơ, Phospho còn lại trong nước thải. Nitơrat trong nước thải sinh ra từ quá trình oxy hóa amoni ở trong cột hiếu khí, được bơm tuần hoàn trở lại thùng chứa để loại bỏ NO_3^- . Trong ngăn khử trùng, nước thải được khử trùng bằng máy ozon (6) để khử mùi hôi và loại bỏ các vi sinh vật gây hại.

Hiệu quả XLNT phòng khám của thiết bị xử lý PK-IET

Thông số	Nước thải đầu vào thiết bị	Nước thải sau khi xử lý		Hiệu suất xử lý %
		Hệ PK-IET	QCVN 28:2010/BTNMT loại B	
pH	7,1-7,8	7,4-8,4	6,5-8,5	-
BOD_5	120	42	50	65
TSS (mg/l)	161	68	100	57
COD (mg/l)	306	43	50	75
N-NH_4^+ (mg/l)	33	7	10	78
NO_3^-	154	38	50	75
PO_4^{3-}	15	8	10	47
Coliform (MPN/100ml)	5800	1700	5000	70



▲ Thiết bị PK-IET, công suất 50L/ngày

KIẾN NGHỊ

Để giải quyết bài toán trên, kiến nghị với các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, thanh tra và giám sát của các cơ quan tổ chức có thẩm quyền về các vấn đề môi trường đối với các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

Ban hành quy định các văn bản, Thông tư hướng dẫn về vấn đề kiểm soát ô nhiễm môi trường cho các cơ sở phòng khám để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nước.

Khuyến khích các cơ sở phòng khám tư nhân ứng dụng các sản phẩm công nghệ xử lý môi trường hiện có ở trong nước để cải thiện cuộc sống cũng như môi trường nói chung■

HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THÀNH VINH:

Mô hình xã hội hóa thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hiệu quả



▲ Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX Đoàn Thị Mơ giới thiệu mô hình thử nghiệm ủ phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt

Thành lập năm 2008 theo Luật Hợp tác xã (HTX), với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển rác thải, dịch vụ vệ sinh môi trường. Trải qua 9 năm hình thành và phát triển, HTX Môi trường và Dịch vụ thương mại Thành Vinh (quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng) luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu gom rác thải, làm đẹp cảnh quan đường phố.

Là đơn vị đầu tiên của TP. Hải Phòng thực hiện chủ trương xã hội hóa thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX Đoàn Thị Mơ cho biết, thời điểm đầu đi vào hoạt động, ý thức người dân chưa cao, thói quen tùy tiện, vứt rác bừa bãi còn phổ biến, Ban Lãnh đạo HTX cùng các thành viên đã nỗ lực đến từng hộ tuyên truyền, vận động để người dân hiểu được lợi ích hoạt động của HTX. Từ đó, người dân đồng tình ủng hộ, thay đổi thói quen, có ý thức hơn trong giữ gìn vệ sinh môi trường. Do phải tự chủ về tài chính nên HTX đã vay mượn để đầu tư 3 tỷ đồng mua 2 xe ô tô chuyên dùng, 60 xe gom rác, dụng cụ thu gom và trang bị bảo hộ lao động cho 40 công nhân. Hàng ngày, HTX thu gom, vận chuyển gần 70 tấn rác thải về bãi xử lý của TP. Từ



ngày thành lập đến nay, cảnh quan đường làng, ngõ xóm trên địa bàn HTX quản lý đều sạch đẹp hơn trước, không còn tình trạng tồn đọng rác thải qua đêm tại khu dân cư.

Những nỗ lực của Ban Lãnh đạo HTX và các thành viên trong 9 năm qua đã giải quyết việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm quyền lợi cho hàng trăm lao động địa phương. Được sự tin tưởng của địa phương, HTX được giao làm chủ đầu tư thực hiện Dự án “Xây dựng mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt tại xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng”. Dự án có công suất 5 - 10 tấn/ngày, tổng vốn đầu tư 5,5 tỷ đồng, trong đó Bộ Xây dựng hỗ trợ 36% kinh phí cho công tác tuyên truyền, tập huấn, truyền thông; cung cấp thiết bị phục vụ phân loại, sản xuất áp dụng công nghệ mới. UBND TP và huyện Kiến Thụy hỗ trợ 45% kinh phí thông qua việc cấp đất cho Dự án, hỗ trợ lắp điện, nước, còn lại là vốn đối ứng của chủ đầu tư (1,5 tỷ đồng). Mục tiêu của Dự án là phân loại, thu gom, vận chuyển CTR đầu nguồn triệt để; quản lý CTR theo phương thức 3R (giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng) và xử lý tổng hợp CTR theo hai nhóm công nghệ: Một là xử lý CTR hữu cơ công nghệ compost, thực hiện theo liên doanh giữa HTX với Công ty Nishihara (Nhật Bản), theo Chương

trình hợp tác giữa TP. Hải Phòng và TP.Kitakyushu. Hai là công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, thiêu đốt đối với CTR còn lại.

Theo bà Đoàn Thị Mơ, Dự án trang bị 7.161 thùng phân loại CTR tận hộ dân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Mỗi hộ sẽ nhận 3 thùng phân loại rác, trong đó 1 thùng chứa CTR có thể tái chế, tái sử dụng (gồm vỏ hộp, chai lọ, túi - chai nhựa, giấy báo...); 1 thùng chứa CTR hữu cơ (gồm rau, củ, quả, thức ăn thừa...) và 1 thùng chứa CTR vô cơ (thủy tinh, kim loại...). CTR hữu cơ sẽ được thu gom hàng ngày, trong khi các chất thải còn lại sẽ thu gom 2 - 3 lần/tuần. Rác được thu gom về điểm trung chuyển bằng xe thu gom. HTX thỏa thuận giá thu mua CTR có thể tái chế, tái sử dụng, đồng thời thu gom, vận chuyển CTR được phân loại đến khu xử lý tổng hợp.

Tại đây, rác hữu cơ được ủ vi sinh 1 tháng, xử lý thành phân compost, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, không phát sinh nước thải. Số còn lại được chôn lấp hoặc thiêu đốt hợp vệ sinh theo quy chuẩn.

Đánh giá hiệu quả Dự án, ông Nguyễn Quốc Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng cho biết, đây là một trong những địa phương nông thôn đầu tiên ở Hải Phòng triển khai phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý tổng hợp CTR đầu nguồn triệt để (3R) theo phương thức xã hội hóa nhằm bảo đảm phát triển môi trường bền vững. Người dân xã Tú Sơn được các chuyên gia của Bộ Xây dựng và Nhật Bản giới thiệu về tình hình rác thải, những khó khăn, bất cập trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt ở xã nói riêng và các vùng nông thôn cả nước nói chung; những tác động của ô nhiễm môi trường do rác thải đến sức khỏe và đời sống người dân. Đồng thời, họ được hiểu thêm những chủ trương, chính sách của Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích việc xử lý rác thải nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới; tính ưu việt, hiệu quả của việc phân loại, thu gom, vận chuyển CTR đầu nguồn triệt để, quản lý CTR theo phương thức 3R (giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng)... Tuy nhiên, để Dự án đạt hiệu quả cao, cần duy trì công tác tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân có ý thức trong phân loại rác đầu nguồn; hiệu quả của Dự án đối với đời sống hàng ngày của gia đình, để từ đó tự nguyện thực hiện như một quy định trong hương ước làng, xã, cùng chung tay BVMT■

PHẠM HỒNG DƯƠNG



▲ Bãi rác ở xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, tỉnh Hải Phòng trước khi thực hiện Dự án



Nhà nước cần có chính sách ưu tiên, khuyến khích các nhà đầu tư trong lĩnh vực xử lý nước thải

Với chủ đề “Nước thải”, Ngày Nước thế giới 2017 hướng đến tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức của cả xã hội về giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, tái sử dụng nước, bảo vệ tài nguyên nước một cách tiết kiệm và hiệu quả. Là đơn vị có kinh nghiệm thực hiện khoảng 20 Dự án xử lý nước thải (XLNT) trong cả nước theo các hình thức PPP, Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền (Công ty Phú Điền) là doanh nghiệp hàng đầu triển khai thực hiện, quản lý vận hành các công trình XLNT tại Việt Nam. Nhiều công trình do Công ty thực hiện đang là hình mẫu cho nhiều địa phương, các đoàn khách quốc tế đến tìm hiểu, học tập kinh nghiệm.

Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với TS. Nguyễn Phương Quý - Giám đốc công nghệ Công ty Phú Điền để hiểu rõ hơn về kinh nghiệm triển khai trong lĩnh vực XLNT - một lĩnh vực đầu tư cấp thiết hiện nay khi những nguy cơ ô nhiễm môi trường đang đe dọa đến cuộc sống của người dân.

★Nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường thì nhu cầu đầu tư, xây dựng Nhà máy XLNT đang trở nên cấp thiết tại các Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp (KCN/CCN) hiện nay. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, dù chính quyền đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư, song việc triển khai, thực hiện các Dự án xây dựng khu XLNT, vẫn là bài toán khó. Vậy theo ông, đâu là nguyên nhân của tình trạng trên?

TS. Nguyễn Phương Quý: Trong thời gian qua, nhiều địa phương, các ngành chức năng đã rất quyết liệt trong công tác BVMT, tuy nhiên, trên thực tế, một số mục tiêu chưa đạt được yêu cầu. Theo số liệu đến tháng 9/2015 của Vụ Quản lý các khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong số 299 KCN đã được thành



▲ TS. Nguyễn Phương Quý - Giám đốc công nghệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền

lập, chỉ có 179 KCN đã có hệ thống XLNT tập trung hoàn chỉnh và đi vào vận hành, chiếm hơn 60% tổng số KCN đã được thành lập, hơn 84% tổng số KCN đang hoạt động - đó là những con số hết sức lo ngại, thể hiện việc đầu tư xây dựng các Nhà máy XLNT đúng là bài toán khó. Theo tôi, có một số nguyên nhân:

Bên cạnh nhiều cơ sở sản xuất có ý thức rất tốt, chủ động đưa ra các tiêu chí sản xuất xanh, đầu tư các công trình xử lý môi trường, trong đó có XLNT thì vẫn còn không ít cơ sở sản xuất chưa quan tâm đến công tác BVMT, vẫn còn tình trạng xả nước thải không qua xử lý gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư.

Nhiều cơ sở sản xuất thiếu các thông tin cập nhật về công nghệ XLNT. Do thiếu thông tin nên trên thực tế các cơ sở công nghiệp đang phải đầu tư các Nhà máy XLNT với diện

tích đất lớn, chi phí đầu tư và vận hành cao. Chính vì lý do này đã đẩy giá thành sản xuất lên cao, nên doanh nghiệp tìm cách hạn chế đầu tư các công trình XLNT.

Một số KCN/CCN nhỏ lẻ khó khăn trong việc đầu tư, vì công suất nước thải nhỏ nhưng chi phí đầu tư lớn. Một số KCN/CCN hình thành trước khi Quy chế quản lý CCN và có hiệu lực thi hành từ ngày 5/10/2009 theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên không bố trí các quỹ đất để xây dựng các công trình xử lý, thiếu nguồn vốn đầu tư nên chưa có điều kiện đầu tư các công trình XLNT.

★**Những năm qua, Phú Điền là một trong số ít các nhà đầu tư đã và đang triển khai trên toàn quốc theo hình thức PPP trong lĩnh vực XLNT, vậy Công ty gặp những thuận lợi và khó khăn gì, thưa ông?**



TS. Nguyễn Phương Quý: Khó khăn lớn nhất đối với các Dự án XLNT, đó là khả năng sinh lợi không cao, nên thường khó hấp dẫn đầu tư. Chính vì vậy, đây là lĩnh vực cần được Nhà nước khuyến khích, đặc biệt là theo hình thức PPP. Tuy nhiên, các thủ tục đầu tư còn phức tạp, nhiều quy định chưa rõ ràng. Thông thường, để một Dự án có thể triển khai thi công, thời gian xin thủ tục kéo dài hàng năm, do đó vừa mất thời gian, cơ hội và chi phí của doanh nghiệp.

Về mặt thuận lợi, Phú Điện có lợi thế nhất định, đó là nắm vững công nghệ. Với việc đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ đã làm cho giá thành đầu tư, vận hành rẻ, chất lượng tốt nên tiến độ thi công sẽ rút ngắn hơn. Vì có sự đầu tư đổi mới công nghệ nên lần đầu tiên, Phú Điện có thể đầu tư áp dụng năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời giúp tiết kiệm năng lượng cho XLNT. Với các thuận lợi đó, trong những năm qua, Phú Điện luôn là nhà đầu tư tiên phong, đã và đang đầu tư hàng chục dự án trong lĩnh vực.

***Xin ông cho biết, đóng góp của Nhà máy XLNT Từ Sơn, Bắc Ninh sau gần 2 năm triển khai hoạt động tại địa phương?**

TS. Nguyễn Phương Quý: Phú Điện là nhà đầu tư Dự án hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh. Trong

Dự án này, chúng tôi đã áp dụng công nghệ SBR cải tiến, đây là công nghệ tiên tiến nhất hiện nay, được Công ty nghiên cứu áp dụng vào Việt Nam, có diện tích nhỏ gọn, chi phí đầu tư và vận hành thấp. Hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT Từ Sơn đi vào vận hành từ tháng 9/2015 đã và đang phát huy hiệu quả cải thiện môi trường nước của thị xã, đưa Từ Sơn là một trong số ít đô thị trong cả nước xử lý được hơn 50% lượng nước thải.

***Nhằm thúc đẩy xã hội hóa trong công tác BVMT nói chung, XLNT KCN/CCN, làng nghề nói riêng, ông có đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan chức năng nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này?**

TS. Nguyễn Phương Quý: Với đặc thù của các dự án XLNT không sinh lợi, trong khi đó, các cơ sở sản xuất tại các KCN, làng nghề

chưa thật sự có động lực để đầu tư hay chi trả cho công tác BVMT nói chung, XLNT nói riêng nên khó hấp dẫn các nhà đầu tư. Để thúc đẩy hoạt động này, Nhà nước cần hỗ trợ các cơ chế chính sách, ưu tiên khuyến khích các nhà đầu tư không chỉ kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa mà cả các hình thức PPP; rút gọn quy trình thủ tục đầu tư; hỗ trợ các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các CCN hay làng nghề thông qua các hình thức như trợ giá XLNT. Tuy nhiên, một trong những hình thức thúc đẩy hiệu quả nhất, đó là công tác tuyên truyền về ý thức tự giác và ý thức tuân thủ pháp luật BVMT. Vừa có sự hỗ trợ của Nhà nước, vừa có sự tham gia nhiệt tình của các cơ sở sản xuất chắc chắn sẽ là nguồn động lực lớn để thúc đẩy xã hội hóa công tác đầu tư.

***Xin cảm ơn TS.**

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)



▲ Nhà máy XLNT Yên Sở do Công ty Phú Điện vận hành hiệu quả, là hình mẫu cho nhiều địa phương tham quan, học tập kinh nghiệm



Bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng ai

Là Nhà máy xử lý nước thải đầu tiên trong khu công nghiệp (KCN) được xây dựng bằng nguồn xã hội hóa tại Ninh Bình, Nhà máy Xử lý nước thải Thành Nam đã góp phần xử lý môi trường tại địa phương. Tuy nhiên, từ khi vận hành (năm 2010) đến nay, Nhà máy mới chỉ xử lý khoảng 1/3 công suất do vẫn còn nhiều doanh nghiệp (DN) không đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.



▲ Nhà máy XLNT Thành Nam

Nhà máy xử lý nước thải (XLNT) Thành Nam tại KCN Khánh Phú do Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Nam (Công ty Thành Nam) làm chủ đầu tư được khởi công vào cuối năm 2008 và đến năm 2010 thì hoàn thành xây dựng giai đoạn I, với công suất thiết kế là 15.000 m³/ngày, đêm. Nhà máy có vốn đầu tư là 112 tỷ đồng, xây dựng trên diện tích 43.995m², với mục đích XLNT cho các DN trong KCN từ loại B đảm bảo đạt loại A rồi thải ra môi trường.

Nhà máy có công nghệ và thiết bị tiên tiến, hiện đại; thiết kế tự động, vận hành dễ dàng, linh hoạt, không tốn nhân lực, hiệu quả cao. Những năm qua, Nhà máy luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về BVMT và tài nguyên nước. Cụ thể, Nhà máy đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động online nước thải và kết nối trực tiếp với Sở TN&MT, đồng thời báo cáo định kỳ cho Sở. Nước thải từ các nhà máy trong KCN được tách riêng với nước mưa theo hệ thống chảy vào bể thu gom, sau đó được xử lý sơ bộ và đưa vào hệ thống các hồ sinh học gồm: hồ hiếu khí, hồ lắng, hồ khử nitơ, photpho... Nước thải sau xử lý được xả ra sông Vạc, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn cột A, QCVN 08:2008/BTNMT.

Với hệ thống XLNT tập trung hiện đại và đồng bộ nhưng hiện nay mới chỉ có 7 DN trên tổng số 16 DN đang hoạt động tại KCN thực hiện đấu nối vào hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy Thành Nam, bình quân lượng nước thải được thu gom xử lý mới đạt khoảng 4.000

- 4.400 m³/ngày, đêm, tương đương 1/3 công suất của Nhà máy. Trao đổi với phóng viên, ông Nguyễn Thanh Long - Phó Giám đốc Công ty Thành Nam cho biết: "Với mong muốn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thu hút được nhiều DN đến đầu tư, hoạt động tại KCN Khánh Phú, Công ty đã quyết định xây dựng Nhà máy XLNT Thành Nam. Tuy nhiên, kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, hệ thống XLNT tập trung chưa bao giờ hoạt động hết công suất. Tình trạng đó đã đẩy DN đến hoàn cảnh khó khăn, đầu tư lớn, nhưng hiệu quả kinh tế thấp, có thời kỳ Nhà máy đã kiến nghị xin dừng hoạt động. Một số DN trong KCN còn bất hợp tác, tức là họ đã lắp đặt điểm đầu, đồng hồ đo lưu lượng nước thải nhưng thực tế Nhà máy không thu gom, xử lý được 1m³ nước thải nào từ DN này. Khi được hỏi, DN này cho biết, khi nào có sự cố thì mới xả vào hệ thống XLNT tập trung của KCN. Vì thế, trước

đây, tại một vài thời điểm, đã xảy ra tình trạng ô nhiễm cục bộ ở một số nơi, làm cá chết, gây bức xúc trong nhân dân".

Khi được hỏi về vấn đề này, Phó Giám đốc Sở TN&MT Ninh Bình Phạm Văn Khoa đã trao đổi: Trước khi Nhà máy XLNT Thành Nam hoạt động thì nhiều DN trong KCN đã tự đầu tư hệ thống XLNT nên họ không đấu nối với hệ thống XLNT của Nhà máy. Mặt khác, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới những năm qua có nhiều khó khăn nên các DN chưa quan tâm đầu tư cho công tác BVMT. Để giải quyết vấn đề môi trường tại KCN Khánh Phú, UBND tỉnh Ninh Bình đã tổ chức nhiều buổi làm việc, tìm giải pháp nhằm duy trì, đảm bảo cho hoạt động của Nhà máy. UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý các KCN của tỉnh làm việc với nhà thầu đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng trong KCN, nhất là hệ thống dẫn nước thải từ các DN về Nhà máy. Đồng thời,



yêu cầu các DN trong KCN không được xả thải trực tiếp ra môi trường mà phải qua Nhà máy XLNT Thành Nam.

Ngoài ra, trước khi Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT về quy định BVMT KCN, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, UBND tỉnh đã giao cho Ban Quản lý các KCN thực hiện quản lý môi trường đối với các KCN trên địa bàn tỉnh và Sở TN&MT chỉ được giao nhiệm vụ phối hợp với Ban Quản lý trong quá trình xem xét, thẩm tra, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án đầu tư vào các KCN và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN theo thẩm quyền. Vì thế, việc phối hợp trong công tác quản lý môi trường giữa các cấp, các ngành chưa kịp thời dẫn đến việc thực hiện các biện pháp BVMT của các cơ sở sản xuất chưa đạt yêu cầu.

Để giải quyết vấn đề môi trường tại KCN Khánh Phú, tạo điều kiện cho Nhà máy XLNT Thành Nam hoạt động ổn định, hiệu quả, trong thời gian tới, các Sở, ban ngành, Ban Quản lý các KCN và chính quyền địa phương cần phối hợp chặt chẽ để tiếp tục tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, nâng cao trách nhiệm, ý thức BVMT cho các đơn vị sản xuất trong KCN, trong đó chú trọng đến các đơn vị có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường. Cùng với đó, các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, thanh tra để phát hiện, chấn chỉnh, xử phạt nghiêm minh đối với những đơn vị gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo không ảnh hưởng tới sức khỏe và đời sống của người dân. Đồng thời, tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN. Thiết nghĩ, vấn đề BVMT không phải là trách nhiệm của riêng ai, vì thế, mỗi DN cần nêu cao ý thức, trách nhiệm chung tay BVMT vì sự phát triển bền vững đất nước, đừng để sự nỗ lực đầu tư của một DN trở thành “uống phí”!

GIÁNG HƯƠNG

Lào Cai: Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và môi trường

PHẠM TRUNG KIÊN

Phó Giám đốc, Sở TN&MT Lào Cai

Những năm qua, Lào Cai tích cực đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, du lịch... Tuy nhiên, cùng với sự phát triển đó đã tạo ra những áp lực lớn trong công tác quản lý tài nguyên và BVMT. Bên cạnh đó, tình trạng biến đổi khí hậu (BĐKH), thời tiết cực đoan như lũ quét, sạt lở đất, băng giá, sương muối, rét đậm rét hại và hạn hán kéo dài có xu hướng gia tăng cả về tần số và cường độ gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và đời sống nhân dân.

Trước tình trạng trên, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tăng cường công tác quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH. Qua đó, hệ thống chính sách, pháp luật về TN&MT ngày càng được hoàn thiện, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội; Công tác BVMT đạt nhiều kết quả tích cực. Năm

2016, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý khoảng 80%; Tỷ lệ che phủ rừng tăng lên khoảng 53,8%; dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng lên 85,7%; hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh tăng lên 61%; tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh đạt 66,1%. Đối với hoạt động xử lý chất thải y tế nguy hại, nếu năm 2012, chỉ có Bệnh viện Đa khoa số 1 (nay là bệnh viện Sản Nhi) được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải nguy hại, đến nay, cơ bản các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện được đầu tư hệ thống xử lý rác thải y tế nguy hại, đưa tổng lượng chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý triệt để tăng từ 35% lên trên 80% đối với thải rắn, từ 40% lên 75% đối với nước thải.

Về cơ sở hạ tầng về BVMT tại các khu, cụm công nghiệp và các đô thị loại IV trở lên trên địa bàn tỉnh đang dần được đồng bộ. Hiện nay, KCN Đông



▲ KCN Tang Loong, tỉnh Lào Cai



▲ Đoàn viên, thanh niên khối các cơ quan tỉnh Lào Cai tham gia Lễ ra quân hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6/2016

Phố Mới được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 500 m³/ngày, đêm; KCN Tăng Loỏng đã đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1 với công suất 3.000 m³/ngày, đêm (hiện đang vận hành chạy thử, dự kiến hết Quý I/2017 đi vào hoạt động chính thức); UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hệ thống xử lý nước thải KCN Tăng Loỏng (giai đoạn 2) với công suất 4.950 m³/ngày, đêm, dự kiến khởi công trong năm 2017... Trên cơ sở đó, chất lượng môi trường toàn tỉnh dần được kiểm soát; môi trường nông thôn có nhiều khởi sắc, bước đầu một số xã đã hoàn thành tiêu chí môi trường trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; chất thải tại các đô thị được quan tâm thu gom, xử lý đồng bộ; trong sản xuất công nghiệp doanh nghiệp chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng sản xuất sạch, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên liệu, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn thải; năng lực ứng phó với BĐKH được tăng cường...

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai ngày càng được quản lý chặt chẽ, cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh; qua đó góp phần tạo việc làm cho trên 10.000 lao động; nguồn thu ngân sách từ hoạt động khai thác và tuyển khoáng sản đạt bình quân 1.000 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 20% tổng thu ngân sách nội địa của tỉnh. Đến nay, tình trạng khai thác trái phép cơ bản đã được xử lý. Đây là sự chủ động của địa phương và phối hợp liên ngành trong việc quản lý từ

khai thác đến vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu khoáng sản đạt hiệu quả; không còn tình trạng khai thác và xuất khẩu quặng sắt trái phép; Hoạt động vận chuyển và tiêu thụ khoáng sản (đặc biệt là vận chuyển quặng tại mỏ sắt Quý Xa) đã giảm tác động xấu đến môi trường, hạ tầng giao thông; tình trạng vận chuyển khoáng sản vượt tải trọng cơ bản đã được kiểm tra ngăn chặn.

Bên cạnh những kết quả trên, hiện công tác quản lý TN&MT vẫn còn những tồn tại một số hạn chế: Quản lý đất đai ở một số địa phương còn chưa chặt chẽ; Khiếu kiện về đất đai vẫn còn là vấn đề phức tạp; Giải quyết khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định tại một số địa phương thực hiện có nơi chưa đúng quy định, dẫn đến khiếu kiện của nhân dân. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng xử lý chất thải tại các đô thị, KCN và các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu trong quá trình phát triển; Chất thải rắn sinh hoạt khu đô thị chưa được phân loại

triệt để tại nguồn; công tác ứng phó với BĐKH, bảo vệ đa dạng sinh học chưa được triển khai đồng bộ. Một số nơi, chính quyền cấp xã chưa thực sự chủ động trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, chưa chủ động kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý dứt điểm và báo cáo kịp thời về hoạt động thác khoáng sản trái phép tại địa phương, vẫn xảy ra tình trạng khai thác trái phép...

Trong những năm tới, để chủ động ứng phó với BĐKH, bảo vệ TN&MT, tỉnh đã đề ra một số giải pháp:

Thứ nhất, thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý tài nguyên; có kế hoạch khai thác hợp lý để sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản không tái tạo...

Thứ hai, chủ động, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, phát triển đô thị và các vùng dân cư tập trung.

Thứ ba, tăng cường phát triển và bảo vệ rừng đầu nguồn; BVMT nguồn nước; tổ chức điều tra chất lượng, trữ lượng các nguồn nước, nhất là nguồn nước ngầm để quy hoạch, bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, làm tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, quan trắc và phân tích môi trường; thực hiện khoanh vùng thiên tai nguy hiểm và chủ động di dời dân ra khỏi các vùng nguy hiểm, ổn định tái định cư. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH...■



Hướng phát triển du lịch sinh thái bền vững tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn

TS. PHẠM HỒNG LONG

Khoa Du lịch học, Đại học KHXH&NV Hà Nội

Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn về phát triển du lịch sinh thái (DLST) vì sự đa dạng sinh học (ĐDSH) với nhiều loài đặc hữu hoang dã, các hệ sinh thái (HST) đặc sắc khác nhau, trong đó, các Vườn quốc gia (VQG) và Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) đã thực sự trở thành “kho báu” lưu giữ và bảo vệ ĐDSH, phòng hộ, BVMT, phát triển DLST. Hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam hiện nay có 164 khu, trong đó 30 VQG và 69 khu BTTN với tiềm năng rất lớn cho phát triển DLST. Tuy nhiên, hoạt động du lịch ở một số VQG và khu BTTN đang có những tác động tiêu cực lên tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa.



▲ Với cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, VQG Ba Vì là điểm du lịch hấp dẫn giới trẻ trải nghiệm

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DLST Ở CÁC VQG, KHU BTTN

Hiện có 3 hình thức tổ chức kinh doanh DLST phổ biến tại các VQG, Khu BTTN như: Tự tổ chức kinh doanh dịch vụ DLST; Cho các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch; Liên kết với các tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển du lịch.

Các loại hình và chương trình du lịch mới chỉ tập trung chủ yếu vào một số VQG có điều kiện tiếp cận về cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật du lịch tốt. Nhiều VQG, khu BTTN có điều kiện, khả năng tổ chức các loại hình và chương trình du lịch đặc sắc, phong phú nhưng do nằm xa và điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông tiếp cận điểm đến còn nhiều khó khăn nên không thu hút được khách du lịch.

Theo kết quả nghiên cứu của Hiệp hội VQG và khu BTTN năm 2010, có đến 80% du khách nội địa đến các VQG, khách du lịch quốc tế có xu hướng tăng dần qua các năm. Khách du lịch đến các VQG chủ yếu với mục đích nghỉ ngơi, thư giãn, tham quan thưởng thức phong cảnh tự nhiên và nghiên cứu học tập, do vậy đối tượng khách chủ yếu là những người thích khám phá thiên nhiên, những hộ gia đình, học sinh, sinh viên và các nhà nghiên cứu khoa học. Số lượng khách

nội địa từ các doanh nghiệp, nhà máy đến tham quan các VQG, Khu BTTN còn ít.

Các VQG, Khu BTTN có tiềm năng phát triển DLST rất lớn nhưng cho đến nay việc phát triển DLST còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng mà thiên nhiên ban tặng. DLST phát triển chủ yếu tập trung ở một số VQG có điều kiện tiếp cận giao thông thuận lợi, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối tốt như: VQG Cát Bà, Tam Đảo, Cúc Phương, Ba Vì, Phong Nha - Kẻ Bàng, Cát Tiên... Nhưng ngay ở các VQG có hoạt động du lịch phát triển khá tốt này, loại hình DLST vẫn còn nhiều tồn tại, chưa tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc, quy chuẩn, tiêu chuẩn của DLST, chưa chú trọng các hoạt động giáo dục, BVMT; chưa tuân thủ chặt chẽ các tiêu chí, tiêu chuẩn BVMT bền vững; chưa thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương làm du lịch, phát triển bền vững về sinh thái, môi trường...

Ngoài các VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và Ba Vì, các nguồn thu từ hoạt động DLST của các VQG và khu BTTN còn lại hết sức hạn chế, chưa



▲ VQG Phong Nha - Kẻ Bàng triển khai nhiều hoạt động giải trí hấp dẫn nhằm thu hút khách du lịch quốc tế

đủ bù đắp chi phí và tái đầu tư cho công tác bảo tồn.

Tại một số VQG, do sự phát triển nhanh của hoạt động du lịch dẫn đến những tác động tiêu cực lên tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa, như: vấn đề rác thải; sự tác động lên cảnh quan; có tình trạng săn bắt chim, thú, bẻ cây, khắc sẹo lên thân cây, vách đá, xâm hại các nhũ đá trong hang động; sự quá tải về lượng du khách đối với một số điểm đến...

Nguyên nhân chính là do trình độ nhận thức về BVMT của người dân địa phương và đa số khách tham quan còn hạn chế. Phần lớn các VQG, các khu BTTN chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển DLST nên không có định hướng đầu tư, không có kế hoạch, dự án phát triển DLST. Số ít các VQG, khu BTTN đã có quy hoạch phát triển DLST (Côn Đảo, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bidoup - Núi Bà, Yok Đôn, Cúc Phương, Cát Tiên, Ba Vì...) nhưng thiếu nguồn lực, tài chính triển khai. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật dịch vụ du lịch, các dịch vụ hỗ trợ du lịch như cung cấp thông tin, y tế, bảo hiểm, vận tải hành khách, ăn uống, vui chơi, giải trí... đảm bảo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu của khách DLST còn rất hạn chế và chưa đồng bộ. Công tác phối, kết hợp giữa các cơ quan quản lý, các cấp, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong hoạch định, xây dựng chính sách phát triển, quản lý du lịch và DLST còn bất cập. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách phát triển du lịch và DLST chưa thống nhất, đồng bộ, dẫn đến tình trạng phát triển tự phát, chống chèo, nảy sinh những mâu thuẫn giữa phát triển và bảo tồn, giữa kinh tế và môi trường, ảnh hưởng tiêu

cực đến môi trường tự nhiên, văn hóa - xã hội.

ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN DLST BỀN VỮNG TẠI CÁC VQG, KHU BTTN

Để phát triển DLST bền vững ở các VQG, Khu BTTN, Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh/thành phố, Sở NN&PTNT, các VQG và Khu BTTN cần chú ý một số vấn đề trọng tâm như: Xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển DLST bền vững ở các VQG và khu BTTN, làm cơ sở định hướng phát triển trên phạm vi toàn quốc và ở từng địa phương, VQG, Khu BTTN.

Đẩy mạnh quy hoạch phát triển DLST theo các vùng lãnh thổ, đến từng khu rừng đặc dụng, VQG, Khu BTTN là yêu cầu cấp bách nhằm đảm bảo phát triển DLST đi đôi với BVMT, bảo tồn ĐDSH, các giá trị văn hóa, xã hội, nhân văn của các vùng lãnh thổ, các cộng đồng dân cư. Hiện nay mới chỉ có một vài VQG,

Khu BTTN có quy hoạch DLST như Phong Nha - Kẻ Bàng, Bến En..., các VQG thuộc Trung ương thì đang có đề án chờ phê duyệt.

Cần sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản luật (Luật Bảo vệ phát triển rừng, Luật ĐDSH), các văn bản dưới Luật có liên quan tới phát triển du lịch, DLST cũng như xây dựng các chính sách tạo hành lang pháp lý và cơ chế rõ ràng, thuận lợi nhất cho các bên tham gia trong phát triển DLST.

Đào tạo nâng cao chất lượng và có cơ chế tạo điều kiện làm việc cho nhân lực làm DLST để chuyên nghiệp hóa hoạt động, góp phần tuyên truyền nâng cao ý thức về môi trường, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, HST các VQG, các khu BTTN. DLST là một phương thức đặc biệt của du lịch và nó chỉ thành công khi có đội ngũ có chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng tốt.

Ngoài ra, cần có chính sách và quy định đối với các tổ chức kinh doanh du lịch để đảm bảo có sự chia sẻ lợi nhuận bằng vật chất cho cộng đồng địa phương, bảo tồn thiên nhiên và BVMT nơi các tổ chức này khai thác phát triển du lịch. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật như nhà nghỉ, nhà ăn, trạm dừng chân, chòi quan sát, đường mòn... sao cho thích hợp với nhiệm vụ bảo tồn, không để công tác xây dựng cơ sở vật chất trở thành nguyên nhân của sự tàn phá môi trường■



● Cần Thơ: Ứng dụng các giải pháp công nghệ xanh

Vừa qua, UBND TP. Cần Thơ phối hợp với Chương trình định cư con người Liên hợp quốc (UN - Habitat) tổ chức Hội thảo Ứng dụng công nghệ giảm phát thải trong phát triển kinh tế đô thị và tăng cường khả năng thích ứng.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm về chính sách, ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển TP bền vững. Đồng thời, giới thiệu một số giải pháp công nghệ, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải như lắp đặt hệ thống chắn ngập cho những nơi đông dân cư, xây dựng hệ thống bể ngầm thu nước mưa, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai, lọc nước sạch từ biển và các công nghệ xử lý nước, biến rác thải thành năng lượng... Để giải quyết các thách thức đô thị, thời gian tới, TP. Cần Thơ sẽ tập trung vào các giải pháp xanh nhằm nâng cao chất lượng môi trường đô thị, đảm bảo phát triển bền vững: Phát triển đô thị gắn với hệ thống giao thông công cộng; tăng cường sử dụng năng lượng sạch và tái chế năng lượng; phát triển nông nghiệp công nghệ cao; quản lý rủi ro thiên tai tốt hơn bằng cách phát triển không gian xanh; nhân rộng các mô hình du lịch sinh thái; chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu; thay đổi lối sống cư dân đô thị theo hướng chuyển dần sang lối sống xanh.

ĐỨC SINH

● Huế, Đà Nẵng, Hội An và Đông Hà tham gia Chương trình Thành phố Xanh toàn cầu 2017

Bốn TP là Huế, Đà Nẵng, Hội An và Đông Hà đã công bố tham gia Chương trình TP Xanh toàn cầu do Quỹ Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên (WWF) khởi xướng nhằm khuyến khích các TP trên thế giới chuyển đổi theo mô hình phát triển đô thị bền vững.

Định kỳ 2 năm 1 lần, WWF sẽ tổ chức đánh giá và trao giải cho các TP vì những nỗ lực trong các chính sách, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng, giao thông vận tải. Cam kết và kế hoạch của các TP sẽ được đánh giá bởi Hội đồng chuyên gia quốc tế độc lập trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ quy hoạch đô thị và giao thông cho tới hành vi tiêu dùng và hệ thống năng lượng.

Kể từ khi ra đời, Chương trình TP Xanh đã thu hút sự tham gia của hơn 320 TP trên thế giới. Các TP đạt giải sẽ được đánh giá dựa trên những tiêu chí sau: Mục tiêu và khả năng thực hiện các cam kết để tạo ra biến chuyển lớn về giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu; Khả năng tích hợp các hoạt động vào kế hoạch hành động toàn diện về khí hậu của TP; Xác định rõ ràng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính dựa trên cơ sở tính toán khoa học; Có phương pháp tiếp cận sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề giao thông đô thị...

Năm 2017 là năm thứ 5 WWF thực hiện Chương trình TP Xanh toàn cầu với 25 nước đăng ký tham gia.

NHẬT MINH

● Ford tăng cường hợp tác với các nhà cung ứng về môi trường

Với mục tiêu sản xuất ngày một xanh sạch hơn, Tập đoàn Ford đang nỗ lực giảm thiểu các tác động tới môi trường thông qua việc chia sẻ các kinh nghiệm phát triển bền vững tới các nhà cung ứng trên toàn cầu. Để tăng cường hợp tác với các nhà cung ứng về môi trường, Tập đoàn Ford đã đưa ra Chương trình PACE với hơn 350 giải pháp trong cả 4 lĩnh vực: năng lượng, nước, khí thải và chất thải. Trong đó, có những giải pháp hàng đầu như tối ưu hóa hoạt động của tháp làm mát, giảm sử dụng khí nén trong hoạt động sản xuất, loại bỏ các hệ thống làm mát đơn lẻ, thay bóng đèn sợi đốt bằng đèn LED...

Với những giải pháp đó, Tập đoàn Ford đã giúp các nhà cung ứng giảm lượng chất thải và khí CO₂ ra môi

trường, thúc đẩy việc tiêu thụ nước và năng lượng hiệu quả. Đồng thời, Ford cũng khuyến khích các nhà cung ứng chia sẻ những sáng kiến của họ về BVMT và tiết kiệm năng lượng với các chuỗi cung ứng bên dưới để cùng chung tay BVMT toàn cầu.

QUỲNH ANH

● Thực hiện vận tải xanh nhằm giảm phát thải khí nhà kính

Vừa qua, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) đã tổ chức Hội thảo cuối ký Dự án Vận tải xanh với sự tài trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Chương trình Vận tải xanh (GFP) là một phần của Chương trình Môi trường trọng điểm và sáng kiến hành lang bảo tồn đa dạng sinh học do ADB hỗ trợ, nhằm thúc đẩy công tác BVMT tại các nước thuộc tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS).

Dự án Vận tải xanh được triển khai thí điểm trong khu vực GMS gồm 3 nước Việt Nam, Lào và Thái Lan từ tháng 1/2015 - 8/2016, với mục tiêu làm giảm dấu chân các-bon trong vận tải hàng hóa trên hành lang kinh tế GMS.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã đánh giá các kết quả của Dự án Vận tải xanh, những đóng góp trong quá trình giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu của Việt Nam; đồng thời, chia sẻ các kinh nghiệm về phát triển vận tải xanh, cũng như kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, Dự án đã tạo động lực khuyến khích thúc đẩy các doanh nghiệp vận tải ứng dụng một số công nghệ xanh, nâng cao kỹ năng lái xe sinh thái đối với các phương tiện vận tải hàng hóa, thực hiện vận tải xanh, giảm phát thải CO₂, BVMT và tiết kiệm nhiên liệu giảm chi phí vận hành, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vận tải đường bộ Việt Nam với các doanh nghiệp trong khu vực ASEAN, cũng như GMS.

AN VI



Tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn Pá Khoang - Điện Biên



▲ Cây Tô hạp ở KBT loài, sinh cảnh Pá Khoang - Mường Phăng

Khu di tích lịch sử Mường Phăng nằm trong khu rừng nguyên sinh, bên cạnh hồ Pá Khoang, thuộc địa bàn các xã Nà Nhạn, Pá Khoang, Mường Phăng, Điện Biên là địa điểm lưu giữ những chứng tích lịch sử vẻ vang, oai hùng của dân tộc Việt Nam. Nơi đây, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sống và làm việc trong suốt thời tham gia kháng chiến. Rừng cây cổ thụ nằm trong diện tích Khu di tích được người dân địa phương gọi là “rừng Đại tướng”. Nhằm bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH) và tổ chức khai thác hiệu quả giá trị tài nguyên rừng, năm 2013, HĐND tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 303/NQ-HĐND về việc thông qua Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Điện Biên đến năm 2020, hướng đến năm 2030. Trong đó, nâng cấp Khu di tích lịch sử Mường Phăng thành Khu bảo tồn (KBT) loài, sinh cảnh cấp quốc gia Pá Khoang - Mường Phăng.

NHỮNG NGUY CƠ SUY GIẢM ĐDSH

KBT loài, sinh cảnh cấp quốc gia Pá Khoang - Mường Phăng với diện tích 10.048,81 ha, có địa hình núi đất với độ cao trung bình trên 1.000 m so với mặt nước biển. Khu vực phía

đông KBT có đỉnh núi trọc cao 1.658 m, là đỉnh cao nhất của di tích nằm trên đường ranh giới với huyện Điện Biên Đông. Phía tây KBT có độ cao thấp hơn 1.000 m so với mặt nước biển, đây là hồ nước Pá Khoang rộng khoảng 700 ha, dung tích 37,2 triệu m³ nước. Mùa nước đầy, nước ăn sâu vào các khe nhỏ chân núi hình thành nên nhiều bán đảo nhỏ, tạo nên cảnh đẹp hấp dẫn cho du lịch sinh thái, lượng nước hồ chủ yếu từ cánh rừng nguyên sinh bao quanh hồ cung cấp. Trong các thảm rừng quanh hồ có nhiều loại hoa phong lan đủ chủng loại. Hồ có nhiều loài cá và động, thực vật nổi (đã thống kê được khoảng 65 loài thực vật nổi, 14 loài động vật nổi, 6 loài động vật đáy...).

Bao bọc xung quanh hồ là các ngọn núi, với khu rừng

nguyên sinh rất phong phú các loài động, thực vật. Thống kê cho thấy, khu rừng nguyên sinh trong KBT có trên 700 loài thực vật thuộc 4 ngành thực vật bậc cao, với nhiều loài cây quý nổi tiếng như giổi, dẻ, tô hạp, chò xanh, phay sừng, re, xoan, táu xanh, lát hoa, giổi xanh, vàng tâm, thạch hộc gấm... Đặc biệt, KBT có loài cây tô hạp phát triển trên diện rộng, đây là loài cây thường xanh chỉ có ở vùng rừng Tây Bắc. Với đặc điểm sinh trưởng nhanh, tái sinh mạnh, gỗ cây tô hạp màu nâu đỏ, lõi lớn, không mối mọt, có thể dùng để xây dựng, đóng tàu thuyền, cất tinh dầu và làm thuốc. Loài cây này được tái sinh từ hạt vào những năm 70 của thế kỷ trước. Đến nay, cây có đường kính gốc hơn 70 cm và có chiều cao từ 30 - 50 m.

Về động vật, KBT có hơn 300 loài thuộc các loài thú, bò sát, chim và ếch nhái..., trong đó, riêng khu hệ chim được các chuyên gia Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thực hiện dự án khảo sát năm 2014. Kết quả khảo sát cho thấy, có 77 loài chim, trong đó có nhiều loài chim quý như vàng anh, chào bèo, chích chòe, cò nhạn... Sự phân bố của các loài chim không đồng đều ở 4 sinh cảnh khác nhau thuộc khu vực nghiên cứu. Số loài chim nhiều nhất ở sinh cảnh rừng ven sông, suối với 61 loài (chiếm 80,26 %); thứ hai ở sinh cảnh rừng thứ sinh cây bụi với 52 loài (chiếm 68,42 %); thứ ba ở sinh cảnh làng bản, nương rẫy với 46 loài



(chiếm 60,52%) và ít nhất ở sinh cảnh rừng thứ sinh thường xanh trên núi đất với 37 loài (chiếm 48,68 %).

Trong những năm gần đây, hệ sinh thái rừng Mường Phăng bị suy giảm nghiêm trọng, nhiều loài động, thực vật rừng có nguy cơ tuyệt chủng. Theo kết quả điều tra của Sở NN&PTNT cho thấy, hiện diện tích rừng tự nhiên giảm cả về số lượng và chất lượng cây rừng, chủ yếu chỉ còn rừng ở những phân khu phục hồi sinh thái nằm trong vùng lõi KBT, cạnh hồ Pá Khoang. Các loài gỗ quý như chò chỉ, đinh, nghiêng đến nay đã không còn, hiện chỉ còn lại một số loài cây như tô hạp, lát hoa, trầm hương... Một số loài cây trước đây rất cao to, nay chỉ còn cây nhỏ như phay sừng, giổi găng... Nhiều loài hiếm nay trở nên rất hiếm và khó gặp như bình vôi, du sam, rau sắng, thông tre, kim giao, lan kim tuyến... Do kích thước của các loài cây rừng giảm, dẫn đến cấu trúc rừng tự nhiên bị phá vỡ, làm giảm ĐDSH và khả năng phòng hộ của rừng.

Không chỉ có cây rừng, nhiều loài thú cũng bị tuyệt chủng. Hầu hết các loài thú lớn như gấu, hổ, báo không còn, chỉ còn các loài thú nhỏ như chồn, khỉ và một số loài chim. Một số loài cá lớn trong hồ Pá Khoang như cá lăng, trắm đen đã biến mất mà chỉ còn các loài cá nhỏ. Gần đây, do mực nước hồ Pá Khoang xuống thấp, nhiều diện tích lòng hồ bị cạn nên đã thu hút loài cò nhận về đây kiếm mồi, với số lượng tới 500 con. Đây là loài quý hiếm, nằm trong Sách đỏ Việt Nam. Tuy nhiên, hiện hàng trăm cá thể cò nhận này đang đứng trước những nguy hiểm do người dân trên địa bàn đang tìm cách săn, bẫy loài chim quý hiếm này.

Để bảo vệ rừng Mường Phăng, từ năm 1986, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Chỉ thị số 194/CT quy định diện tích rừng trong KBT loài, sinh cảnh Pá Khoang - Mường Phăng là rừng cấm quốc gia, tuy nhiên, tình trạng chặt phá, khai thác gỗ trái phép vẫn gia tăng. Tính đến nay, Hạt kiểm lâm huyện Mường Phăng đã bắt và ra quyết định xử lý hơn 100 vụ vi phạm liên quan tới rừng và lâm sản. Nguyên nhân của tình trạng này, do nhu cầu sử dụng các đồ gia dụng được chế tác từ gỗ quý của người dân. Bên cạnh đó, cấp ủy, chính quyền địa phương còn chưa quan tâm đến công tác đấu tranh chống buôn lậu lâm sản và xem đây là trách nhiệm của các cơ quan chức năng. Sự phối hợp trao đổi thông tin ở

một số cơ quan chuyên ngành trong phòng, chống buôn lậu lâm sản còn nhiều bất cập.

TĂNG CƯỜNG GIẢI PHÁP BẢO TỒN LOÀI - SINH CẢNH

Trước thực trạng trên, nhằm đẩy mạnh công tác bảo vệ rừng Mường Phăng - địa danh lịch sử của cả nước, Ban quản lý (BQL) KBT loài, sinh cảnh Pá Khoang - Mường Phăng đã thành lập Tổ Bảo vệ cơ động, thường xuyên tuần tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm. Để bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi xâm hại cũng như phòng, chống cháy rừng, Tổ đã phối hợp với kiểm lâm địa bàn, chính quyền xã Mường Phăng vận động nhân dân trong xã tích cực chăm sóc và bảo vệ rừng. Đồng thời, tổ chức ký cam kết không chặt phá, đốt rừng làm nương, đặc biệt là 20 hộ dân hiện đang sống và làm trang trại chăn nuôi gần Khu di tích. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ khu rừng lịch sử, hàng tuần, người dân tham gia phát cỏ dại, dây leo, làm đường băng cản lửa, rà soát những cây gỗ lớn và đánh dấu vị trí để dễ kiểm tra, bảo vệ. Bên cạnh đó, chính quyền xã và BQL KBT còn phát động các phong trào, hoạt động BVMT, sinh thái rừng. Hàng tuần, Tổ Bảo vệ cơ động, người dân và học sinh trong xã tổ chức thu gom rác thải trong Khu di tích để giữ gìn sạch đẹp cảnh quan cũng như BVMT; góp phần tạo ấn tượng tốt với du khách đến thăm Mường Phăng. Trong thời gian tới, để bảo vệ ĐDSH hướng tới sự phát triển bền vững rừng, UBND tỉnh Điện Biên đã

chỉ đạo Hạt kiểm lâm huyện Mường Phăng và BQL KBT triển khai thực hiện một số giải pháp:

Thế chế hóa các văn bản pháp luật, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm bảo tồn ĐDSH trong các KBT; đồng thời khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình và người dân tích cực tham gia bảo tồn; khai thác hiệu quả giá trị tài nguyên các KBT, đảm bảo an ninh quốc phòng. Lựa chọn giải pháp quản lý các hệ sinh thái phù hợp với điều kiện địa phương, hoặc vận dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong việc thực thi Quy hoạch bảo tồn ĐDSH để hướng tới việc sử dụng nguồn tài nguyên ĐDSH hợp lý, hiệu quả và bền vững.

Hỗ trợ vốn, kỹ thuật cho dân cư sống trong vùng đệm phát triển kinh tế, đảm bảo cuộc sống; giảm thiểu tối đa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong KBT; triển khai thực hiện tốt chi trả dịch vụ môi trường rừng là một trong những giải pháp quan trọng để người dân tích cực tham gia bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH.

Tăng cường sự hợp tác trong nước và nước ngoài về bảo tồn, phát triển bền vững, đặc biệt, trong công tác điều tra, nghiên cứu phát triển ĐDSH, kinh nghiệm, năng lực quản lý, bảo tồn, cơ chế phối hợp...

Nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng và lợi ích lâu dài của việc bảo tồn ĐDSH; giúp cộng đồng gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH.

MINH NGUYỆT



Bảo tồn những giá trị đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn thiên nhiên sông Thanh

TẠ KIỀU ANH

Cục Bảo tồn đa dạng sinh học

Nằm trên địa bàn hai huyện Nam Giang và Phước Sơn của tỉnh Quảng Nam, Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sông Thanh là một thành phần quan trọng trong cảnh quan ưu tiên Trung Trường Sơn của vùng sinh thái dãy Trường Sơn. Đây là vùng lõi chủ yếu của vùng cảnh quan có vị trí ưu tiên của quốc gia, khu vực và toàn cầu do giá trị đa dạng sinh học cao với các loài đặc hữu đã được ghi nhận.

KBTTN sông Thanh có diện tích gồm 93.249 ha vùng lõi và 108.398 ha vùng đệm, trong đó vùng lõi được chia thành hai khu bảo vệ nghiêm ngặt với 75.373 ha và khu phục hồi sinh thái với 17.512 ha. KBTTN sông Thanh có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng, là nơi giao lưu của khu hệ phía Bắc và phía Nam. Đây là nơi tập trung nhiều loài động thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao.

Hệ thực vật của KBTTN đã thu thập và xác định được với tổng số 831 loài, trong đó có 23 loài đặc hữu Việt Nam, 38 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam như kim tuyến, trầm, pơ mu, vù hương, hoàng đàn giả, trắc, thổ phục linh... Hệ thực vật của KBTTN đa dạng về giá trị sử dụng, có khoảng 550 loài thuộc 6 nhóm công dụng khác nhau: nhóm lấy gỗ (243 loài), nhóm làm thuốc (212 loài), nhóm làm cây cảnh - bóng mát (133 loài), nhóm cây ăn quả (102 loài), nhóm cho sợi và nguyên liệu thủ công (48 loài) và nhóm cây cho dầu, nhựa, tinh dầu (40 loài). Trong đó nhóm loài thực vật có giá trị bảo tồn là 34 loài, một số loài nổi bật đáng quan tâm là trầm (cần được khôi phục nhanh); pơ mu (phải giữ lại nguyên vẹn để nghiên cứu và làm rừng giống); lát hoa (cần có biện pháp bảo vệ trong tự nhiên và gây trồng trong khu vực)...

KBTTN cũng có hệ động vật rất đa dạng với 53 loài thú, 183 loài chim, 44 loài bò sát và 21 loài ếch nhái... Các loài thú có tầm quan



▲ Lực lượng kiểm lâm tuần tra bảo vệ KBTTN Sông Thanh

trọng đặc biệt đối với công tác bảo tồn là voọc chà vá chân nâu, voọc chà vá chân xám, mang lớn và mang Trường Sơn. Ở phía cực Nam KBTTN - gần với ranh giới tỉnh Kon Tum có sự xuất hiện của một số loài đang bị đe dọa trên toàn cầu và có vùng phân bố giới hạn bao gồm hai loài chim mới được phát hiện như khuống ngọc linh và khuống vằn đầu đen. Ngoài ra, KBTTN sông Thanh cũng ghi nhận những dấu vết của loài hổ - loài bị đe dọa trên toàn cầu mức nguy cấp. KBTTN sông Thanh là mắt xích quan trọng của chuỗi các sinh cảnh tự nhiên liên kết vùng đồi núi Trung Trường Sơn.

Mặc dù vậy, KBTTN đang chịu nhiều tác động từ các hoạt động săn bắn, đào vàng, khai thác gỗ trái phép và phát triển cơ sở hạ tầng, dẫn đến những giá trị đa dạng sinh học bị suy giảm nghiêm trọng. Trong năm 2015, lực lượng chức năng đã phát hiện và lập

biên bản 94 vụ vi phạm, trong đó tạm giữ 76m³ gỗ xẻ, 14 m³ gỗ tròn, 9 mô tô, 1 cá thể khỉ đuôi dài (đã lập biên bản và thả vào môi trường tự nhiên); ra quyết định xử lý 89 vụ, thu nộp ngân sách nhà nước hơn 1,13 tỷ đồng.

Trong thời gian qua, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (WWF - Đông Dương, IUCN...), KBTTN sông Thanh đã điều tra, khảo sát lập các dự án đầu tư, nâng cao nhận thức cho người dân và xây dựng mô hình cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên rừng... Đáng chú ý, Dự án môi trường trọng điểm và sáng kiến hành lang bảo tồn đa dạng sinh học (Dự án CEP - BCI tỉnh Quảng Nam) đã có nhiều động thái tích cực nhằm bảo tồn rừng đặc dụng sông Thanh. Nhiệm vụ đặt ra của Dự án là thỏa thuận với chính quyền các địa phương, cộng đồng dân cư về đường ranh giới giữa khu bảo tồn và ranh giới các thôn trong xã



KBTN Sông Thanh vừa được Bộ NN&PTNT thống nhất chủ trương lập hồ sơ “nâng hạng” thành Vườn quốc gia Sông Thanh. Để chuẩn bị thành lập vườn quốc gia, tỉnh Quảng Nam đang nghiên cứu tính khả thi của việc bổ sung một phần khu vực rừng lim xanh (khoảng 1.000 ha) và rừng cây di sản pơmu (rộng 7.000 ha) thành hai tiểu khu của vườn quốc gia để công tác bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện nghiêm ngặt

nhằm xây dựng kế hoạch phát triển rừng bền vững, liên kết quản lý tài nguyên rừng, làm cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ về ranh giới và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu bảo tồn.

Bên cạnh đó, Ban Quản lý KBTN Sông Thanh đã tích cực thực hiện việc giao khoán cho 125 nhóm hộ và 231 hộ gia đình với diện tích hơn 41.000 ha, đồng thời cũng đã thực hiện việc hỗ trợ đầu tư phát triển cộng đồng vùng đệm cho 24 cộng đồng thôn. Các chương trình này đã huy động sức mạnh toàn dân vào công tác bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đồng thời góp phần thay đổi nhận thức cho người dân trong việc sử dụng tài nguyên bền vững, giảm thiểu các tác động xấu đối với tài nguyên rừng.

Ban Quản lý đã phối hợp với các ban, ngành chức năng củng cố và bố trí lại lực lượng kiểm lâm trên địa bàn để phù hợp với năng lực công tác và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Kiểm lâm địa bàn phối hợp với Lâm nghiệp xã tham mưu giúp UBND các xã trong vùng xây dựng và triển khai tốt phương án quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương; tổ chức gây nuôi và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã trên địa bàn quản lý. Đồng thời, tăng cường tuần tra, truy quét tình trạng đào đãi vàng trái phép và tháo dỡ bẫy thú ở các khu vực bảo vệ ưu tiên. Đặc biệt, Hạt Kiểm lâm KBTN còn phối hợp với Đồn Biên phòng Đắc Pring, Đồn Biên phòng cửa khẩu Nam Giang ký kết quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh để kiểm tra, truy quét các hoạt động khai thác lâm, khoáng sản trái phép trong lâm phận tại khu vực biên giới■

Khám phá hang động Nhù Sang trên cao nguyên đá Đồng Văn

PGS. TS. TẠ HÒA PHƯƠNG



▲ Lối vào hang Nhù Sang

Nằm ở địa bàn xã Lũng Táo, hang Nhù Sang, điểm đến lý thú trong hành trình khám phá Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Trên đường đến hang Nhù Sang, du khách có dịp ngắm các khối núi đá vôi dạng chóp nón độc đáo, những “rừng đá” với nhiều tháp đá vôi đa dạng và sinh động, những thung lũng và phễu karst sâu hun hút ở xã vùng biên này.

Trên đường tới Sà Phìn - nơi có khu di tích Nhà Vương và cột cờ Lũng Cú, khi gần đến trung tâm xã Lũng Táo có một đường ô tô mới mở qua bản Nhù Sang. Hang đá cùng tên nằm cách đường ô tô này khoảng 150 m, trước khi đến bản. Cửa hang vát chéo theo thể nằm của các lớp của đá vôi có tuổi các bon khoảng 300 triệu năm.

Trong lòng hang đá, có nhiều thạch nhũ đẹp mà trung tâm là một cột đá lớn như cột trụ vững chãi của tòa nhà, chống từ nền đến trần hang. Nhìn cột đá và các khối thạch nhũ đẹp bài trí ở khoang cửa hang, du khách có thể tưởng tượng đến bao điều kỳ thú còn chờ đợi phía trong, nơi hang đá phân tầng, nhánh, theo những bậc thang sắt đi xuống những độ sâu hun hút.

Xét về hình loại hang động karst thì hang Nhù Sang thuộc loại hang hóa thạch, còn gọi là hang khô, giống như hầu hết các hang động khác ở Đồng Văn - Mèo Vạc. Nguyên nhân là do các khối đá vôi trùng trùng điệp điệp ở nơi đây nhìn chung nằm cao hơn so với địa hình phi karst ở xung quanh, và nền hang thường nằm cao hơn đáng kể so với mực nước ngầm khu vực. Đá vôi lại là loại đá thường bị nứt



nẻ mạnh, nên trong tầng đá có nhiều đường tháo nước đi mất. Cũng vì thế nhiều hang karst trên cao nguyên đá phát triển mạnh theo chiều thẳng đứng, trở thành những lối thoát nước và ít tạo thạch nhũ. Trong bối cảnh đó thì hang Nhù Sang là một ngoại lệ, vì rất nhiều thạch nhũ đã được thành tạo, chen chúc trong không gian khá chật hẹp của hang. Không những thế, nhiều thạch nhũ vẫn đang trong quá trình phát triển. Có những vị trí trong hang khi đứng nhìn lên, du khách có thể thấy những đốm trắng trên trần hang và ngỡ ngàng nhận ra đó chính là những giọt nước đang lớn dần, chuẩn bị nhỏ xuống. Điều thú vị này không phải ở hang đá nào cũng có thể chiêm ngưỡng.

Có thể nói, thế giới thạch nhũ trong hang Nhù Sang rất phong phú, thuộc nhiều hình loại. Bên cạnh những măng đá, chuông đá, cột đá thường gặp, trong hang còn gặp khá phổ biến nhũ dòng chảy (flowstone), nhũ rèm, nhũ ống, nhũ rối... Chuông đá trong hang Nhù Sang thật muôn hình, muôn vẻ. Điều đó được tạo nên bởi thành phần khoáng chất của vật chất tạo nhũ cũng như môi trường kết tủa khoáng chất trong hang. Vì thế, nhìn thạch nhũ hang Nhù Sang du khách có thể mặc sức tưởng tượng, liên hệ chúng với các vật thể có trong tự nhiên khác: khi thì như trái na, trái ổi, trái Phật thủ, củ nhân sâm, khi thì như các tua của con bạch tuộc, các chân của con sứa đang bơi... Đặc biệt, trong hang Nhù Sang phát triển rất nhiều hình loại nhũ rèm (Drapery), tạo nên nhiều tấm rèm vắt ngang, vắt chéo, uốn vặn, uốn sóng đẹp mắt. Có những chỗ nhũ rèm xếp khéo trông như cửa một phòng the sang trọng.



▲ Nhũ rèm trong hang tạo nên bức tranh ấn tượng đặc sắc



▲ Nhũ đá trong hang rất đa dạng

Trong hang Nhù Sang cũng có nhiều nhũ đá dạng trái cây gần tròn. Hình ảnh không thể bỏ qua, đó là bầu sữa mẹ vốn là khởi nguồn của tên gọi thạch nhũ trong các hang động karst.

Điều lý thú không thể bỏ qua nữa trong hang Nhù Sang, đó là sự có mặt rất phong phú các hình loại nhũ ống (straw). Đây là hệ thống các ống nhũ nhỏ cho nước đi qua trước khi nhỏ giọt xuống nền hang. Thực chất nhũ ống chính là khởi nguyên của hầu hết các loại chuông đá. Nếu vì nguyên nhân nào đó ống nước bị tắc, nước sẽ thấm chảy bên ngoài ống và bắt đầu tích tụ, tạo nên các hình dạng khác nhau của chuông đá. Khi đi qua lòng hang nhìn sang bên vách du khách như thấy cả một rừng san hô mọc lên dưới đáy biển, tạo một ấn tượng kỳ lạ. Đặc biệt, có chỗ thấy một nhũ ống kéo dài, thẳng tắp như xe điều rử xuống từ trần hang nhưng

đủ sức tạo nên một măng đá lớn cho đến lúc gặp nhau, hình thành một cột nhũ hình thù kỳ dị có một không hai...

Các vùng địa hình karst, trong số đó có các hang động, luôn được quan tâm trong định hướng phát triển du lịch, bởi cảnh quan vùng karst luôn cuốn hút du khách gần xa. Việc khai thác du lịch hang Nhù Sang, xã Lũng Táo, huyện Đồng Văn, Hà Giang chắc chắn sẽ góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác du lịch hang Nhù Sang cần hết sức lưu ý, các cấu trúc nhũ đá tinh xảo trong hang rất dễ bị phá hủy và gần như không có khả năng tái tạo. Do đó, cần có biện pháp bảo vệ hữu hiệu, để công trình tuyệt mỹ này của thiên nhiên được trường tồn, phục vụ lâu dài cho du khách hôm nay và mai sau ■



▲ Nhiều nhũ ống hiện còn đang phát triển trong hang



Kinh nghiệm quản lý tổng hợp môi trường biển tại Hàn Quốc

VŨ THỊ MAI LAN

Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Hàn Quốc là một quốc gia bán đảo có 15 khu bảo tồn biển, 4 vùng biển quản lý môi trường và 5 vùng biển quản lý đặc biệt cho việc thực hiện các mục tiêu cụ thể. Đồng thời, Hàn Quốc được biết đến là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về phát triển bền vững, song song với những nỗ lực của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc về BVMT biển. Hàn Quốc đã tham gia ký kết nhiều công ước quốc tế về môi trường như: Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, Công ước Luân đôn, Công ước Liên hợp quốc về đa dạng sinh học (ĐDSH), Công ước khí hậu và nhiều hiệp định môi trường đa phương (MEA) khác.



▲ Bãi biển Haeundae, thành phố Busan, Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc, công tác quản lý tổng hợp biển và hải đảo, đặc biệt là vùng bờ, đã được thể chế hóa và áp dụng trong thực tiễn. Hàn Quốc đã xây dựng được một hệ thống luật pháp khá hoàn chỉnh để phục vụ quản lý tổng hợp biển và hải đảo. Rất nhiều địa phương ven biển đã áp dụng thành công phương thức quản lý này với kết quả sử dụng hợp lý tài nguyên, hài hòa các hoạt động quản lý ngành và bảo vệ, cải thiện tài nguyên và môi trường.

Về hệ thống pháp lý, vào năm 1996, Hàn Quốc đã xây dựng Luật Cơ bản về phát triển Biển và Nghề cá. Một loạt các luật khác được xây dựng theo Luật này. Cũng trong năm 1996, cùng với Luật khung, Hàn Quốc đã xây dựng quy hoạch tổng thể về biển tích hợp tất cả các quy hoạch ngành, được gọi là quy hoạch phát triển biển và nghề cá. Tầm nhìn, mục tiêu của tất cả các ngành có liên quan đều được tích hợp vào quy hoạch. Từ năm 1996, Hàn Quốc đã

thực hiện tổng hợp chức năng các cơ quan, tổng hợp về chính sách, pháp luật và quy hoạch để thực hiện quản lý tổng hợp. Một số lĩnh vực nhỏ hơn nằm ngoài chức năng của Bộ Đại dương và Nghề cá như quản lý hàng hải, quản lý biên giới, lãnh thổ được quản lý theo chuyên ngành. Quy hoạch các ngành phải được phản ánh trong quy hoạch tổng hợp.

Cùng với tăng trưởng kinh tế vùng bờ, cũng như các quốc gia khác, ở Hàn Quốc đã nảy sinh các vấn đề về môi trường, mất các sinh cảnh quan trọng và suy thoái các hệ sinh thái (HST) biển và vùng bờ. Do vậy, Hàn Quốc đã tập trung xây

dựng Luật quản lý vùng bờ. Nội dung chính của Luật là quản lý tổng hợp tài nguyên, quản lý môi trường biển tại khu vực vùng bờ (có khoảng cách từ bờ ra biển 3 hải lý và cách mực nước triều cao nhất 500 m hoặc 1.000 m về phía đất liền), bao gồm quản lý các khu vực biển, xây dựng các công trình biển bảo vệ vùng bờ, giáo dục và tuyên truyền. Quy hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ có kỳ quy hoạch 10 năm và điều chỉnh các vấn đề liên quan tới bảo tồn, sử dụng và phát triển các vùng biển. Chính quyền Trung ương xây dựng quy hoạch cả nước, Chính quyền tỉnh xây dựng quy hoạch cho tỉnh trên cơ sở quy hoạch cả nước.

Quản lý tổng hợp vùng bờ Hàn Quốc được phát triển theo giai đoạn. Khoảng cuối 1980, tại Hàn Quốc đã đưa ra khái niệm quản lý tổng hợp vùng bờ. Khái niệm này được đưa vào chính sách quốc gia từ đầu những năm 1990. Các dự án thí điểm quản lý tổng hợp vùng bờ được thực hiện vào giữa những năm 1990. Các điều tra để xây dựng cơ chế quản lý tổng hợp vùng bờ cũng được thực hiện vào thời gian này. Vào năm 1999, Hàn Quốc thông qua Luật quản lý vùng bờ với nội dung chính là quản lý tổng hợp. Hàn Quốc



▲ Đảo Jeju, Hàn Quốc

đã xây dựng và thực hiện quy hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ ở cấp quốc gia và cấp địa phương. Hiện tại, quản lý tổng hợp vùng bờ ở Hàn Quốc tập trung vào phân vùng chức năng, bảo tồn các HST và quản lý tổng hợp của sông, thích ứng với BĐKH, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và BVMT. Xây dựng hệ thống quản lý với mục tiêu là các vùng bờ tự nhiên, đảm bảo tính pháp lý của phân vùng, quản lý trực tiếp, giới hạn trong vùng nước ven bờ.

Trước năm 2008, Hàn Quốc không có chính sách riêng biệt và cụ thể để quản lý đảo, các đảo có người do Bộ Nội vụ quản lý hành chính. Nhận thức tầm quan trọng của việc quản lý các đảo không người, năm 2008, Hàn Quốc đã ban hành Luật quản lý các đảo nhỏ không người với nội dung cơ bản là quản lý tài nguyên, môi trường, xây dựng quy hoạch quản lý đảo với kỳ quy hoạch 10 năm. Hàn Quốc đã ban hành Luật quản lý các đảo với mục đích quản lý môi trường và tài nguyên các đảo, chủ yếu tập trung vào bảo tồn. Hàn Quốc đã thực hiện điều tra về điều kiện tự nhiên, địa hình, cảnh quan, HST làm cơ sở để bảo tồn. Trên cơ sở đó, xác định các hình thức quản lý cho các đảo; chia đảo thành 4 loại: Loại bảo tồn, loại nửa bảo tồn, loại phát triển có điều kiện và loại phát triển. Trong luật cũng có các phần quy định về các đảo đặc biệt dùng xác định các ranh giới quốc gia trên biển. Về quy hoạch quản lý, việc điều tra các đảo này được thực hiện thường xuyên. Tổng cục Khí tượng Thủy văn biển Hàn Quốc thuộc Bộ Đại dương và Nghề cá điều tra thường xuyên các đảo này. Các đảo được dùng là điểm để xác định các vùng biển là rất quan trọng, cần được chú ý bảo vệ.

Hiện nay, Hàn Quốc đang xem xét, sửa đổi các luật hiện hành để thích ứng với xu hướng quản lý tổng hợp theo cách tiếp cận hệ sinh thái. Ngoài ra, Hàn Quốc đang nỗ lực hoàn chỉnh quy hoạch và tăng cường quản lý tổng hợp ở địa phương. Hàn Quốc đang thực hiện điều tra toàn quốc lần 3 và xây dựng Quy hoạch quản lý tổng hợp toàn quốc lần 2 bằng cách điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp lần 1. Vào năm 2006, 70% tỉnh thành xây dựng Quy hoạch quản lý tổng hợp ở cấp tỉnh. Cùng với việc ban hành Quy hoạch quản lý tổng hợp toàn quốc lần 2, các tỉnh sẽ phải điều chỉnh quy hoạch đã được xây dựng trước đó để phù hợp với quy hoạch quốc gia.

Cơ sở pháp lý để quản lý môi trường biển và các luật cơ bản phục vụ quản lý môi trường biển của Hàn Quốc bao gồm 3 Luật liên quan tới quản lý môi trường biển: Luật quản lý môi trường biển, Luật về bảo tồn và quản lý các HST biển, Luật về bảo tồn các vùng đất ngập nước. Luật quản lý môi trường biển: Giám sát môi trường, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin môi trường,

làm sạch các chất thải nhấn chìm, nạo vét các khu ô nhiễm, thu gom rác nổi và Trung tâm xử lý rác thải. Luật Bảo tồn và quản lý các hệ sinh thái biển: điều tra các HST biển trên phạm vi cả nước, các khu bảo tồn, hệ thống thông tin, phục hồi các HST, bảo tồn loài, kiểm soát sự phát triển. Luật bảo tồn vùng đất ngập nước chủ yếu phục vụ bảo tồn môi trường, sinh cảnh và ĐDSH các vùng đất ngập nước.

Thực hiện quy định của Luật Quản lý môi trường biển, Tập đoàn quản lý môi trường biển Hàn Quốc (KOEM) đã xây dựng hệ thống giám sát môi trường bao gồm hệ thống trạm cố định, hệ thống trạm giám sát tự động và các thiết bị gắn trên tàu biển. Có 13 trạm giám sát môi trường tự động tại các khu vực điểm nóng về ô nhiễm biển. Hệ thống giám sát trên các tàu thương mại chạy xung quanh Hàn Quốc để đo chất lượng nước. Các đặc trưng chất lượng nước được đo 10 lần trong 1 tháng. KOEM cũng xây dựng hệ thống thông tin phục vụ đưa ra báo cáo hiện trạng môi trường, xây dựng chính sách quản lý và nghiên cứu. KOEM cũng thực hiện rất nhiều dự án thu gom, xử lý rác thải, bảo tồn biển theo quy định của Luật Quản lý môi trường biển và các luật khác. KOEM cũng xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu môi trường biển.

Việt Nam đã và đang triển khai nhiều hoạt động hợp tác song phương về quản lý tài nguyên, môi trường biển với các cơ quan quản lý biển của Hàn Quốc thông qua việc xem xét, tham khảo kinh nghiệm thực tiễn và những chính sách, pháp luật để áp dụng tại Việt Nam■



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thực**

Dr. **Hoàng Văn Thúc**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcm@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875

Email: tcmthpianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

*National Meeting to respond
the World Water Day 2017*

Photo by: **VEM**

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 3/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [4] • Celebrating the World Water Day:
Wastewater proper treatment and recycling- sustainable water resources management measure
- [5] • Earth Hour 2017: Nation's joint action for energy saving
- [6] • 3rd international conference on environmental pollution, restoration and management
- [7] • Natural Resources and Environment sector enhances inspection to contribute to developing transparent and constructive government



LAW - POLICY

- [8] PHƯƠNG LINH: Establishing inspection team for marine environmental damage compensation in central provinces
- [9] LƯU TRANG: Rapidly responding to tin mining dam breaking down
- [10] NGUYỄN MẠNH HÙNG - NGUYỄN MẠNH HÙNG: Completing regulations on environmental rehabilitation and restoration in contaminated sites
- [12] NGUYỄN HUY HOÀN: In 2025, Vietnamese environmental industry basically meets demand for environmental protection
- [14] LÊ XUÂN THÁI: Completing legal foundation for collecting polluting old motorbikes
- [16] NGUYỄN HỒNG NGUYÊN: Bình Dương integrates environmental protection into economic growth
- [18] PHẠM MẠNH CƯỜNG: Vinh Phúc enhances effectiveness and efficiency of state management of environmental protection
- [20] HUỖNH QUỐC KHÔI: Status of renovated extensive farming of white shrimps in Bạc Liêu and its environmental impacts
- [22] LÊ THANH TUẤN: Ninh Thuận boosts implementation of urgent environmental protection tasks



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [25] VƯƠNG TIẾN MẠNH: Obstacles in managing wildlife confiscated from illegal trade cases
- [26] ĐỖ XUÂN ĐỨC: Precautions needed in environmental restoration of Sword Lake
- [28] NGUYỄN VĂN PHƯƠNG: Some issues in administrative punishment of environmental violation in public places
- [30] NGUYỄN NGỌC LÝ - ĐÀO THỊ THANH THỦY: Women's participation in environmental impact assessment
- [32] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG - NGUYỄN HẢI YẾN: Environmental commitment and responsibilities in new free trade agreements and challenges for Việt Nam



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [34] NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG: Science and technology application in replicating mountainous gingers to contribute to indigenous genes
- [36] LÊ VŨ LINH SOA: Developing database for environmental protection in craft villages
- [38] LÊ THỊ HƯỜNG: Integrated river basin management of Vũ Gia- Thu Bồn and Quảng Nam - Đà Nẵng coastal zone
- [40] ĐỖ TÁ HÒA - LÊ TẤT ĐẠT: Pollution risk assessment of Đà Nẵng Bay and proposed measures for environmental protection and sustainable development
- [42] TRỊNH VĂN TUYÊN - HOÀNG LƯƠNG: New technology solutions for clinics wastewater in Việt Nam



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [43] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Thành Vinh Trade Service and Environment Cooperative:
Effective model of socialization in solid waste collection, transport and treatment
- [45] NGUYỄN PHƯƠNG QUÝ: Need for state enabling policies for promoting investment in wastewater treatment
- [47] GIÁNG HƯƠNG: Environmental protection is everyone's responsibility



GREEN GROWTH

- [48] PHẠM TRUNG KIẾN: Lào Cai proactively responds to climate change, natural resources and environment protection
- [50] PHẠM HỒNG LONG: Towards sustainable ecotourism in national parks and nature conservation



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [53] MINH NGUYỆT: Strengthening biodiversity conservation in Pá Khoang - Điện Biên Nature Reserve
- [55] TẠ KIỀU ANH: Biodiversity conservation in Thanh River Nature Reserve
- [56] TẠ HÒA PHƯƠNG: Discovering Nhù Sang Cave in Đồng Văn Karst Plateau



AROUND THE WORLD

- [58] VŨ THỊ MAI LAN: Korean experience in integrated marine environment management

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SINH HỌC ĐÔNG NAM Á**



Kinh doanh, phân phối:
Các loại phân bón sinh học và hóa học.



Chào Mừng

**Ngày Giải Phóng Miền Nam 30/4
& Quốc Tế Lao Động 1/5**

ĐC: D10/12B, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 08 6673 1616, 0938 418 957

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
APATIT TAM ĐỈNH LÀO CAI**

Địa chỉ: 182 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Tp. Lào Cai

*Đơn vị khai thác và cung cấp quặng Apatit loại 1
dạng nguyên khai, nghiền và quặng tuyển.*



Chào Mừng

**Ngày Giải Phóng Miền Nam 30/4
& Quốc Tế Lao Động 1/5**

CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC CHÂU PHÚ

Địa chỉ: 159 Ấp Chánh Hưng - Xã Bình Long - Huyện Châu Phú - Tỉnh An Giang
ĐT: 0913181818



Tâm nhìn và sứ mệnh

Công Ty CP Lương Thực Châu Phú được thành lập bởi một nhóm trí thức có tư duy chăm sóc khách hàng tuyệt vời, tầm nhìn chiến lược dài hạn và thái độ sống rất tích cực, hoài bão xây dựng thương hiệu Công Ty CP Lương Thực Châu Phú lớn mạnh trong khu vực Châu Á.

Kết quả hình ảnh cho gạo

Chúng tôi có chung một mục tiêu là nâng tầm giá trị dinh dưỡng cho mọi gia đình và cùng nhà nước xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam rạng danh trên toàn thế giới.

Giá trị cốt lõi của Công Ty CP Lương Thực Châu Phú

1. Sản xuất và bán lẻ gạo sạch 100% từ thiên nhiên, ATVSTP.
2. Sản xuất và đóng gói theo tiêu chuẩn khoa học để khách hàng bảo quản lâu dài mà không ảnh hưởng đến chất lượng.
3. Dịch vụ bán hàng, chăm sóc khách hàng hoàn hảo, đoàn kết nội bộ thân thiện với khách hàng và môi trường.
4. Tinh thần trách nhiệm cao nhất đối với bản thân, gia đình và cộng đồng nhằm xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh và phồn vinh.
5. Cam kết không tối đa hóa lợi nhuận cho công ty thay vào đó là tối đa hóa lợi ích của khách hàng nói riêng và lợi ích của vòng liên kết nói chung. Nhắm cân bằng lợi ích giữa công ty, khách hàng, nông dân, xã hội và môi trường. Luôn dẫn đầu về chất lượng và giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Số 02 Quách Đình Bảo, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Thái Bình.

Doanh nhân Đỗ Chí Lệ: Tâm huyết với công trình xã hội dân sinh

Xuất phát từ tâm huyết muốn kinh doanh tự do để thỏa niềm đam mê, ông Đỗ Chí Lệ – Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Cty CP Thương Mại Thành Đạt đã có quyết định táo bạo xin nghỉ hưu sớm khi còn đang là cán bộ chủ chốt trong ngành công an để thành lập DN. Giờ đây ông đã không định được sự thành công lớn với những dự án xã hội của DN mình. Lập nghiệp ở thành phố, nhưng ông Lệ luôn hướng về nông thôn. Ông đã chọn huyện Quỳnh Phụ, là nơi sinh ra để tiếp tục có những bước đầu tư táo bạo.

Dù cho các dự án xây dựng chợ, nhà máy nước sạch, nhà ở xã hội... nhưng ông Lệ vẫn không thôi trăn trở khi mà vẫn nạn rác thải đang ngày càng đe dọa chất lượng cuộc sống của người dân quê lúa Thái Bình. Sự nghèo khổ cùng với kiến thức kém về khoa học cũng khiến cho người dân không thể có cái nhìn đúng đắn về tác hại của rác thải đối với chính cuộc sống của mình cũng như sự ảnh hưởng tới môi trường của thế hệ con cháu mai sau. Hiện nay, để xử lý rác thải, phương pháp đốt và chôn lấp thường được lựa chọn. Tuy nhiên, đây là mối nguy hại tiềm ẩn bởi khi thải của một số lò đốt không đạt tiêu chuẩn khi thải ra môi trường, còn phương pháp chôn lấp rác thải thì không thể phủ nhận tồn diện tích đất và dẫn đến gây ô nhiễm nguồn nước.

Vậy làm cách nào để có thể xử lý triệt để rác thải? Không tìm ra lời giải đáp, ông tự bỏ kinh phí đi tới những quốc gia phát triển trên thế giới như Đức, Nhật Bản, Singapore,... để tận mắt tham quan, chứng kiến quá trình xử lý rác tại những nhà máy với công nghệ tiên tiến. Những chuyên đi tới bao miền đất xa xôi ấy không giúp ông có thể trực tiếp mang về quá hương loại công nghệ tối tân có thể giải quyết vấn đề rác thải bởi chi phí quá cao, không những vậy cũng không thực sự phù hợp với rác thải sinh hoạt tại Việt Nam. Bởi vì không được người dân phân loại ngay từ đầu nên rác thải sinh hoạt tại Việt Nam là loại rác hỗn hợp, trong đó rác hữu cơ chiếm khoảng 40%, nilon chiếm khoảng 30%, nước chiếm khoảng 25%... Những thông số trên là cơ sở để ông Lệ và cộng sự của mình đã chế tạo thành công dây chuyền xử lý rác thải sinh hoạt "4 trong 1" mang tên TTD01 với chi phí chỉ bằng 5% so với công nghệ có công suất tương ứng được nhập khẩu từ nước ngoài.

Công nghệ xử lý rác TTD01 hoạt động theo quy trình 4 trong 1: Phân loại rác, rửa rác, tái chế tạo ra sản phẩm, xử lý nước thải sản xuất quay vòng lại để phục vụ sản xuất. Hoạt động này khép kín như một vòng tuần hoàn, không thải bất kỳ lượng nước thải nào ra ngoài môi trường. Công nghệ này phân loại rác hoàn toàn bằng máy, vì thế chất hữu cơ và vỏ cơ được tách riêng hoàn toàn và triệt để. Chất hữu cơ được sản xuất thành phân vi sinh để phục vụ cho nhu cầu sử dụng của bà con nông dân với sản lượng 100 tấn/ tháng. Còn chất vỏ cơ thì tạo thành hạt nhựa phân phối cho các nhà máy sản xuất nhựa, nilon ở Thái Bình và Hà Nội. Hiện nay, phân hữu cơ sản xuất từ rác thải của nhà máy không đủ để phân phối cho bà con nhân dân trong huyện. Giá thành chỉ bằng một nửa so với các loại phân vỏ cơ đang phân phối trên thị trường, chất lượng thì không hề thua kém.

Để phát triển và đáp ứng nhu cầu sử dụng phân hữu cơ sản xuất từ rác cho bà con, nhà máy đã xây thử nghiệm sử dụng hoàn toàn bằng phân hữu cơ do dây chuyền TTD01 sản xuất ra, kết quả đã đạt 250kg/1 sào béc bộ. Viện Nghiên cứu thổ nhưỡng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã xuống phối hợp để sản xuất phân hữu cơ này thành phân sạch, phục vụ rộng rãi hơn nữa nhu cầu của nhân dân.

Công nghệ TTD01 của Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt đã được đăng ký bản quyền của Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ); được Trung tâm Nghiên cứu khi tượng thủy văn và quan trắc quốc gia công nhận: "Công nghệ đã đạt tất cả các chỉ số về môi trường".

Với những công trình, dự án hướng tới phục vụ nhu cầu thiết thực của người dân, coi lợi ích của người dân chính là sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tin tưởng Công ty Cổ phần Thương mại Thành Đạt sẽ tiếp tục lớn mạnh, ngày càng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân, người lao động.



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI ĐẠI LỘC PHÚ

Địa chỉ :337/57/17 Võ Văn kiệt - P Khánh Xuân - Tp Buon Ma Thuột - Đắk Lắk

ĐT: 05003838488 - Fax: 05003838588

Giám đốc: Huỳnh Thị Lệ Hằng

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Chi tiết: sản xuất bồn inox và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chậu rửa chén, máy năng lượng mặt trời nhiều loại, máy lọc nước, bồn nhựa chứa nước.



CÔNG TY TNHH MAY TINH LỢI

CHÂN DUNG DOANH NGHIỆP

PHÁT TRIỂN VÌ CỘNG ĐỒNG



Công ty TNHH May Tinh Lợi được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 06/GP-KCN-HĐ do BQL các khu công nghiệp Hải Dương cấp ngày 31/12/2003 cho cơ sở 1 tại KCN Nam Sách và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2006. Ngay từ những ngày đầu thành lập, công ty không những chăm lo tốt đời sống công nhân lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan quản lý nhà nước mà hoạt động bảo vệ môi trường cũng được ban lãnh đạo công ty hết sức quan tâm, định hướng phát triển theo mô hình kinh tế xanh bền vững, xứng đáng là doanh nghiệp tiêu biểu vì sự phát triển chung của cộng đồng.

Năm 2006 là năm đầu tiên công ty đi vào hoạt động, với chỉ hơn 500 cán bộ công nhân viên, đối mặt với muôn vàn khó khăn nhưng với sự cố gắng, sự đoàn kết của toàn thể CBCNV, sự chỉ đạo sáng suốt của Tập đoàn, sự giúp đỡ to lớn của các bộ ban ngành trong cả nước, May Tinh Lợi là doanh nghiệp luôn sản xuất ổn định và liên tục phát triển với sản lượng và doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 2009, chỉ sau 3 năm hoạt động, theo số liệu của Hiệp hội dệt may Việt Nam, May Tinh Lợi là 1 trong top 10 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao nhất. Bên cạnh việc lập đầy nhà máy tại KCN Nam Sách May Tinh Lợi tiếp tục mở rộng xây dựng cơ sở 2 tại KCN Lai Vu- làm sống lại KCN đã để đất hoang rất nhiều năm, đưa số lao động hiện có của công ty lên tới 15.000 người và dự kiến đến năm 2020 là 35.000 lao động.

Trong suốt quá trình hoạt động, công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của công nhân. Thời gian nghỉ ngơi, chế độ y tế, bảo hiểm, vệ sinh an toàn thực phẩm, dinh dưỡng bữa ăn luôn

được đảm bảo. Ngoài ra công ty còn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi động viên những hoàn cảnh khó khăn... Các hoạt động đó góp phần cho người lao động đoàn kết hơn, yên tâm công tác, tất cả vì mục tiêu chung của công ty.

Nhận thức việc bảo vệ môi trường là rất quan trọng, công ty luôn giáo dục người lao động ý thức bảo vệ môi trường xung quanh, không xả rác bừa bãi. Về phía công ty cũng luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Điều đó được thể hiện bằng các giải pháp rất cụ thể như: Áp dụng các sáng kiến tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng; tái sử dụng phế liệu, chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo, đầu tư xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn; áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, thực hiện quan trắc môi trường do tác động từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tới môi trường, trồng nhiều cây xung quanh khuôn viên nhà máy và tặng cây xanh cho các huyện xã trong Tỉnh Hải Dương.

Những quyết tâm cố gắng của tập thể các cán bộ, nhân viên của công ty đã được đền đáp xứng đáng. Công ty đã được chính phủ Việt Nam tín nhiệm và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Với những thành tựu mà tập thể ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của công ty đã đạt được, Công ty TNHH May Tinh Lợi chắc chắn sẽ trở thành một công ty hàng đầu về dệt may tại Việt Nam và là ngôi nhà thứ hai của người lao động trong công ty, họ đến từ các huyện trong tỉnh Hải Dương và từ rất nhiều tỉnh, thành khác trên toàn quốc ...



Hội nhập kinh tế, Toàn cầu hoá đang là một xu thế tất yếu của kinh tế quốc tế hiện nay.

Bất cứ một quốc gia nào cũng không nằm ngoài xu thế đó nếu muốn Tồn tại và Phát triển, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới - WTO từ cuối năm 2006 - đầu năm 2007. Từ đó đến nay thì xu hướng tự do hoá thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu đang trở thành xu thế tất yếu với các doanh nghiệp thuộc mọi hình thức sở hữu, mọi thành phần kinh tế.



Trong những năm gần đây, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ đã trở thành một trong những thế mạnh đóng góp vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Từ vị trí nhỏ nhất ban đầu, hiện nay Việt Nam đã vươn lên đứng thứ 2 sau Malaysia về xuất khẩu đồ gỗ và các sản phẩm từ gỗ trong các nước ASIAN và trở thành một hàng xuất khẩu chủ lực đứng thứ 5 của Việt Nam sau Dệt may, Da giày, Điện tử và Thủy sản. Trong xu hướng tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế thì xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia, trong đó vai trò là một nguyên liệu không thể thiếu đồng thời lại có nhu cầu rất lớn.

Nhằm hỗ trợ hội này năm 2008 Công ty TNHH Tân Phát đã lập Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Ván ép thương phẩm xuất khẩu tại huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk và đã được UBND Tỉnh chấp thuận cấp Giấy phép đầu tư.

Nhà máy ván ép Công ty TNHH Tân Phát nằm tại Lô 240 cụm Công nghiệp huyện M'Đrăk, xã Krông Lang, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Khu 82 Quốc lộ 26 là vị trí trung tâm của vùng nguyên liệu và công lý tưởng cho xây dựng và phát triển ngành gỗ bởi hệ thống giao thông đường bộ, đường biển đều rất thuận lợi, đặc biệt nơi đây được thiên nhiên ưu đãi có khí hậu thổ nhưỡng rất tốt rất phù hợp cho việc phát triển rừng trồng - ngoài ra một yếu tố vô cùng quan trọng và thuận lợi khi đánh hướng phát triển đóng sản phẩm ván ép chất lượng cao đó là Đổ rác không khí. "Nguyên liệu luôn là yếu tố quyết định sự sống còn của mỗi doanh nghiệp".

Nhận rõ những thuận lợi cũng như khó khăn tại nơi đây, Công ty Tân Phát đã quyết định đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng trên tổng diện tích 42.700 m² bao gồm: 3.500 m² nhà xưởng, 1200 m² nhà kho, 300 m² nhà ăn, 2 dãy nhà ở tập thể cho CBCNV v.v... và Hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín từ A-Z để ra được thành phẩm là Ván ép Chất lượng cao bao gồm cả Đầu tư trồng rừng nguyên liệu.

Với một đội ngũ lãnh đạo có chuyên môn cao, công việc trọng dụng và đào tạo nhân tài và quan trọng hơn hết là xây dựng công ty thành gia đình thứ 2 của Người lao động, sự lựa chọn hàng đầu của khách hàng. Công ty TNHH Tân Phát sẽ sẵn sàng cho các thử thách phía trước, sẽ tiếp tục mở rộng, phát triển vùng vùng công với sự phát triển đất nước Việt Nam.

"Cung Chúc Tân Xuân - Vạn Sự Như Ý"



MiennamPetro: Chuyên gia dầu nhớt cạnh tranh toàn diện về chất lượng

Không chỉ kinh doanh các sản phẩm dầu nhớt thông thường, công ty MiennamPetro Corp còn có các sản phẩm dầu nhớt cao cấp.

Được hình thành từ ý tưởng mong muốn các sản phẩm dầu nhớt tại Việt Nam có thể cạnh tranh với các thương hiệu dầu nhớt từ nước ngoài, Công ty tư nhân 100% vốn Việt Nam có tên MiennamPetro Corp đã được ra đời. Với nhân lực dồi dào, nguồn nguyên liệu phong phú được điều hành bởi những chuyên gia hàng đầu về dầu nhớt và đang cộng tác với các tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực dầu nhớt, hóa chất năng lượng. MiennamPetro Corp đang cố gắng vươn lên là địa chỉ tin cậy của khách hàng.

Người các sản phẩm: Dầu nhớt xe gắn máy; Dầu nhớt cho xe vận tải, xe thương mại và tàu thuyền; Dầu nhớt dành cho xe ô tô; Dầu hộp số cao cấp; Dầu hàng hải; Sơn phẩm dành cho các ngành công nghiệp. Công ty còn cho ra đời các sản phẩm đa dạng chủng loại như dầu nhớt cao cấp, hóa chất, đảm bảo cung cấp các giải pháp về môi trường hoàn hảo, giá cả hợp lý và bảo vệ môi trường.

"Cung Chúc Tân Xuân - Vạn Sự Như Ý"

THUỐC ĐƯỢC CỔ TRUYỀN CHUYÊN CHỮA CÁC BỆNH



- Đau lưng, đau vai, đau khớp, viêm da khớp, bổ não, đau đầu, ngủ khỏe, ăn khỏe, ho khan, ho họng hạt, ho abidan,...

- Bệnh viêm gan B, khô U, bườ cổ, viêm xoang, viêm xoang mũi dị ứng, thuốc mọc tóc, sỏi thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu, bệnh lậu, ngứa dị ứng, da dầy co thắt, hành tá trắng, phần sống, bệnh trĩ, xa da con, đường ruột,...

- Bệnh ngoài da: Nấm đầu, vẩy nến, lở ngứa toàn thân, sỏi, hội lách, đầu mùa,...

- Thuốc bổ khỏe cường dương và cao bổ khỏe cường dương.

- Các loại rượu gia truyền bốn mùa: Hoa, củ, quả.

ĐƯỜNG ĐI

Hà Nội => Hà Đông => Văn Bình => Tế Tiêu, qua cầu đến ngã 5 chợ Tế Tiêu, rẽ phải cách 150m, hỏi thăm chị Phần - Tuấn

Hà Nam => Phú Lý => Kim Bảng => Đình Xuyên => Mối dồ Đâu Đả rẽ trái qua cầu Tế Tiêu đến ngã 5 chợ Tế Tiêu, rẽ phải cách 150m, hỏi thăm chị Phần Tuấn

Địa chỉ: Bùi Thị Phần

Đội 2 - Tế Tiêu - Đại Nghĩa - Mỹ Đức - Hà Nội

Điện thoại : 0962.280.008



Vattieuxaydungbentre

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Trụ sở chính: Số 12 đường Số 1, Ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, T. Bến Tre

Điện thoại: (075) 382 2315 - Fax: (075) 382 2319

Email: vlxdbentre@yahoo.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Xây dựng công trình công ích
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Bốc xếp hàng hóa
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Chuẩn bị mặt bằng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Kinh doanh cho thuê cảng, kho bãi. Đầu tư dự án xây dựng công trình công nghiệp, công trình dân dụng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 376, đường Trần Phú, P. Cẩm Trung, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.861.044 - 0333.727.343 / Fax: 0333.861.044

Giám Đốc: Ông Nguyễn Công Thọ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HOÀNG ANH

Địa chỉ: Thôn Đại Bái, X. Đại Bái, H. Gia Bình, T. Bắc Ninh

Giám Đốc: Nguyễn Văn Sơn

Chào Mừng Kỷ Niệm

42 Năm

NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

(30/4/1975 - 30/4/2017)



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
VÀ XÂY DỰNG MÊ LINH**



*Ngày Giải Phóng Miền Nam 30/4
& Quốc Tế Lao Động 1/5*

Trụ sở: Tầng 3, số 85, Lê Hồng Phong, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
ĐT: (0219) 3 887 466 - Fax: (0219) 3887 720
Email: phongketoanHH@gmail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG THỌ

ISO: 9001 - 2008

www.longtho.com.vn



ĐC: 421 Bờ Th. Vực, phường Thới Bình, Thành phố Huế
ĐT: 0234.362260, 388.0380 Fax: 0234.362638

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & SẢN XUẤT BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Khu Tân Lập 4, Phường Cẩm Thủy, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh



*Chào mừng ngày
Giải phóng Miền Nam 30/4
& Quốc tế Lao động 1/5*

**ĐẢNG ỦY – HĐND – UBND – UBMTTQVN XÃ TRƯNG TRẮC
HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HUNG YÊN**



*Chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)*

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU ANT

Địa chỉ: Nam Hải - Nam Sơn - Ba Chẽ - Quảng Ninh
Giám đốc: Phạm Văn Bảy



NHÀ MÁY NHÔM ĐÔNG ANH



Một số công trình tiêu biểu



HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI, ĐỒNG BỘ CỦA NHIỀU NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI: HÀN QUỐC, ITALIA, ĐỨC, THỤY SĨ, HOÀ KỲ...

- * Công suất dây chuyền: 10.000 tấn/năm.
- * Sản xuất đàn áp thành nhôm định hình chất lượng cao.
- * Thiết kế, cung cấp, gia công và lắp đặt các sản phẩm nhôm

CÁC SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO CỦA NHÀ MÁY

- * Sản phẩm nhôm định hình Anode, sơn tĩnh điện phủ phim chất lượng cao phục vụ cho xây dựng.
- * Sản phẩm nhôm tấm lớn, khổ rộng cho trang trí nội thất.
- * Sản phẩm nhôm cho ngành công nghiệp: đóng tàu xe, tàu thủy, ô tô, xe máy, xe đạp...
- * Sản phẩm nhôm hoàn thiện: cửa đi, cửa sổ, vách dựng, vách ngăn hoàn thiện.
- * Dịch vụ thi công lắp đặt các công trình

Chào mừng kỷ niệm 42 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017) và Ngày quốc tế Lao động (1/5/2017)

Nhà máy Nhôm Đông Anh rất mong được sự hợp tác của quý khách

HỢP TÁC XÃ PHƯỚC LỘC

Địa chỉ: Tổ 6, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang,
Tỉnh Hà Giang

Chúc mừng

năm mới

An khang - Thịnh vượng

2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN SƠN

Địa chỉ: Thôn 1, Xã Thành Tâm, Huyện Thạch Thành, Thanh Hoá



Chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÚI RỪA

Địa chỉ: Thôn Hợp Thành, Phường Phương Nam,
Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh



*Chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)*



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TÂN

Địa chỉ: Khu phố 3 - Phường 4 - Thị xã Cai Lậy - Tỉnh Tiền Giang
Giám đốc: Ông Ngô Xuân Thuận

- Công ty chúng tôi luôn quan tâm đến việc nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Khách hàng là cốt lõi trong kinh doanh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của đơn vị.
- Kết quả quản lý chất lượng sản phẩm của Công Ty được cấp Chứng chỉ ISO 9001-2000
- Một hàng sản xuất:
 - + Quần dài nam, nữ
 - + Váy nữ
- Thủ trường xuất khẩu:
 - + Nhật Bản
 - + Châu Âu
 - + Châu Á
- Thành tích trong sản xuất kinh doanh của Công ty luôn phát huy và giữ vững bền bỉ qua các năm: Từ năm 2010 đến năm 2016. Kết quả như sau:
 - + Thủ trưởng chính phủ tặng bằng khen trong sự nghiệp XD CNXH và BVQT năm 2010-2012
 - + Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng bằng khen vì đã có thành tích trong công tác năm 2014
 - + Bộ trưởng Bộ Tài Chính tặng bằng khen: Thực hiện tốt chính sách pháp luật về Thuế năm 2015
 - + UBND Tỉnh Tiền Giang bằng chứng nhận do đơn vị có thành tích "Doanh nghiệp Tiên Giang tiêu biểu" năm 2014
 - + UBND Tỉnh Tiền Giang tặng bằng khen: HTSX nhiệm vụ chính trị và chỉ tiêu KH nhà nước năm 2015, 2016 ...



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÒA CHẤT THIẾT BỊ ĐẠI VIỆT

Địa chỉ: Số 43 Quảng Võ - Phường Cát Linh
Quận Đống Đa - Hà Nội
Giám đốc: Ngô Thị Hằng



*Chào mừng kỷ niệm 42 năm
Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam,
thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017)
và Ngày quốc tế Lao động (1/5)*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT HƯNG

Địa chỉ: Xã Thống Nhất - Huyện Hoành Bồ - Tỉnh Quảng Ninh

*Chào mừng kỷ niệm 42 năm
ngày giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2017)*



*Chào mừng kỷ niệm 42 năm
ngày giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2017)*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠT SỰ

Địa chỉ: Xã Việt Thuận, Huyện Vũ Thư, Thái Bình



CHI NHÁNH CÔNG TY PHÁT TRIỂN SỐ 1 TNHH 1TV - NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAC03



*Chào mừng kỷ niệm 42 năm
ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2017)*

Chúc mừng

30.4-01.05

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NGHI SƠN 1 (2x300MW) Km 11 - Hải Hà - Tỉnh Gia - Thanh Hóa

40 năm làm ăn cùng đất nước, Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera đã không ngừng thay đổi và phát triển. Nhiều thế hệ đã làm việc, đem sức lực và trí tuệ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty. Viglacera Việt Trì luôn tự hào là một trong những Công ty thành viên của Tổng công ty Viglacera - CTCP mang lại những sản phẩm sử dụng sinh tốt nhất, hoàn thiện nhất và thân thiện với môi trường.

Được sự định hướng của Tổng công ty Viglacera - CTCP, Công ty đã triển khai thực hiện áp dụng phương pháp quản lý tiên tiến vào sản xuất như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và WaterMark/Standard Mark PCP; điều hành sản xuất theo hướng tập trung khai thác sản xuất các sản phẩm có giá trị cao như bột liên khối, bột thông minh và các dòng chèn cao cấp; áp dụng nhiều công nghệ mới như: Thiết bị lắp đặt và đưa vào sản xuất được 27 hệ thống để rút ngắn cho bột liên, bột rời, chèn rửa, thay thế để tiết kiệm công, nhằm nâng cao năng suất và giảm đi cường độ lao động cho công nhân để rút, lắp đặt hoàn thiện hệ thống đường ống dẫn nhiệt, cấp nhiệt cho hệ thống sấy môi trường, lắp đặt trần, phòng kính giảm thiểu bụi môi trường lên sản phẩm trước khi vào lò trong đầu tư 01 nhà kho để sản phẩm với diện tích sử dụng 800 m², 01 máy nén khí, 01 máy phát điện, xe nâng hàng đồng cơ nhiên liệu diesel. Hoàn thành thực hiện chuyển đổi từ dầu hỏa sang LPG sang CNG từ ngày 05/07/2016. Đầu tư cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sản xuất nhằm đảm bảo nước thải đầu ra đạt qui chuẩn Việt Nam và tái sử dụng nước phục vụ sản xuất, đảm bảo sản xuất thân thiện với môi trường. Bước đầu đã tiết kiệm được 40% lượng nước tiêu thụ so với các năm trước, giảm chi phí cho sản xuất. Chất lượng sản phẩm và mẫu mã công là hai yếu tố được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã thành lập tổ đội kiểm soát chất lượng, độc lập kiểm soát quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý sản xuất và quản lý chất lượng và kỳ vọng đồng tư vấn và phát triển mẫu mã với các công ty nước ngoài để cho ra đời các dòng sản phẩm mới phục vụ cho xuất khẩu...



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRÌ VIGLACERA LÀM ĐẸP CHO MỖI CÔNG TRÌNH BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM SỬ DỤNG HOÀN THIỆN NHẤT

Ngày 7/6/1976, Nhà máy xi măng vôi sét Sông Thao được thành lập theo quyết định của Bộ Xây dựng. Trải qua quá trình hợp nhất, đổi tên, sáp nhập, chia tách, cổ phần hóa, từ ngày 31/12/2003 Công ty chính thức hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera, là thành viên của Tổng công ty Viglacera - CTCP.

Trong suốt 40 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn song tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên công ty luôn đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động xây dựng và đổi mới chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp và đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn. Đặc biệt trong những năm gần đây công ty tiếp tục phát huy một lực, đẩy mạnh công tác chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tập trung sản xuất các dòng sản phẩm cao cấp có giá trị cao đáp ứng tối đa nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã tăng trưởng vượt bậc. Năm 2015 doanh thu đạt 205.576 triệu đồng, lợi nhuận đạt 18.658 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước đạt 10.571 triệu đồng, lương thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt trên 7 triệu đồng/người/tháng. Trong năm 2016, các chỉ tiêu của Công ty vượt mức kế hoạch đề ra, cụ thể chỉ tiêu doanh thu đạt 226.575 triệu đồng, lợi nhuận đạt 23.293 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước đạt 13.063 triệu đồng, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt 6.658 triệu đồng/người/tháng.

Đó là bước phát triển ngoạn mục trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa doanh nghiệp ra một đơn vị gặp khó khăn về mọi mặt trở thành đơn vị mạnh về tài chính và phát triển toàn diện.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty trẻ, đoàn kết, năng động, sáng tạo, đảm bảo làm việc được coi là một nguồn lực quan trọng để doanh nghiệp phát triển trong thời hội nhập kinh tế quốc tế. Công ty luôn chú trọng chăm lo đời sống, phát triển đời sống cán bộ công nhân, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó Công ty phối hợp với Công đoàn và các tổ chức đoàn thể chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên cho đến. Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn được thực hiện đầy đủ theo quy định. Vì vậy người lao động luôn tin tưởng, an tâm lao động sản xuất, gắn bó với doanh nghiệp.

Với những thành tích đạt được trong 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng của các cấp như: Bộ Xây dựng tặng Cờ thi đua là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2014 - 2015; Giấy khen hoàn thành các nghĩa vụ về thuế năm 2015 của Tổng cục thuế; BHOH Việt Nam tặng bằng khen về việc thực hiện tốt chính sách BHOH, BHYT năm 2014-2015; Đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ công nhận là tổ chức có sơ Đảng "trong sạch, vững mạnh tiêu biểu" 4 năm liên 2012 - 2015; UBND thành phố Việt Trì tặng giấy khen là đơn vị có thành tích trong công tác ATVSLD-PCCC năm 2015; UBND tỉnh Phú Thọ tặng bằng khen cán bộ, nhân viên Công ty CP Việt Trì Viglacera đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2015; Tổng công ty Viglacera khen thưởng là "Tập thể lao động xuất sắc" nhiều năm liên. Ngày 26/05/2016, Chủ tịch nước đã ký Quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty. Cá nhân đồng chí Giám đốc Công ty - ông Trần Huy Vĩnh công vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có nhiều giải pháp, sáng kiến trong sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong giai đoạn 2011-2015. Đây là cột mốc ghi nhận sự trưởng thành điển của một nhà máy xi măng trong khó khăn, thiếu thốn, thành một thương hiệu nổi bật trong ngành sử dụng sinh, có đóng góp đáng kể trong tỷ trọng giá trị sản xuất của Tổng công ty.

Tự hào về những kết quả đã đạt được nhưng không thỏa mãn hay ngừng trên chiến thắng bởi Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức rõ phía trước còn nhiều khó khăn, thử thách. Thời gian tới, Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera sẽ tiếp tục thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và Tổng công ty, tập trung sản xuất cho ra đời những sản phẩm sử dụng sinh tốt nhất, thân thiện với môi trường và mở rộng thị trường đến các nước trên thế giới.

THÔNG TIN VỀ VIỆC XÂY DỰNG ĐẠI TƯỢNG PHẬT QUỐC THÁI DÂN AN PHẬT ĐÀI BẰNG ĐÁ HOA CƯƠNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Tâm thư

Kính gửi: Chư tôn đức Tăng Ni

Quý vị Lãnh đạo, quý Thiện tri thức, quý Doanh nhân, đồng bào Phật tử gần xa

Di cội chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam, suốt hơn 2000 năm qua Phật Giáo đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc hộ quốc, an dân, trong đó hình ảnh của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, một trong 14 vị anh hùng dân tộc, có công lao hiển hách hai lần đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông, sau đó xuất gia xây dựng nền "Chính Pháp Trú Lâm" tạo phúc cho muôn đời sau, đã trở thành tâm gương sáng và niềm tự hào của đạo pháp và dân tộc.

Ở Việt Nam, do phát huy được tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống đạo đức, lại được sự hỗ trợ của Phật Pháp, mà chúng ta đã bao lần đánh đuổi được ngoại xâm thoát khỏi họa diệt vong, tồn tại đến hôm nay. Ngày nay, thế giới đang chứng kiến và chịu sự tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế toàn cầu; chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, gia đình... hằng ngày tạo ra thảm họa khôn lường, đe dọa hoà bình, hạnh phúc của toàn nhân loại; ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế - xã hội, truyền thống đạo đức và đời sống gia đình Việt Nam.

Để bảo tồn và phát huy những thành tựu và giá trị xã hội, tâm linh được nhiều thế hệ đúc kết hàng nghìn năm, góp phần vào sự nghiệp kiến thiết và bảo vệ đất nước, cùng với toàn dân tộc Phật Giáo cũng góp phần trong sự nghiệp lớn lao ấy bằng con đường hoàng pháp, độ sinh của mình. Kế thừa và phát huy sự mệnh cao cả của Phật Giáo nước nhà, với khát vọng Hoà bình, Độc lập, Tự do, Hạnh phúc, nhiều duyên lành đưa đến đề công trình "Quốc Thái Dân An Phật Đài" được kiến tạo với hình ảnh đại tượng Phật Thích Ca tọa thiền có chiều cao 49 mét, bằng 35.292 tấn đá khối hoa cương và đá cẩm thạch được khai thác từ lòng Đất Mẹ Việt Nam, hấp thu linh khí, hồn thiêng sông núi hàng triệu năm, là nơi phát toả nguồn năng lượng tâm linh an lành, đem lại sự bình an, hạnh phúc và sự trường tồn cho dân tộc.

"Quốc Thái Dân An Phật Đài" là lòng thành kính của toàn dân hôm nay kiến tạo để tri ân Đức Phật, vị cha lành của muôn loài, đã đem đến cho muôn nhà, muôn người đức hạnh, sự an lạc và hạnh phúc; là công trình tâm linh vĩ đại của Phật Giáo VN, của đất nước, được xây dựng trên nền tảng của đạo pháp, tâm đức và công đức, tài lực, trí lực, từ sự tích tụ tâm nguyện thiện lành và gia tâm chủ nguyện, chung hưởng nguyện cầu của Chư tôn đức Tăng, Ni, Phật tử muôn phương và của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước, hướng về Phật pháp, Tam Bảo.

Nguyện xin kết nối tâm nguyện này trong sự giao cảm nhiệm mầu để Chư tôn đức và Quý vị cùng hướng tâm hỗ trợ cho công trình vì hoà bình thế giới và sự trường an của dân tộc. Nguyện cầu chư Phật, chư Bồ Tát, chư vị Tổ Sư Việt Nam thủy từ gia hộ để công trình thế kỷ này hội đủ duyên lành sớm được thành tựu, tạo phúc cho muôn dân.

Tỷ kheo **THÍCH KIẾN NGUYỆT**
Trụ trì TVTL Tây Thiên

THÔNG TIN VỀ VIỆC XÂY DỰNG ĐẠI TƯỢNG PHẬT "QUỐC THÁI - DÂN AN - PHẬT ĐÀI"

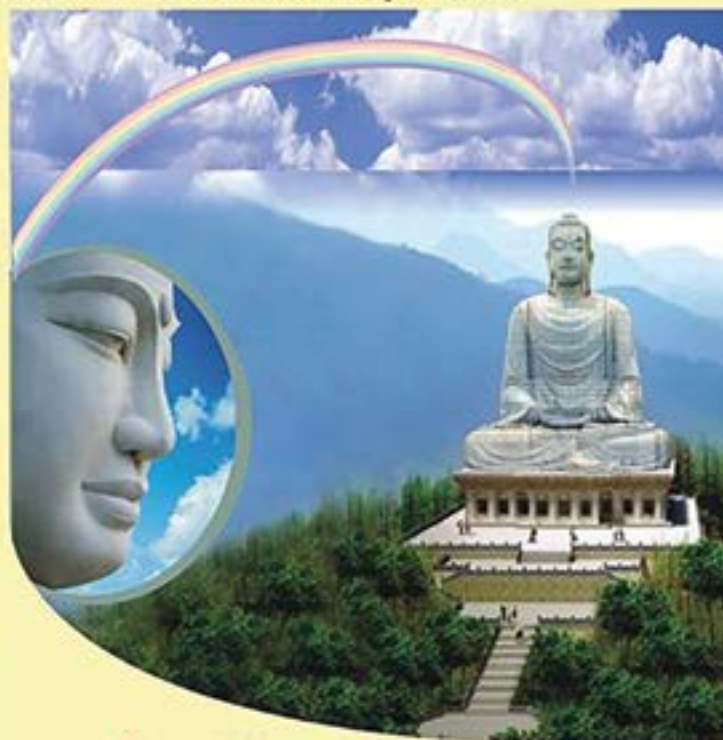
Được sự quan tâm của các vị lãnh đạo, đặc biệt là sự quan tâm của các vị lãnh đạo Đảng, chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Yên Bái Thiên Viện Trúc Lâm Tây Thiên đang triển khai xây dựng công trình "Quốc Thái - Dân An - Phật Đài" tại Xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đây là công trình được xây dựng bằng đá quý được lấy lên từ lòng đất mẹ Việt Nam, loại đá quý này (dự kiến sẽ được khai thác tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái) đã tích tụ linh khí, hồn thiêng sông núi hàng triệu năm và có độ bền cao đối với sự phong hóa của thời tiết. Sau khi xây dựng xong công trình sẽ là nơi hội tụ tâm nguyện lành của dân tộc, có công năng giác ngộ và giải thoát khổ đau cho con cháu hiện đời và mai sau. Đây là một công trình xứng đáng gọi là kỳ công, kỳ tích, kỳ vĩ, có thể so sánh với tượng Nữ thần tự do (Mỹ), tượng Phật Adida (Nhật Bản), tượng Phật Lạc Sơn (Hồng Kông), hay tháp Eiffel (Pháp).

Để cho Phật tử và nhân dân trong cả nước biết được thông tin về việc xây dựng công trình "Quốc Thái - Dân An - Phật Đài" góp phần công đức đồng góp thiện tâm, cầu phúc cho bản thân, gia đình và con cháu mai sau (trên tinh thần nhân quả của đạo Phật); qua đó góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nay Ban hưng công công trình "Quốc Thái - Dân An - Phật Đài" thông báo đến toàn thể nhân dân trong và ngoài nước được biết để phát tâm công đức. Thiên Viện Trúc Lâm Tây Thiên xin cảm niệm công đức của Phật tử xa gần.

Trưởng ban hưng công
Tỷ Kheo **THÍCH KIẾN NGUYỆT**



QUỐC THÁI DÂN AN PHẬT ĐÀI ĐẠI TƯỢNG PHẬT CAO 49M BẰNG ĐÁ HOA CƯƠNG

THIỆN VIỆN TRÚC LÂM TÂY THIÊN

Xã Đại Đình - Huyện Tam Đảo - Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211.3.814207 - Fax: 0211.3.814205

Email: thientvientaythien@gmail.com

Facebook: Quốc Thái Dân An Phật Đài

MỌI ĐÓNG GÓP CÙNG DƯỠNG

Xin gửi về:

NH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VN BIDV

Chủ tài khoản: Ban Hưng Công TVTL Tây Thiên

Số tài khoản VND: 42510000162456

Số tài khoản USD: 42510370021436

Chi nhánh: BIDV Vĩnh Phúc

VIETCOMBANK

Chủ tài khoản: Ban Hưng Công TVTL Tây Thiên

Số tài khoản VND: 0361000225306

Số tài khoản USD: 0361370225307

SWIFT CODE: BFTVVNVX306

Chi nhánh: TP. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

VIETINBANK

Chủ tài khoản: Ban hưng công TVTL Tây Thiên

Số tài khoản: 10201-000184909-5

Chủ tài khoản: Thiên viện Trúc Lâm Tây Thiên

Số tài khoản: 10201-000137817-3

Chi nhánh: H. Tam Đảo - Vĩnh Phúc

NH NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Chủ Tài khoản: Ban Hưng Công TVTL Tây Thiên

CIF: 2809 231 178 739

Số Tài khoản VND: 2809201001179

Số Tài khoản USD: 2809201001185

Chi nhánh: H. Tam Đảo - Vĩnh Phúc



www.thepchuottui.vn

VINAUSTEEL
THÉP VIỆT ÚC



SSESTEEL
THÉP ÚC

Lộc trong thép, vững Tương lai